Các pháp từ xưa nay
Tánh tướng thường vắng lặng
Phật tử siêng hành đạo
Rồi sẽ được thành Phật.

PHÁP SƯ TỪ THÔNG
HIỆU NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ

DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH
TUYỂN TRẠCH TÂN TU

NHÀ XUẤT BẢN
2016 – PL.2560

TỰA

Kinh DUY MA CẬT là bộ kinh thuộc hệ tư tưởng liễu nghĩa dành cho thành phần tối thượng lợi căn. Giáo lý kinh DUY MA CẬT dạy cho mọi người về pháp môn GIẢI THOÁT BẤT TƯ NGHÌ. Hành giả thực hiện được là thành Phật như đức Phật Thích Ca đã thành. Ai có khả năng đoạn sạch vô minh, trừ hết phiền não thì tức thân thành Phật và cõi nước Phật hiển hiện ngay cõi đời này. Giáo lý kinh DUY MA CẬT dạy rằng: Vô thượng Bồ đề không phải là quả vị hứa hẹn để mọi người mỏi mòn hy vọng ước mơ, mà con người ai cũng có khả năng đạt đến bằng nghị lực và trí tuệ của mình.

Trưởng giả Duy Ma Cật là NGƯỜI BẤT TƯ NGHÌ. Ngài thuyết bất tư nghì pháp, trình diễn bất tư nghì cảnh, tập họp bất tư nghì chúng, khiến mọi người phát bất tư nghì tâm, chung qui tán thán bất tư nghì công đức của Phật. Quả Vô thượng Bồ đề là mục đích đến mà trưởng giả Duy Ma Cật vận dụng bất tư nghì sự để hướng dẫn cho mọi người.

Ba lần hiện Tịnh độ nhằm phổ cáo với đại chúng về thần lực bất tư nghì:

Với sức thần bất tư nghì phương tiện của Phật nhãn, đại chúng trông thấy cõi Tịnh độ ở ngay nơi Ta bà uế độ.

Với sức thần bất tư nghì phương tiện của Tuệ nhãn, đại chúng trông thấy ngoài Ta bà uế độ còn có Tịnh độ của Phật Hương Tích rực rỡ trang nghiêm và xa thẳm.

Với sức thần bất tư nghì phương tiện của Tuệ nhãn hợp cùng Phật nhãn, đại chúng trông thấy Tịnh độ của đức Vô Động Như Lai sáp nhập với uế độ Ta bà mà không có tướng rộng hẹp, Uế độ và Tịnh độ không rời cảnh giới này.

Bộ kinh DUY MA CẬT, từ Tây Vực truyền sang Trung Quốc, trước sau có sáu nhà dịch:

* Đời Hậu Hán (25 - 220 TL) Ngài Nghiêm Phật Điều dịch, nhan đề: CỔ DUY MA KINH.

* Đời nhà Ngô (220 – 280 TL) cư sĩ Chi Khiêm dịch, nhan đề: DUY MA CẬT SỞ THUYẾT BẤT TƯ NGHÌ PHÁP MÔN.

* Đời Tây Tấn (265 – 317 TL) Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, nhan đề: DUY MA CẬT SỞ THUYẾT PHÁP MÔN KINH.

* Ngài Trúc Pháp Lan dịch, nhan đề: TỲ LA CẬT KINH.

* Đời Diêu Tần (344 – 413 TL) Ngài Cưu Ma La Thập dịch, nhan đề: PHẬT THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH.

Nội dung tư tưởng các bản dịch không khác nhau nhiều, nhưng ý nhị uyên thâm thì có sâu có cạn. Do vậy suốt quá trình dịch sử cho đến ngày nay, các tùng lâm Phật học đều ái mộ cái nhan đề: "DUY MA CẬT SỞ THUYẾT BẤT TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT PHÁP MÔN KINH.

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, ở Trung Hoa xưa nay các tiền bối sớ giải rất nhiều. Ở Việt Nam ta người dịch và giải trước sau cũng không ít. Tuy nhiên do tư duy nhận thức khác nhau và góc độ nhìn ngắm không đồng, cho nên sự nghiệp phiên dịch sớ giải kinh điển Phật học là công trình sáng tạo không ngừng, mới có thể đáp ứng yêu cầu cho nhiều căn cơ đối tượng.

Phát xuất từ quan điểm nhận thức đó, nhìn qua các bản dịch tại nước ta tôi thấy cần tham dự đóng góp kiến giải Phật học của mình. Trước là ôn cố tri tân, đồng thời cung ứng cho hàng Phật tử hữu duyên cùng đi trên con đường đạo.

Kinh DUY MA CẬT SỞ THUYẾT của Ngài Cưu Ma La Thập, sau khi dịch ra tiếng Việt tôi viết thêm phần TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG ở sau mỗi chương thay vì lời sớ giải mà các tiền bối cổ kim thường làm.

TRỰC CHỈ có nghĩa là chỉ thẳng ý tứ tiềm ẩn, phân tích rõ ràng nghĩa lý sâu xa bàng bạc ở kinh văn,

nhằm hướng dẫn cho người đọc nắm được trọng tâm, biết rõ chủ đích từng bài pháp của mỗi vấn đề.

Nhưng than ôi! Ý Phật nhiệm mầu trông như mây phủ ở đầu non, đến được đầu non mây xa tít. Cơ thiền bảng lảng tưởng chừng trăng trôi mặt nước, vẹt tan mặt nước trăng sâu mù.

Do vậy không thể nào TRỰC CHỈ hết mọi mặt của ý kinh!

Trong lần tái bản này sau hơn 20 năm, tôi có gạn lọc, tuyển trạch, loại bỏ những "danh ngôn", "từ ngữ" có tính cách mập mờ đối với Như Lai chánh pháp. Cho nên tôi chọn nhan đề cho giáo án này là:

"DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH TUYỂN TRẠCH TÂN TU".

Tôi gọi là giáo án vì những kinh luận của tôi biên soạn nhằm để triển khai hướng dẫn mọi người đệ tử Phật, học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp và truyền bá chánh pháp chớ không chủ trương đem tụng trước bàn thờ Phật.

Tôi hy vọng Tăng Ni sinh và hàng Phật tử tại gia tín tâm đã phát khởi chủng tánh Đại Bồ đề vốn có của mình, đọc học được kinh này thì đường tu tập vững bước tiến lên, không một thế lực ma quân tà đạo nào dám lấy mắt mà nhìn, đừng nói chi chuyện manh tâm mê hoặc.

"Học, học nữa và học mãi"!

Học cho đến khi:

- Bồ đề quả thục, nhất chân phi sắc phi không.
- Bát nhã hoa khai, vạn pháp tức tâm tức Phật.

Hòa thượng Từ Thông
Kính đề

PHÀM LỆ

DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH – TUYỂN TRẠCH TÂN TU gồm cả thảy 14 chương. Khi nghiên cứu bộ kinh này, kính mong quý độc giả lưu ý:

1. Phần nguyên văn được in chữ đứng. Đó là phần dịch kinh văn.

2. Phần trực chỉ đề cương in chữ nghiêng để cho độc giả dễ phân biệt. Phần này do bỉ nhân tôi đóng góp bằng kiến giải của riêng mình. Hy vọng phần trực chỉ đề cương sẽ giúp cho độc giả manh mối để tư duy, gợi trí nhận xét khi các vị tham thiền.

3. Đoạn kinh văn dài có nhiều ý, tôi đánh số thứ tự 1, 2, 3... Tôi phân tích diễn giải phần ý nghĩa tiềm ẩn đó trong phần trực chỉ đề cương sau từng chương đó.

Mấy lời kính cáo mong chư độc giả lưu tâm.

Tôi cho rằng tất cả chúng ta ngày nào còn sống trên cõi đời, thì còn phải:

"Học, học nữa và học mãi".

Hòa thượng Từ Thông
Cẩn chí.

CHƯƠNG THỨ NHẤT
CÕI NƯỚC PHẬT

1. Lúc bấy giờ đức Phật ở trong rừng cổ thụ, địa phận thành Tỳ Da Ly cùng rất đông số chúng Tỳ kheo và Bồ tát.

Tất cả là những người đã trồng sâu cội đức tri hành tự tại trên đường tu tập giải thoát giác ngộ, các vị gìn giữ chánh đạo, làm tường thành hộ pháp, truyền bá chánh pháp, là bạn lành của chúng sanh.

Các Ngài thi hành nhiệm vụ nối dòng Tam bảo, hàng phục ma quân, chế ngự ngoại đạo, tâm hành thanh tịnh, xa lìa ngũ cái thập triền, niệm định không rời, biện tài vô ngại.

Các Ngài nói pháp Lục độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thành tựu viên mãn được Vô sanh nhẫn mà không khởi tâm sở đắc. Tùy thuận căn cơ mà chuyển pháp luân. Thấu rõ thật tướng các pháp. Biết suốt căn tánh chúng sanh. Công đức và trí huệ vượt hơn đại chúng. Tướng hảo đoan nghiêm.

Uy đức vòi vọi. Đức tin vững chắc thường mưa pháp nhủ độ sanh. Thuyết phục nhân tâm truyền đạt pháp âm vi diệu. Thâm nhập chân lý, thấy rõ vạn pháp duyên sanh. Dứt hết tà kiến không kẹt hai bên, hoặc lậu Tam giới không còn. Thuyết pháp như sư tử hống. Biện tài vô ngại. Được Thập lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp. Làm vị đại y vương tùy bệnh chúng sanh mà cho thuốc pháp.

Các Ngài vốn là những người đã thành tựu công đức trang nghiêm trong cõi nước Phật.

2. Danh hiệu của các Ngài là: Đẳng Quán Bồ tát, Bất Đẳng Quán Bồ tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ tát, Định Tự Tại Vương Bồ tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ tát, Pháp Tướng Bồ tát, Quang Tướng Bồ tát, Quang Nghiêm Bồ tát, Bảo Tích Bồ tát, Biện Tích Bồ tát, Di Lặc Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ tát...

Lại có các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di tham dự thính pháp rất đông.

3. Hôm nay trong thành Tỳ Da Ly có trưởng giả tử tên là Bảo Tích và năm trăm vị trưởng giả tử khác, mỗi vị cầm một cây lọng thất bảo đồng đến đảnh lễ Phật, rồi cùng dâng tất cả lọng ấy cúng dường Phật.

Đức Phật vận dụng sức thần phương tiện như huyễn của lòng đại từ hợp nhất năm trăm cây lọng lại thành một. Tất cả núi sông, biển cả, sông ngòi, vô vàn

tinh tú trong vũ trụ và các cõi nước của chư Phật mười phương đều hiện rõ trong cây lọng báu ấy.

Trông thấy sự kiện này, tất cả đại chúng đồng tán thán: Hy hữu! Hy hữu thay!

4. Bấy giờ trưởng giả tử Bảo Tích thay lời đại chúng, trước Phật nói lên bài kệ phát xuất từ lòng ái mộ tôn kính vô biên:

Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh

Tâm Phật hằng trụ trong thiền định

Tịnh nghiệp tích lũy từ lâu đời

Đại chúng cúi đầu nguyện tu học.

Sức thần Phật vượt quá nghĩ bàn

Đại chúng hết thảy được thấy nghe.

Pháp vương, Pháp lực vượt quần sanh

Thí pháp, thí tài cho tất cả

Phân biệt dạy rành các Pháp tướng

Chân lý Đệ nhất nghĩa siêu tuyệt.

Thế Tôn tự tại trước các pháp

Đại chúng đảnh lễ đấng Pháp vương

Thuyết pháp: Không có, cũng không không

Có nhân duyên Như Lai nói có.

Pháp vốn vô ngã, vô nhân, vô thọ giả

Khi xưa tịnh tọa cội Bồ đề
Được giải thoát chứng thành Đại giác
Người trời chứng đạo nhờ nương đó.
Tam bảo giờ hiện hữu thế gian
Phật dùng pháp dược độ quần sanh
Bệnh, lão, tử: Đại y vương Phật.
Kính lễ pháp hải đức vô biên
Khen chê bất động như núi cao
Tốt xấu sử dụng một từ tâm
Tâm hành bình đẳng như hư không
Đấng Pháp vương nhiều người qui ngưỡng.
Tâm tịnh nhìn Phật thấy an vui
Tự thấy Thế Tôn ở trước mình
Đấy là sức thần bất cộng pháp
Phật thuyết pháp đồng một pháp âm
Các căn cơ tùy hiểu hợp cơ mình
Tự nhủ: Thế Tôn vì ta nói
Đấy là thần lực pháp bất cộng.
Phật thuyết pháp cùng một diệu pháp
Chúng sanh tùy căn tánh hiểu khác nhau
Dù hiểu khác đều được lợi ích

Đấy là thần lực pháp bất cộng.

Phật thuyết pháp đồng một pháp âm

Nghe ra hoặc sợ hoặc vui mừng

Yểm ly trần tục hoặc đoạn nghi

Đấy là thần lực pháp bất cộng.

Kính lễ đấng Thập lực viên mãn!

Kính lễ đấng Vô sở úy viên mãn!

Kính lễ đấng Bất cộng pháp viên mãn!

Kính lễ đấng Đạo sư của chúng sanh!

Kính lễ đấng Viễn ly triền phược!

Kính lễ đấng đã đến bờ bên kia!

Kính lễ đấng vượt khỏi thế gian!

Kính lễ đấng vĩnh ly đường sanh tử!

Kính lễ đấng Vô sở y như hư không!

Không nhiễm thế gian, như hoa sen

Hằng trụ an nhiên hạnh không tịch.

Sau khi nói bài kệ xong, trưởng giả tử Bảo Tích thưa với Phật:

Bạch Thế Tôn! Năm trăm vị trưởng giả tử trong hội này đã từng phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Hôm nay chúng con muốn được nghe Phật dạy cho chúng con về cõi nước thanh tịnh của chư Phật và xin Phật

dạy cho chúng con trên đường tu hành muốn xây dựng cho mình cõi Phật thanh tịnh thì phải làm sao?

5. Phật dạy: Bảo Tích và các trưởng giả tử hãy lắng nghe. Hôm nay Như Lai sẽ dạy cho các ông về vấn đề xây dựng cho mình có được cõi Phật thanh tịnh.

Này Bảo Tích! Mọi tầng lớp chúng sanh chính là cõi Phật thanh tịnh của Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát dựa trên công hạnh giáo hóa chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Tùy sự điều phục chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Tùy sự bồi dưỡng trí tuệ cho chúng sanh mà có được cõi Phật thanh tịnh. Tùy sự gieo trồng Phật chủng cho chúng sanh mà Bồ tát có được cõi Phật thanh tịnh.

Này Bảo Tích! Bồ tát có được cõi Phật thanh tịnh là dựa trên công hạnh làm lợi lạc cho chúng sanh. Ví như người muốn xây cất lâu đài phải xây nền móng trên đất vậy. Nếu không có đất không thể xây cất lâu đài. Lại cũng ví như hoa sen, sen không mọc trên đỉnh núi đá cao trơ trọi. Sen và hoa sen phải được mọc và trổ tự bùn lầy. Bồ tát cũng như vậy! Do làm lợi lạc cho chúng sanh mà Bồ tát có được cõi Phật thanh tịnh và nhận thấy cõi nước Phật.

Này Bảo Tích! Ông nên biết:

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng TRỰC TÂM. Vì vậy khi thành Phật không còn chất lòn cúi, nịnh bợ ở con người.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng THÂM TÂM. Vì vậy khi thành Phật đầy đủ tất cả công đức lành.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng BỒ ĐỀ TÂM. Vì vậy khi thành Phật, Phật chỉ nói Pháp liễu nghĩa thượng thừa.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng việc làm BỐ THÍ. Vì vậy khi thành Phật viên mãn hạnh xả ly.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng công đức TRÌ GIỚI. Vì vậy khi thành Phật thập thiện nghiệp đạo viên mãn.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng hạnh NHẪN NHỤC. Vì vậy khi thành Phật có đủ tướng hảo trang nghiêm.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng sức TINH TẤN. Vì vậy khi thành Phật chỉ phát triển công đức lành.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng THIỀN ĐỊNH. Vì vậy khi thành Phật thường bất loạn trong sự nhiếp tâm.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng TRÍ TUỆ. Vì vậy khi thành Phật cõi nước chỉ có chúng sanh chánh định.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng TỨ VÔ LƯỢNG TÂM. Vì vậy khi thành Phật từ bi hỷ xả thành tựu viên mãn.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng TỨ NHIẾP PHÁP. Vì vậy khi thành Phật có đầy đủ phương tiện thiện xảo hóa độ chúng sanh.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO. Vì vậy khi thành Phật, pháp Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát chánh đạo đầy đủ.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng sự THUYẾT PHÁP, dạy cho mọi người dứt trừ nhân BẤT NẠN. Vì vậy khi thành Phật không còn cái nhân sanh trong Tam đồ.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng TỰ GIỮ GIỚI HẠNH, KHÔNG CHÊ BAI CHỖ SAI KHUYẾT của người khác. Vì vậy khi thành Phật không có cái từ phạm giới.

Bồ tát xây dựng cõi Phật bằng THẬP THIỆN NGHIỆP. Vì vậy khi thành Phật lời nói chắc thật, ngôn âm dịu dàng, hòa giải khéo léo, không tật đố, không phẫn nộ, mọi hành động đều lợi ích cho chúng sanh.

Như thế đó Bảo Tích! Bồ tát muốn có cõi Phật thanh tịnh thì phải tu sửa tâm mình thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì Bồ tát có được cõi Phật thanh tịnh.

6. Lúc bấy giờ thầy Xá Lợi Phất khởi ý hoài nghi rằng: Nếu tâm Bồ tát thanh tịnh thì có cõi nước Phật thanh tịnh. Vậy Thế Tôn xưa kia, khi tu nhân, hành Bồ tát hạnh có lẽ nào tâm không thanh tịnh, mà cõi Phật ngày nay không thanh tịnh như thế này!

Phật biết ý niệm hoài nghi của thầy Xá Lợi Phất, liền bảo: Xá Lợi Phất! Thầy nghĩ thế nào? Mặt trời,

mặt trăng há chẳng sáng hay sao, vậy mà những người mù không thấy?

Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Có. Mặt trời, mặt trăng vẫn sáng nhưng người mù không thấy, lỗi tại mắt họ mù!

Phật dạy: Xá Lợi Phất! Do vì bất thiện nghiệp của chúng sanh, làm cho chúng sanh không thấy cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của Phật, chứ không phải cõi nước của Phật không trang nghiêm thanh tịnh.

Xá Lợi Phất! Cõi nước của Phật vốn thanh tịnh, tại thầy không thấy.

Bấy giờ Bồ tát Loa Kế Phạm Vương nói với thầy Xá Lợi Phất: Thầy đừng nghĩ như vậy! Không nên cho rằng cõi Phật của Thế Tôn không thanh tịnh. Chính tôi thấy cõi Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh như cõi nước của chư Phật trong mười phương.

Xá Lợi Phất nói: Tôi thấy cõi này gò nỗng, gai gốc, núi non, rừng rú và nhiều những thứ cấu uế.

Bồ tát Loa Kế Phạm Vương nói:

- Tại vì tâm của thầy còn phân biệt thấp cao, cho nên thầy thấy cảnh giới có cao thấp.
- Tại thầy không sử dụng Tuệ nhãn, cho nên thầy thấy cõi nước Phật không thanh tịnh!
- Thưa thầy Xá Lợi Phất! Bồ tát nhìn thấy tất cả chúng sanh bằng cái thấy bình đẳng. Phát xuất từ thâm

tâm thanh tịnh và sử dụng trí tuệ thanh tịnh, thì thầy sẽ thấy cõi nước Phật thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

- Xá Lợi Phất! Cõi nước mà Thích Ca Mâu Ni Phật đang sinh hoạt, đang thuyết pháp giáo hóa hiện nay đây hằng thanh tịnh trang nghiêm. Chỉ vì người nghiệp chướng nặng nề mà thấy toàn những cảnh bất tịnh nhơ xấu.

- Xá Lợi Phất! Nếu tâm của người thanh tịnh thì nhìn thấy cõi này là cõi vô lượng công đức trang nghiêm thanh tịnh.

Đang lúc đức Phật dạy về cõi nước trang nghiêm thanh tịnh và chân lý liễu nghĩa này, thì Bảo Tích và năm trăm trưởng giả tử đều giác ngộ và cùng thể nhập Vô sanh pháp nhẫn. Rất nhiều người phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề, tỏ ngộ pháp hữu vi là vô thường, xa lìa trần cấu, tâm ý rỗng rang trong sáng.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Phật quốc là cõi nước Phật. Nói cách khác là cảnh giới của người tỉnh thức hoàn toàn và giác ngộ chân lý trọn vẹn.

Cõi nước Phật không ở cao cũng chẳng phải ở xa, cõi nước Phật tại tâm người.

2. Danh hiệu của Bồ tát tiêu biểu cho đức độ và hạnh nguyện của vị Bồ tát đó.

Đẳng Quán Bồ tát là Bồ tát thường sử dụng quán trí nhận thức bên mặt bình đẳng trên phương diện BẢN THỂ chung cùng.

Bất Đẳng Quán Bồ tát là Bồ tát thường sử dụng quán trí nhận thức vạn pháp bên mặt sai biệt trên phương diện HIỆN TƯỢNG tùy duyên.

Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ tát là Bồ tát vận dụng quán trí nhận thức vạn pháp cả hai mặt BẢN THỂ và HIỆN TƯỢNG, bình đẳng lẫn sai biệt…

Người học Phật có thể nhận biết tổng quát đạo hạnh Bồ tát qua các danh hiệu ấy…

3. Phật dùng sức thần phương tiện như huyễn của lòng đại từ để hợp năm trăm cây lọng thành một. Hiện tượng này nhằm dạy cho đại chúng bài pháp: Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất.

Tất cả núi sông, biển cả, sông ngòi, vô vàn tinh tú và các cõi nước của chư Phật mười phương đều hiện rõ trong cây lọng báu. Sự kiện đó đức Phật muốn dạy cho đại chúng bài pháp: Nhất chân pháp giới, pháp giới bất nhị.

4. Các trưởng giả tử vì lòng kính mộ mà nói kệ tán thán Phật. Việc làm đáng khen, nhưng những lời lẽ

tán thán đó chẳng khác nào trẻ con khen ngọc kim cương đẹp, làm sao lũ trẻ hiểu hết được giá trị màu sắc của ngọc kim cương!

5. Muốn có cõi Phật thanh tịnh, trước phải thanh tịnh tâm. Tâm thanh tịnh thì có cõi Phật thanh tịnh.

Muốn xây dựng cõi Phật, Bồ tát phải dựa nơi chúng sanh. Chúng sanh là cơ sở để Bồ tát xây dựng cõi Phật cho mình. Bồ tát rời chúng sanh thì không còn đối tượng để thi thố Bồ tát hạnh. Xây lâu đài phải xây trên đất, cũng như hoa sen đẹp phải mọc từ bùn.

Do có chúng sanh, do sự điều phục và giáo hóa chúng sanh, Bồ tát xây dựng cho mình một lâu đài Phật quốc.

6. Cõi Phật của đức Phật Thích Ca vẫn trang nghiêm thanh tịnh như cõi nước của chư Phật mười phương. Thế mà thầy Xá Lợi Phất lại thấy không thanh tịnh, chẳng trang nghiêm!

Đức Phật đưa ra ví dụ người mù đứng dưới ánh nắng ban mai, trước cảnh trăm hoa đua nở mà chàng ta không thể thấy ánh sáng, cũng chẳng thấy đẹp đẽ gì!

Lỗi tại ai? Mọi người đã rõ!

*

* *

CHƯƠNG THỨ HAI
PHƯƠNG TIỆN

1. Bấy giờ trong thành Tỳ Da Ly có vị trưởng giả tên là DUY MA CẬT. Trưởng giả Duy Ma Cật là người đã từng tôn trọng, tán thán, cúng dường chư Phật thường xuyên liên tục trong cuộc sống, gốc rễ lành trồng sâu, cho nên ông đã được Vô sanh pháp nhẫn.

Trong hàng Bồ tát, Duy Ma Cật là vị Bồ tát biện tài vô ngại, du hí thần thông, hàng phục các ma được vô sở úy, thể nhập sâu sắc các pháp môn, trí tuệ siêu tuyệt, phương tiện linh hoạt, biết rõ tâm tưởng của chúng sanh, phân biệt độn căn, lợi căn của đối tượng. Ngài ở trong Phật đạo từ lâu, đã thuần thục thâm tín pháp liễu nghĩa thậm thâm. Việc làm vững chãi, suy nghĩ chín chắn, trụ oai nghi Phật, tâm lớn như biển, chư Phật ngợi khen, hàng người trời cung kính.

2. Vì muốn độ người, Bồ tát Duy Ma Cật phương tiện ở thành Tỳ Da Ly.

Để cảm hóa người nghèo, Bồ tát Duy Ma Cật bố thí nhiều của cải. Để cảm hóa người phạm giới, Ngài trì giới thanh tịnh. Để cảm hóa người nóng nảy, Ngài

biểu lộ hạnh kiên nhẫn ôn hòa. Để độ người giải đãi, Ngài thực hành tinh tấn. Để cảm hóa người tán loạn tâm, Ngài thiền định nhất tâm. Để cảm hóa người vô trí, Ngài hướng dẫn phát huy trí tuệ.

Dù Ngài là bạch y mà phụng trì luật hạnh của Sa môn. Ở tại gia mà không lưu luyến Tam giới. Có vợ con mà thường tu phạm hạnh. Có quyến thuộc mà thường thích viễn ly. Phục sức đồ quí mà lòng không tham đắm ái nhiễm. Ăn uống như thế gian mà vui bằng cái vui của thiền định. Tham gia sòng bạc cốt yếu để độ người. Tùy thuận ngoại đạo mà chánh tín không lung lạc. Đến thanh lâu để chỉ rõ cho mọi người tai họa của ái dục. Đọc hiểu suốt sách vở thế gian mà thường vui với giáo pháp Phật. Nhằm cảm hóa mọi người mà giữ gìn chánh pháp. Kinh doanh được tiền của nhưng chẳng lấy đó làm vui. Dạo chơi khắp phố phường để làm điều lợi ích cho nhân quần xã hội. Tham gia trị chánh nhằm để góp phần truyền bá đạo đức thánh thiện cho mọi người. Tham dự các diễn đàn hội thảo, cốt lèo lái hướng dẫn mọi người đi vào đường Phật đạo. Vào học đường nhằm để dẫn dắt tuổi trẻ thanh niên. Vào quán rượu như mọi người, nhằm nêu tấm gương nghị lực tự chủ.

3. Ở cương vị trưởng giả, Bồ tát Duy Ma Cật gương mẫu trong hàng trưởng giả, vì họ mà nói chánh pháp. Ở trong cư sĩ, gương mẫu trong hàng cư sĩ, dứt hết các tham nhiễm tầm thường. Ở trong dòng Sát đế lỵ, gương mẫu trong hàng Sát đế lỵ để dạy họ về đức

nhẫn nhục. Ở trong dòng Bà la môn, gương mẫu trong hàng Bà la môn nhằm dạy trừ bỏ tánh ngã mạn. Ở trong nội chính đại thần, gương mẫu trong hàng đại thần nhằm dạy họ học chánh pháp. Ở trong hàng vương tử, gương mẫu trong hàng vương tử để dạy họ về đạo lý hiếu trung. Ở trong nội quan, gương mẫu trong hàng hoạn quan để dạy các cung tần về chánh tâm chánh hạnh. Ở trong thứ dân, gương mẫu trong hàng thứ dân để hướng dẫn họ làm điều chánh thiện. Ở trong cương vị hộ thế thì gương mẫu trong hàng hộ thế, nhằm hướng dẫn người dân đi vào con đường lạc nghiệp an cư.

Trưởng giả Duy Ma Cật vận dụng vô số phương tiện để đem lại lợi lạc cho chúng sanh.

Và hôm nay trưởng giả lại hiện thân có bệnh.

Nghe trưởng giả Duy Ma Cật bị bệnh, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà la môn và các thân thuộc rất đông lần lượt đến tịnh thất của trưởng giả để vấn an. Nhân cơ hội có nhiều người đến thăm bệnh, trưởng giả Duy Ma Cật thừa cơ thuyết chánh pháp.

4. Thưa chư nhân giả! Thân này vô thường, không mạnh, không bền chắc. Nó là cái thứ mau mục nát, dễ rệu rã chẳng đáng tin cậy. Nó là cái khối chứa nhóm các khổ đau, buồn phiền và nhiều bệnh tật.

5. Thưa chư nhân giả! Người trí không tin cậy ở thân. Nó như bọt nước không thể cầm nắm, như bong

bóng không tồn tại được lâu, như bóng nắng do khát ái mà thấy có. Thân này như cây chuối do nhiều bẹ hợp lại thành cây, trong đó không có cái nào rắn chắc. Thân này như huyễn từ điên đảo khởi sanh. Thân này như mộng do vọng kiến, thật chẳng có gì. Thân này như ảnh do nghiệp duyên hiện. Thân này như tiếng vang do nhân duyên mà có. Thân này như mây nổi phút chốc tan mất. Thân này như tia chớp niệm niệm không ngừng. Thân này vô chủ ví như đất. Thân này vô ngã ví như lửa. Thân này vô thọ ví như gió. Thân này vô nhân ví như nước. Thân này không thật vì là sự tổ hợp của thất đại. Thân này vốn không vì không có ngã, ngã sở hữu. Thân này vô trí như cỏ cây, ngói gạch. Thân này vô tác giả do sức gió nghiệp chuyển sanh. Thân này bất tịnh đầy nhẫy uế trược xấu xa. Thân này tạm bợ rỗng không, dù có ăn mặc tắm rửa nhưng chung qui cũng tiêu ma hoại diệt. Thân này là tai họa chứa nhóm một trăm lẻ một bệnh khổ sầu đau. Thân này như ao giếng trên đất gò, bao nhiêu thứ bệnh bức ngặt thường xuyên. Thân này không cố định vì không biết sẽ chết lúc nào. Thân này như rắn độc, như giặc thù, như hội tụ hư không, do ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới gá hợp mà thành.

6. Thưa chư nhân giả! Phải sanh tâm khinh rẻ cái thân này. Nên sanh tâm ham mến thân Phật. Vì thân Phật là Pháp thân. Thân Phật từ vô lượng công đức trí tuệ sanh. Từ giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến sanh. Từ từ, bi, hỷ, xả sanh. Từ bố thí, trì giới,

nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ sanh. Từ phương tiện sanh. Từ lục thông sanh. Từ tam minh sanh. Từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh. Từ chỉ, quán sanh. Từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sanh. Từ chỗ dứt hết tất cả các pháp bất thiện, chứa nhóm tất cả thiện nghiệp sanh. Từ không phóng dật sanh. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai!

Thưa chư nhân giả! Muốn được thân Phật, muốn vứt bỏ cái thân nhiều bệnh khổ của chúng sanh thì phải phát tâm Vô thượng Bồ đề!

Trưởng giả Duy Ma Cật vì những người đến thăm bệnh nói những pháp ứng cơ như thế, khiến cho vô số người phát tâm Vô thượng Bồ đề.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Tạo cái cớ qui tụ đông người đến để thuyết pháp, trưởng giả Duy Ma Cật không bệnh giả bệnh. Đó là phương tiện về việc làm.

Pháp được nói ở phẩm kinh này chưa đá động gì đến Pháp liễu nghĩa, chỉ nói thuần Pháp phương tiện.

2. Qua thành tích, Bồ tát Duy Ma Cật có gần đủ những đức tánh từ bi, trí tuệ, phương tiện biện tài... như Phật. Bồ tát Duy Ma Cật ở giai cấp nào gương mẫu trong giai cấp đó. Có vậy chúng sanh mới nghe, mới tin, mới phục, thì lý tưởng và mục đích của Bồ tát mới thành hiện thực và tồn tại ở trong lòng mọi người.

3. Muốn bắt hùm phải vào hang cọp. Muốn cảm hóa giới nào phải đồng sự với họ. Đó là "thủ đoạn" nhưng đem lại hiệu quả cao. Thực ra "thủ đoạn" và "phương tiện" là một. Là thủ đoạn hay là phương tiện, chỉ biết sau khi kết quả của việc làm cụ thể hình thành.

4. Hướng dẫn tư tưởng cho đại chúng suy nghĩ về thân, xem thường thân vì sự mục bở, sự bất tịnh, sự không bền chắc. Khuyến khích mọi người hãy phát tâm hâm mộ Phật thân. Thân Phật là thân Kim cang bất hoại. Đó là phương tiện về tư tưởng trong sự nghiệp giáo hóa độ sanh.

5. Thân vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Thân như mộng, huyễn, bào, ảnh, như ba tiêu, như càn thát bà thành... cần phải yểm ly khinh rẻ nó. Nhận thấy được các đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của hiện tượng vạn pháp, mới là người đích thực chứng ngộ chân lý Nhất thừa Bồ đề đạo.

6. Yểm ly thân này ham cầu thân Phật, chưa phải là người thể nhập tri kiến Phật của chính mình. Vì vậy pháp mà Bồ tát Duy Ma Cật thuyết ở phẩm kinh này chỉ là pháp PHƯƠNG TIỆN.

CHƯƠNG THỨ BA
THANH VĂN

I. VẤN ĐỀ THIỀN

Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật tự nghĩ: Nay mình nhuốm bệnh, nằm một mình trên giường trong một tịnh thất, đức Thế Tôn là bậc Đại từ rồi đây thế nào cũng xót thương và sai người đến thăm bệnh.

Phật cảm thông thâm ý của trưởng giả Duy Ma Cật, bèn gọi thầy Xá Lợi Phất đến và bảo:

Xá Lợi Phất! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật. Hiện nay ông ấy có bệnh.

Thầy Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Con xin Thế Tôn thương cho! Con không kham lãnh trách nhiệm đến thăm bệnh ông ấy!

Bạch Thế Tôn! Trước đây một hôm nọ con đang ở trong rừng ngồi thiền dưới một cội cây, tình cờ ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ngài bất tất phải ngồi như thế mới là ngồi thiền! Luận về thiền không cần nhất thiết phải ngồi. Thiền giả không dính mắc Tam

giới, mà thân tâm vẫn sinh hoạt mới là thiền. Sinh hoạt trong oai nghi như bình nhật mà không rời chánh định mới là thiền. Làm mọi việc như kẻ phàm phu mà không xao lãng đạo pháp mới là thiền. Tâm không cột vào trong, mà cũng không tản mạn ra ngoài mới là thiền. Trước bao nhiêu tà kiến dị thuyết mê tín hoang đường mà tâm không bị lay động, không bị mê hoặc, không bị cám dỗ xiêu lòng, vững tâm trong ba mươi bảy phần trợ đạo thế mới là thiền. Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết bàn thế mới là thiền. Được như thế thì đó là thứ thiền được Phật ngợi khen và ấn khả, thưa Ngài Xá Lợi Phất.

Bạch Thế Tôn! Thầy Xá Lợi Phất thưa: Sau khi con nghe những lời như thế, con lặng người sửng sốt, chẳng trả lời được câu nào. Vì vậy con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sau Phật diệt độ, giáo lý Phật bị phân hóa, chia ra thành nhiều bộ, nhiều tông, nhiều phái và nhiều dị thuyết. Có nhiều phương cách được gọi là tu hành, nhưng lấy Tuệ giác mà suy, lấy Đạo nhãn mà nhìn:

Trong các tông phái, trong những phương cách tu hành ấy có nhiều thứ giáo lý ngoại lai không xuất phát từ đạo Phật chánh thống.

Giáo lý then chốt đưa người tu hành đến quả vị Bồ đề Niết bàn là Thiền học và Thiền tu, mà không cần đặt thêm ra một tông, một phái hay một pháp môn nào khác.

Tu mà không có thiền giống như ăn cơm không có muối. Dù có được ăn, nhưng yếu đuối, èo uột, ngày chết chẳng còn xa.

Người thọ Tam quy, Ngũ giới cũng phải học thiền. Có thiền mới nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng. Có thiền mới chặn đứng những sai trái mình sắp làm.

Tu Thập thiện nghiệp để hưởng phước báo người trời, cũng phải học thiền, tham thiền.

Sơ thiền, tham đề tài LY cấp một. Nhị thiền tham đề tài ĐỊNH. Tam thiền tham đề tài LY cấp hai. Tứ thiền tham đề tài XẢ… Đó là quá trình hành thiền của Thiên thừa Phật giáo.

Để được A la hán quả, thiền phải tích cực hơn nhiều, phải thường xuyên liên tục để thu nhiếp tâm và làm chủ tự tâm. Ba mươi bảy phần trợ đạo là đề mục thiền của hàng Thanh văn tham tọa: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần, Bát chánh đạo.

Bồ tát thừa thi hành thiền và phát huy thiền theo quá trình tiệm tiến qua Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Năm độ trước thiền để phát huy cái gọi là "phước đức". Độ thứ sáu thiền để phát huy trí tuệ, để Bồ tát hoàn thành phước huệ đầy đủ là đạt đến đỉnh cao Bồ đề Vô thượng.

Bồ tát Duy Ma Cật luận về thiền và giới thiệu cho Ngài Xá Lợi Phất về Như Lai thiền.

Như Lai thiền KHÔNG NHẤT THIẾT PHẢI TỌA mới có thiền. Thiền trong khi đi, đứng, nằm, ngồi… đều hiệu quả như nhau.

Thiền định có nghĩa là TƯ DUY TU, đối cảnh thì tư duy, có đề tài thì quán chiếu, không luận đứng, đi, nằm, ngồi.

Thiền định còn có nghĩa là TĨNH LỰ, thiền giả tư lự một đề tài trong lúc tâm thật yên tĩnh. Thiền giả có thể sáng tác đề tài thiền trong mọi chốn mọi nơi, ở mọi hoàn cảnh và mọi thời gian.

Rút lại, Thiền là pháp môn tu phổ biến trong toàn bộ nền giáo lý Phật. Học kinh, luật, luận rồi phải HÀNH THIỀN mới đem lại kết quả.

*

* *

II. VẤN ĐỀ THUYẾT PHÁP

Đức Phật gọi thầy Đại Mục Kiền Liên đến và bảo: Mục Kiền Liên! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

Mục Kiền Liên thưa: Bạch Thế Tôn! Con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông ấy!

Bạch Thế Tôn! Trước đây có lần con đi vào một thôn xóm nọ trong thành Tỳ Da Ly. Vì một nhóm cư sĩ con nói pháp cho họ nghe. Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

1. Thưa Ngài Mục Kiền Liên! Vì hàng bạch y cư sĩ nói pháp, Ngài không nên nói những pháp như vậy. Phàm nói pháp phải nói PHÁP NHƯ của pháp.

Bởi vì pháp không có tướng chúng sanh, xa lìa sự cấu nhiễm về chúng sanh. Pháp không có tướng thọ mệnh, xa lìa sanh tử ưu bi. Pháp không có tướng nhân, vì thời gian trước và thời gian sau không phải một. Pháp thường vắng lặng vì dứt bặt các tướng. Pháp ly tất cả tướng vì nó không phải đối tượng sở duyên. Pháp không có tên, không có lời để gọi vì ngoài sự nghĩ ngợi nói năng. Pháp không có gì để nói vì nó ly các giác quán. Pháp không hình tướng vì nó như hư không. Pháp không như trò giỡn vì nó hoàn toàn rỗng lặng. Pháp không phải là ngã sở hữu vì nó rời ngoài ngã sở hữu. Pháp không thể phân biệt vì nó vượt ngoài sự nhận thức đánh giá. Pháp không có thể so sánh vì nó không ở trong vòng đối đãi. Pháp không lệ thuộc vào

nhân vì pháp tồn tại ở duyên. Pháp hòa đồng Pháp tánh vì nó dung nhập với Pháp tánh. Pháp tùy thuận với pháp NHƯ vì nó không chỗ tùy. Pháp trụ nơi thực tế vì pháp bất đồng với bên hữu và bên vô, bên đoạn và bên thường. Pháp không có dao động vì nó không tương can với lục trần. Pháp không có đến đi vì pháp vốn là bất trụ. Pháp tùy thuận với không, vô tướng và vô tác. Pháp rời tốt xấu. Pháp không tăng nhiều, không giảm thiểu. Pháp không có chỗ qui thú, nó vượt qua nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Pháp không có cao thấp. Pháp thường trú bất động. Pháp xa lìa tất cả sự nghĩ ngợi và thi thố.

Thưa Ngài Mục Kiền Liên! Pháp như thế thì làm sao mà có thể nói được?

Luận đến chỗ cứu cánh của vấn đề thuyết pháp thì người nói không nói gì hết, không phô bày gì hết; người nghe không nghe gì hết và không được có một sở đắc nào. Ví như ảo thuật sư làm ra người ảo, người ảo lại nói chuyện ảo. Phải xác lập ý thức kiên định như thế rồi mới nên thuyết pháp.

2. Còn nữa, thưa Ngài Mục Kiền Liên! Người thuyết pháp phải biết căn tánh của chúng sanh. Trước một hay nhiều đối tượng phải đọc thấy rõ ràng căn tánh của họ lợi hay độn. Phải nghĩ rằng thuyết pháp là truyền bá duy trì cho ngôi tam bảo cửu trụ thế gian. Thuyết pháp nhằm để báo đáp thâm ân Phật. Phải lập chí như vậy rồi sau mới thuyết pháp.

Bạch Thế Tôn! Thầy Mục Kiền Liên thưa! Sau khi trưởng giả Duy Ma Cật nói thời pháp đó, có tám trăm cư sĩ phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Con không được biện tài như thế. Cho nên con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Pháp có Pháp tánh và Pháp tướng, Pháp liễu nghĩa và Pháp bất liễu nghĩa, Pháp phương tiện và Pháp nhất thừa Bồ đề đạo.

Về Pháp tánh khởi ý nghĩ đã sai, mở lời nói không đúng. Bồ tát Duy Ma Cật gọi thứ Pháp tánh đó là pháp NHƯ.

NHƯ có nghĩa là tự nó sao để vậy. Đừng nói bàn, đừng nghĩ ngợi. Vì nó ly tất cả, ly văn tự, ly ngôn thuyết, ly tâm duyên…

Người nói được Pháp tánh phải là người thành thạo diễn đạt nghĩa lý của chữ "BẤT" và "VÔ".

Thầy Mục Kiền Liên chưa phải thành phần tối thượng lợi căn, chưa hiểu hết diệu lý: Chư pháp không

tướng, BẤT sanh, BẤT diệt, BẤT cấu, BẤT tịnh, BẤT tăng, BẤT giảm... Chưa hiểu được VÔ sắc, VÔ thọ, VÔ tưởng, VÔ hành, VÔ thức… VÔ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý...

Người thể nhập diệu lý đó, khi thuyết pháp thường thuyết PHÁP NHƯ. Bồ tát Duy Ma Cật muốn Ngài Đại Mục Kiền Liên truyền đạt pháp NHƯ cho mọi người. Có vậy người nghe pháp mới được lợi ích lớn.

2. Nhìn đối tượng, nhận xét căn cơ là một chi tiết không thể thiếu của một vị Pháp sư. Phải quán căn cơ rồi mới nên thuyết pháp. Thuyết đúng đối tượng, pháp mới đem lại lợi ích cho người nghe.

*

* *

III. VẤN ĐỀ KHẤT THỰC

Đức Phật gọi thầy Đại Ca Diếp đến và bảo: Đại Ca Diếp! Thầy hãy đến thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật, ông ấy đang có bệnh.

Thầy Ca Diếp thưa: Bạch Thế Tôn! Con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Bạch Thế Tôn! Con nhớ trước đây một hôm nọ, con đi khất thực trong một xóm nghèo, ông Duy Ma Cật gặp và thuyết pháp cho con một thời pháp dài rằng:

Thưa Ngài Đại Ca Diếp! Ngài có tâm từ mà không phổ biến, chẳng bình đẳng đối với chúng sanh. Ngài chừa nhà giàu, tìm nhà nghèo để khất thực, nhằm gieo hạt giống phước đức cho họ.

Thưa Ngài Đại Ca Diếp! Hãy nên trụ ở pháp bình đẳng, khất thực theo thứ tự của xóm làng. Không phải vì ăn mà khất thực, mới nên đi khất thực. Phải sử dụng cái ý tưởng không thọ nhận, mà thọ nhận thức ăn. Vào làng xóm, phải tưởng như đến chỗ không người. Thấy sắc mà như đui. Nghe thanh như nghe vang. Ngửi hương như hít gió. Nếm vị nhưng không phân biệt. Thọ xúc như trí chứng. Biết tướng của các pháp như huyễn, xưa vốn không sanh, nay thì không diệt.

Còn nữa, thưa Ngài Đại Ca Diếp! Không cần rời bỏ bát tà mà được bát giải thoát. Ngay nơi tà pháp mà thể nhập chánh pháp. Một chút thức ăn có thể đem bố thí cho tất cả, có thể cung dưỡng chư Phật, sau đó mới

đáng ăn! Ăn bằng cách như vậy sẽ không có phiền não, cũng không rời phiền não. Không dụng ý nhập định, cũng không dụng ý xả định. Không trụ thế gian, cũng không trụ Niết bàn. Người thí chủ không có phước lớn, cũng không có phước nhỏ, không thêm công đức, cũng chẳng mất công đức. Đấy là con đường vào Phật thừa đạo chân chính, không chờn vờn khập khểnh ở cổ xe phương tiện của những người thiển trí độn căn.

Thưa Ngài Đại Ca Diếp! Nếu được như thế mà ăn thì mới không luống uổng thức ăn của người thí chủ cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Thầy Ca Diếp thưa. Lúc con nghe bài pháp ấy rồi, con có cái được chưa từng có. Ngay lúc đó con sanh tâm cung kính chư Bồ tát một cách thân thiết chân thành, vì con nghĩ rằng ngoài địa vị Bồ tát, không ai có trí tuệ biện tài thâm diệu như thế. Thảo nào người nghe ai mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh giác. Từ đó về sau con không khuyên dạy ai học tu theo Pháp phương tiện của nhân thiên và thành phần tiểu cơ thiển trí nữa. Vì lẽ đó con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Khất thực là một hạnh trong mười hai hạnh đầu đà. Sống đời khất thực có thể phủi giũ được từng phần phiền não, cởi mở được một ít mối manh buộc ràng.

Giàu nghèo là chuyện của xã hội, của chúng sanh, ai có phần nấy.

Nghèo không hẳn khổ. Biết đạo đức, sống tri túc, nghèo cũng có thể an vui hạnh phúc. Thanh bần thường lạc là chuyện có thật.

Giàu không hẳn vui. Làm giàu bằng bất chánh, bất lương, bất nhân, bất nghĩa. Bên ngoài giàu, bên trong lo âu sợ sệt, đau khổ triền miên. Trọc phú đa ưu là chuyện có thật.

Quan niệm giàu là người đầy đủ phước đức, được hưởng nhiều hạnh phúc là sai.

Quan niệm nghèo là kẻ đáng thương, cần giúp đỡ để cho họ được hưởng phần nào hạnh phúc, cũng sai.

Người tu sĩ nhìn bằng Tuệ nhãn không đánh giá khổ vui qua hình thức sự nghiệp nghèo, giàu.

BÌNH ĐẲNG là tiêu chuẩn thước đo giá trị đạo đức và quả chứng của người Đạo sĩ. Phải ban bố lòng từ bình đẳng như ánh sáng mặt trời chiếu xuống trần gian cho sanh linh vạn vật.

Pháp liễu nghĩa không chủ trương cúng dường để được phước đức, cũng không chủ trương chú nguyện ban phước đức cho người cúng dường. Chủ trương người thí, người nhận đều là "Xứng tánh khởi tu", "Tùy thuận pháp tánh".

Người thí và người nhận đều thành Phật. Đến đó mới đạt mục tiêu!

*

* *

IV. LẠI VẤN ĐỀ KHẤT THỰC

Đức Phật gọi thầy Tu Bồ Đề đến và bảo: Hiện giờ trưởng giả Duy Ma Cật đang bị bệnh, thầy hãy đi thăm bệnh ông ấy.

1. Thầy Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật. Trước đây có lần đi khất thực con ghé vào nhà ông, lúc bấy giờ ông lấy bình bát của con sớt đầy một bát cơm và nói với con rằng:

Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Người khất thực ở nơi vật thực có tâm bình đẳng, ở nơi các pháp cũng có tâm bình đẳng. Khất thực được như thế, người khất thực mới xứng đáng nhận lấy vật thực của người thí chủ cúng dường.

2. Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không cần đoạn trừ dâm nộ si mà cũng tùy thuận với dâm nộ si. Không cần hủy hoại thân này mà vẫn tùy thuận tướng nhất. Không cần diệt si ái mà cũng có giải thoát. Ngay nơi tướng Ngũ đạo mà được giải thoát. Không mở cũng không cột. Không học hạnh Tứ đế, không phải không học hạnh Tứ đế. Không đắc quả, không phải không đắc quả. Không phải phàm phu, không phải xa rời pháp phàm phu. Không phải thánh nhân, không phải không thánh nhân. Dù thành tựu tất cả pháp, mà rời ngoài tướng của tất cả pháp. Được vậy mới nên nhận lấy vật thực của người cúng dường.

3. Còn nữa, thưa Ngài Tu Bồ Đề! Không cần tìm gặp Phật, không cần nghe pháp Phật. Bọn lục sư ngoại đạo: Phú Lâu Na Ca Diếp, Mạc Già Lê Câu Xa Lê Tử, Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử, A Kỳ Da Xí Xá Khâm Bà La, Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên, Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử... bọn đó phải là THẦY của Ngài.

Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Ngài hãy y chỉ vào họ mà xuất gia, họ đọa địa ngục Ngài cũng đọa theo. Được vậy mới xứng đáng thọ nhận vật thực của thí chủ cúng dường.

4. Còn nữa, thưa Ngài Tu Bồ Đề! Cứ xông pha trong các thứ tà kiến, không cần tránh né để có Niết bàn. Phải ở ngay trong bát nạn, không được không nạn. Nhập cuộc với phiền não và xa lìa pháp thanh tịnh đi.

Bạch Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề thưa! Khi nghe những điều đó tâm trí con mờ mịt, không còn biết phải nói lời gì và không biết phải đối đáp ra sao. Con bèn để bình bát xuống và muốn mau được đi khỏi nhà trưởng giả Duy Ma Cật.

Như đoán được ý con, ông Duy Ma Cật nói tiếp: Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Ngài cứ nhận lấy bát cơm đi, đừng sợ. Ngài nghĩ thế nào? Giả như đức Như Lai hóa hiện ra một người, đem những điều như thế đàm luận với Ngài thì Ngài có sợ chăng?

Không sợ! Bạch Thế Tôn! Con đáp như thế.

Trưởng giả Duy Ma Cật lại nói tiếp:

Tất cả các pháp như huyễn, như hóa, Ngài không nên có ý sợ sệt. Tất cả ngôn thuyết cũng là huyễn hóa, bậc trí giả không dính mắc văn tự, vì biết tánh của văn tự vốn KHÔNG. Hiểu được như vậy thì người đó được giải thoát, vì tướng giải thoát chính là tướng các pháp vậy!

Bạch Thế Tôn! Tu Bồ Đề thưa. Sau khi trưởng giả Duy Ma Cật nói thời pháp ấy rồi, có hai trăm vị thiên tử được pháp nhãn thanh tịnh. Do vậy con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Ngài Đại Ca Diếp khất thực bỏ nhà giàu, tìm nhà nghèo đã sai. Ngài Tu Bồ Đề bỏ nhà nghèo, tìm khất thực nhà giàu lý lẽ cũng không đúng.

Bỏ giàu tìm nghèo, biểu lộ tánh chấp trong việc làm. Bỏ nghèo tìm giàu, biết đâu đó là thứ chứng bệnh phổ biến của chúng sanh.

Dù là tánh chấp hay là chứng bệnh cũng là cái không nên có của một Đạo sĩ.

Phải vận dụng tâm BÌNH ĐẲNG, thực hiện Tứ vô lượng tâm, đi con đường trung đạo, noi dấu chân Phật mà đi.

2. Thâm ngộ "Thật tướng" là vấn đề then chốt đối với một Đạo sĩ. Không thâm ngộ THẬT TƯỚNG thì dù có nói TU thế này, ĐOẠN thế kia, TRỪ như thế nọ chỉ là hí luận.

Thâm nhập thật tướng, người Đạo sĩ đối diện với tất cả, không né tránh, không trốn chạy, không dụng công ĐOẠN, không gắng sức TRỪ...

3. Gặp Phật qua tướng tốt, gặp Phật qua giọng thuyết pháp hay, chưa hẳn đã gặp được Phật Như Lai.

Gặp Như Lai Viên giác Diệu tâm mới thật gặp được Phật và mới nghe được pháp Phật.

Trâu sắt không sợ tiếng rống của sư tử. Người nộm không có ý bắt chim vẽ. Thể nhập thật tướng, còn ngu si đâu nữa để kỳ thị với bọn ngoại đạo lục sư.

Ngũ uẩn thân hợp tan như mây nổi, tham sân si chìm nổi như bọt bèo, thì ai tạo nghiệp, ai chịu khổ?

4. Không đoạn vọng, chẳng cầu chân, vì vọng chân cả hai đều vọng.

Ở trong nước đừng nhọc công kiếm nước. Đứng trên non chớ phí sức tìm non. Ở trong phiền não mà nhận lấy Bồ đề. Ở trong sanh tử thọ hưởng Niết bàn tự tại. Được như thế, người Khất sĩ xứng đáng nhận lấy thức ăn và mục đích khất thực mới đạt yêu cầu.

V. LẠI VẤN ĐỀ THUYẾT PHÁP

Đức Phật gọi thầy Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử đến bảo: Phú Lâu Na! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

Thầy Phú Lâu Na thưa: Bạch Thế Tôn! Con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông ấy.

Bạch Thế Tôn! Trước đây vào một hôm nọ trong khu rừng Đại Lâm, con cùng với một số tân học Tỳ kheo ngồi dưới bóng mát cây cổ thụ, lúc con đang thuyết pháp dạy cho số Tỳ kheo tân học, tình cờ trưởng giả Duy Ma Cật đến nói với con:

Thưa Ngài Phú Lâu Na! Trước hết Ngài phải nhập định quán xét tâm tánh của các vị Tỳ kheo, rồi sau đó hãy thuyết pháp.

Thưa Ngài Phú Lâu Na! Ngài không nên đem thức ăn thiu bẩn mà đựng trong chén ngọc đĩa vàng. Ngài phải biết ý niệm của các vị Tỳ kheo đang nghĩ tưởng gì, nhiên hậu sẽ thuyết pháp. Không nên sử dụng một thứ nhìn đồng nhất, rồi cho rằng lưu ly và thủy tinh là một. Ngài chưa biết căn cơ chủng tánh của chúng sanh thì đừng đem Pháp phương tiện mà dạy cho họ. Họ vốn không có ghẻ, đừng làm cho họ bị lở loét. Họ muốn đi đại lộ, đừng chỉ cho họ ngõ hẹp quanh co. Ngài đừng đem nước biển đựng vào dấu chân trâu, đừng lấy ánh sáng mặt trời mà so sánh với ánh lập lòe của đom đóm.

Thưa Ngài Phú Lâu Na! Các vị Tỳ kheo ấy đã phát tâm Bồ đề từ lâu, chỉ vì họ quên đi tâm ý đó. Giờ đây thầy không nên lấy pháp Phương tiện hướng dẫn cho họ. Tôi nghĩ rằng thứ trí tuệ của hàng tiểu quả chẳng khác người đui, không thể phân biệt được ai độn căn, ai lợi căn trong số chúng sanh.

Sau thời pháp của Bồ tát Duy Ma Cật, các vị Tỳ kheo tân học không còn thoái chuyển đối với quả Vô thượng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Thầy Phú Lâu Na thưa. Qua sự kiện đó con suy nghĩ rằng: Nếu không thể quán xét căn tánh của từng hạng người thì không nên thuyết pháp. Do vậy, hôm nay con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật!

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Hồi tại thế, đức Phật vận dụng Tứ tất đàn mỗi khi thuyết pháp.

Ngài Phú Lâu Na thuyết pháp không phải sai pháp, nhưng sai đối tượng. Sai đối tượng, người nghe không có kết quả, pháp đúng trở thành sai!

Chiếc áo trắng khi đã nhúng chàm, chiếc áo sẽ không còn nhuộm màu đẹp hơn được nữa. Nhuộm tâm hồn người ta bằng màu sắc phương tiện tiểu pháp là làm bẩn một tâm hồn trong trắng.

Nếu cầu thần, khấn quỉ, van cô, lạy cậu, truyền bá những thứ đức tin đó lại càng tệ lậu hơn nhiều. Người trí gọi đó là mê tín, dị đoan, huyễn hoặc, hoang đường.

Người ta có khả năng đi đại lộ, không nên chỉ ngõ hẻm quanh co. Chỉ sai đường làm chậm trễ bước tiến và có thể lạc mục đích đến của người đi, ơn không ra ơn mà có thể còn là một cái tội.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thì tất cả chúng sanh đều có chủng tánh Bồ đề. Được hướng dẫn bằng giáo lý liễu nghĩa thậm thâm thì hạt giống Bồ đề sẽ phát triển.

Nước trong trăng hiện, mây đen tan trời xanh hiện, phiền não vô minh hết, Phật tánh hiện. Nói phước báo là nhằm dẫn dụ những người sơ cơ. Đó là phương tiện ở trong phương tiện.

Tất cả quả vị chứng đắc không ai ban cho. Bồ đề, Niết bàn cũng không do Phật thưởng!

*

* *

VI. THUYẾT PHÁP YẾU

Đức Phật gọi thầy Ca Chiên Diên bảo: Ca Chiên Diên! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

Thầy Ca Chiên Diên thưa: Bạch Thế Tôn! Trước kia con đã từng được nghe Phật nói pháp yếu cho các Tỳ kheo. Một hôm nọ, con cùng các Tỳ kheo hội họp lại và con đã trùng tuyên diễn nói lại về ý nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và tịch diệt. Lúc bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật đến, nói với con rằng:

Thưa Ngài Ca Chiên Diên! Ngài không nên dùng tâm hành sanh diệt mà nói pháp thật tướng.

Thưa Ngài! Các pháp không sanh không diệt, đó là nghĩa vô thường. Ngũ ấm rỗng không, không có điểm sanh khởi, đó là nghĩa khổ. Các pháp rốt ráo không, không có nguồn gốc, đó là nghĩa không. Ngã và vô ngã không hai, đó mới là nghĩa vô ngã. Các pháp xưa không sanh, nay không diệt, đó là nghĩa tịch diệt.

Sau khi trưởng giả Duy Ma Cật diễn nói về những pháp yếu đó, các Tỳ kheo tâm được cởi mở. Vì vậy hôm nay con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Học Phật phải tập nhìn vạn pháp qua hai mặt. Thuyết pháp cũng vậy.

Chưa ngộ nhập thật tướng chỉ nói được Pháp tướng. Thể nhập thật tướng mới nói được Pháp tánh.

Thấy cái ta thật có, cho nên thấy và nói cái ta vô ngã.

Muốn ngã và ngã sở hữu trường cửu, nên thấy và nói vạn pháp giai không.

Thấy phiền não là thật, cho nên thấy và nói tịch diệt Niết Bàn.

Vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, thầy Ca Chiên Diên càng diễn giải tỉ mỉ chi ly, càng chứng tỏ tâm thầy bị dính mắc càng nhiều.

Thật tướng của vạn pháp là CHÂN THƯỜNG, vì các pháp sanh không thật sanh, các pháp diệt không thật diệt.

Nhìn bên mặt Pháp tướng, sanh diệt là hiện tượng tùy duyên. Nhìn bên mặt Pháp tánh thì không sanh không diệt. Vì thật tướng VÔ tướng.

Vì thấy vạn pháp sanh diệt VÔ THƯỜNG cho nên KHỔ. Vì thấy VÔ THƯỜNG, KHỔ cho nên thấy vạn pháp KHÔNG. Vì thấy VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, cho nên thấy vạn pháp VÔ NGÃ. Vì thấy VÔ

THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, VÔ NGÃ, cho nên thấy TỊCH DIỆT NIẾT BÀN, cầu mong chứng đắc. Qua cái nhìn của những bậc tiểu cơ, trung cơ là thế!

Nhận biết thật tướng vạn pháp không sanh diệt, cho nên biết vạn pháp THƯỜNG. Vì biết vạn pháp THƯỜNG, cho nên có CHÂN LẠC. Vì biết vạn pháp CHÂN THƯỜNG, CHÂN LẠC, cho nên có CHÂN NGÃ. Vì biết vạn pháp CHÂN THƯỜNG, CHÂN LẠC, CHÂN NGÃ, cho nên có CHÂN TỊNH. Với Tuệ nhãn của các bậc thượng căn, thượng trí thì vạn pháp CHÂN THƯỜNG, CHÂN LẠC, CHÂN NGÃ, CHÂN TỊNH.

Nhìn vạn pháp CHÂN THƯỜNG, CHÂN LẠC, CHÂN NGÃ, CHÂN TỊNH thì NIẾT BÀN TỊCH DIỆT còn dùng vào đâu mà cầu mong "chứng" với "đắc".

Nhằm xiển dương "thật tướng vô tướng" của các pháp mà Bồ tát Duy Ma Cật tung đòn "đối trị tất đàn" để "khủng bố" tư tưởng tiểu cơ tiểu quả của thầy Ca Chiên Diên.

*

* *

VII. VẤN ĐỀ THIÊN NHÃN

Đức Phật gọi thầy A Na Luật bảo: A Na Luật! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

A Na Luật thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

Một hôm nọ trong khi con đang kinh hành, bấy giờ có vị Phạm Vương tên là Nghiêm Tịnh và các vị Phạm Vương quyến thuộc khác đến chỗ con dập đầu làm lễ và hỏi con rằng:

Thưa Ngài A Na Luật! Thiên nhãn Ngài chứng được có thể quan sát thấy được bao xa?

Bạch Thế Tôn! Con trả lời với Phạm Vương rằng: Thiên nhãn của tôi thấy vạn pháp trong vũ trụ nhỏ cũng như lớn rõ ràng như thấy trái quít để trên bàn tay.

Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật đến hỏi con: Thưa Ngài A Na Luật! Thiên nhãn của Ngài khi thấy có khởi tướng tác ý hay không có khởi tướng tác ý? Giả sử có khởi tướng tác ý thì giống như cái thấy của bọn người ngoại đạo. Họ cho rằng họ có đắc "Ngũ thông". Còn như không khởi tướng tác ý là vô vi, lẽ ra không có thấy.

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con chẳng biết nói gì, đành im lặng. Các Phạm Vương thì được sự khinh an chưa từng có. Họ bèn làm lễ ông Duy Ma Cật và hỏi: Thưa Trưởng giả! Trên đời này ai là người được chân thiên nhãn?

Ông Duy Ma Cật đáp: Chỉ có Phật Thế Tôn là người được chân thiên nhãn, thường ở trong chánh định và thấy tất cả cõi nước trong vũ trụ không có tướng hai.

Nghiêm Tịnh Phạm Vương và những vị Phạm Vương quyến thuộc đều phát tâm Vô thượng Chánh giác! Đồng lễ bái Ngài Duy Ma Cật rồi lui đi.

Vì duyên cớ đó con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

"Nhục nhãn ngại phi thông

Thiên nhãn thông hữu ngại

Pháp nhãn quán nhất thế

Tuệ nhãn liễu tri không

Phật nhãn thể dụng đồng".

Đó là bài kệ chư Sư tiền bối đã đúc kết ý nghĩa của Ngũ nhãn theo nhận thức chủ quan của họ.

Thiên nhãn có nghĩa là sự thấy biết rộng xa hơn nhục nhãn, sự thấy biết của những người có tu về thiện nghiệp, về thập thiện nghiệp.

Biết rộng là tối cần, thấy xa chưa quan trọng. Thấy để mà thấy thì thấy gần thấy xa cũng vậy thôi! Thấy và biết toàn diện, thấy tận cùng nguồn gốc vạn pháp, tất cả cõi nước trong vũ trụ không có "tướng hai". Đó mới là điều quan trọng cần thiết của người đệ tử Phật cần TU HỌC.

*

* *

VIII. GIẢNG LUẬT

Đức Phật gọi thầy Ưu Ba Ly đến và bảo: Ưu Ba Ly! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

Thầy Ưu Ba Ly thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

Bạch Thế Tôn! Trước đây có hai vị Tỳ kheo lỡ phạm luật hạnh. Họ lấy làm xấu hổ không dám đem việc ấy ra thưa với Phật mà đến hỏi con rằng:

Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Hai chúng tôi đã lỡ phạm luật hạnh, chúng tôi lấy làm xấu hổ không dám đến thưa với Phật. Vậy xin Ngài hãy chỉ giáo cho chúng tôi phải làm gì để xóa hết được cái lỗi ấy.

Bạch Thế Tôn! Thầy Ưu Ba Ly thưa! Con liền như Luật mà giải đáp: Tứ khí thì tẩn xuất. Tội tăng tàn thì bất cộng trú...

Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật đến bảo con rằng: Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Ngài đừng làm tăng tội cho hai vị Tỳ kheo kia. Hãy dừng ngay cách phán xử luật nghi của Ngài đi!

Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Tánh của tội không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Đức Phật đã từng dạy: Tâm cấu chúng sanh cấu, tâm tịnh chúng sanh tịnh. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tâm vốn NHƯ NHƯ, tội cấu NHƯ NHƯ và các pháp cũng NHƯ NHƯ. Tất cả không vượt ngoài

tánh NHƯ. Cũng như Ngài, trong khi Ngài sử dụng cái tướng của tâm giải thoát, vậy lúc đó tâm Ngài còn có cấu không?

Không. Bạch Thế Tôn! Con đáp như thế.

Trưởng giả Duy Ma Cật giảng tiếp: Tâm của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, vốn không có tướng cấu. Vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh.

Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Tất cả pháp sanh diệt không dừng, như huyễn hóa, như điện chớp không có chờ nhau. Cho đến trong một niệm cũng không dừng trụ. Các pháp đều do vọng thấy như chiêm bao, như ngấn nước giữa cơn nắng gắt, như trăng đáy nước, như bóng trong gương. Tất cả đều do vọng tưởng sanh ra. Người nào biết kỹ những việc đó mới là người trì luật chân chánh. Người nào hiểu rõ những điều đó mới là người luận giải luật đúng ý Phật.

Bạch Thế Tôn! Ưu Ba Ly thưa! Sau giây phút lãnh hội pháp ngữ hùng hồn siêu việt của Bồ tát Duy Ma Cật, hai vị Tỳ kheo bèn tán thán:

Ôi! Thượng trí thay! Ngài Ưu Ba Ly không bằng được. Đấy mới là người trì luật tối thượng. Đấy mới là người luận giải luật đệ nhất. Tuyệt diệu thay! Không còn ngôn từ tán thán cho vừa.

Bạch Thế Tôn! Thầy Ưu Ba Ly thưa! Lúc đó con cũng cảm kích và xúc động. Con nghĩ rằng: Ngoài đức Như Lai ra, chưa có một vị Thanh văn, Bồ tát nào có biện tài lạc thuyết vô ngại của một bậc trí tuệ thông đạt tuyệt luân như vậy.

Bạch Thế Tôn! Hai vị Tỳ kheo kia dứt trừ mọi hoang mang sợ sệt và dõng mãnh phát tâm Vô thượng Chánh giác. Vì duyên cớ đó con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tội lỗi không có tánh cố định, cũng như phiền não vô minh không có tánh cố định.

Lỡ làm sai, biết là sai thì tội đã tự giảm khinh. Biết tội sanh tâm hổ thẹn, tội đó phải được xem như hết.

Tâm NHƯ NHƯ. Tội NHƯ NHƯ. Vạn pháp NHƯ NHƯ. Giải thoát cũng NHƯ NHƯ.

Tìm tâm trong ba thời, không có: Tâm NHƯ.

Tìm tội trong ba thời, không có: Tội NHƯ.

Tìm pháp trong ba thời, không trụ: Pháp NHƯ.

Tìm tướng giải thoát trong ba thời, không có: Giải thoát NHƯ.

NHƯ tức là NHƯ NHƯ, cũng tức CHÂN NHƯ. Muốn đánh đổ phá hoại, không phá hoại được. Muốn xây dựng bồi bổ, không bồi bổ được. NHƯ là tánh viên mãn tự nhiên, tánh ly ngôn thuyết.

Tất cả pháp sanh diệt không dừng, như huyễn như hóa. Tội cấu cũng như vậy.

Không linh hoạt trong nguyên tắc: KHAI, TRÌ, GIÁ, PHẠM vô tình tăng đau khổ cho con người, mà sự thật không cần thiết phải vậy.

*

* *

IX. VẤN ĐỀ XUẤT GIA

Bấy giờ đức Thế Tôn gọi La Hầu La bảo: La Hầu La! Thầy nên đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật.

La Hầu La thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật! Trước đây có lần các trưởng giả tử trong thành Tỳ Da Ly đến chỗ con, cúi đầu làm lễ và hỏi con rằng:

Thưa Ngài La Hầu La! Ngài là con của Phật, Ngài bỏ địa vị Vương giả đi xuất gia hành đạo. Vậy xin hỏi việc xuất gia đó có được lợi ích gì?

Bạch Thế Tôn! Con vì các trưởng giả tử, nói rõ những điều lợi và công đức của việc xuất gia.

Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

1. Thưa Ngài La Hầu La! Ngài không nên nói về cái lợi và cũng không nên nói về công đức của việc xuất gia. Vì sao? Không có lợi, không có công đức mới xuất gia. Bởi vì thành quả tột đỉnh cao của xuất gia không phải là lợi hay công đức. Thành quả cao tột của xuất gia là giải thoát và giác ngộ, mà giải thoát giác ngộ không có hình, không có tướng, không dáng vẻ. Cho nên không thuộc pháp hữu vi. Vì thế công đức xuất gia là vô vi pháp. Thế cho nên, đã là vô vi pháp thì không thể nói có lợi hay công đức.

Thưa Ngài La Hầu La! Luận về xuất gia là không kia, không đây, không có cái giữa. Rời sáu mươi hai thứ kiến chấp mà ở chỗ Niết bàn, là việc của người trí

cảm nhận, bậc thánh thường hành. Cứu độ ngũ đạo. Thanh tịnh ngũ nhãn. Thành tựu ngũ lực. Làm chủ ngũ căn. Không não hại người. Xa lìa xấu ác. Dẹp các ngoại đạo. Vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi bùn lầy phiền não. Không có người buộc. Không có ngã sở hữu. Không có cái sở thọ. Lòng không khát vọng. Giữ ý an vui. Thuận theo thiền định. Xa rời các lỗi lầm. Nếu được như thế chính là chân xuất gia!

2. Tiếp theo Bồ tát Duy Ma Cật nói với các trưởng giả tử:

Các vị hãy ở trong chánh pháp và nên xuất gia trong chánh pháp. Bởi vì người sanh ra trong đời gặp được Phật rất là khó.

Các trưởng giả tử nói: Thưa cư sĩ! Chúng tôi nghe Phật nói rằng nếu cha mẹ không cho thì không được xuất gia?

Đúng vậy! Bồ tát Duy Ma Cật đáp! Nhưng các trưởng giả tử đừng lo! Khi nào các vị phát tâm Chánh đẳng Chánh giác thì chính lúc đó được xem như xuất gia rồi và đã thọ giới cụ túc rồi!

Lúc bấy giờ có rất đông các trưởng giả phát tâm Vô thượng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Vì duyên cớ ấy con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật!

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Xuất gia mục đích không phải vì lợi, cũng không phải vì công đức.

Lợi và công đức, chỉ để nói với người có trí bậc hạ và bậc trung. Bậc thượng trí vừa nghe đã biết sai từ căn bản.

1. Xuất gia là ra khỏi nhà Tam giới, nhà phiền não, tham, sân, si, mạn. Xuất gia là pháp vô vi, không được nói lợi, không được đề cập công đức.

2. Xuất gia là quí!

Phải xuất gia theo chánh pháp, sống đúng chánh pháp, đó là: Thân xuất gia, tâm xuất gia.

Xuất gia đúng chánh pháp, mà sống không đúng chánh pháp, đó là: Thân xuất gia, tâm không xuất gia.

Các trưởng giả tử chưa có điều kiện xuất gia mà phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Kể từ phút phát tâm, xem như xuất gia rồi, thọ cụ túc giới rồi, đó là: Tâm xuất gia, thân chưa xuất gia.

*

* *

X. NHƯ LAI BỆNH

Đức Phật gọi thầy A Nan và bảo: A Nan! Thầy hãy đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật!

1. Thầy A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh trưởng giả Duy Ma Cật. Trước đây có lần Như Lai trong người hơi có chút bệnh cần phải dùng sữa. Con mang bình bát đến đứng trước nhà của một đại Bà la môn để xin. Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

Thưa Ngài A Nan! Ngài làm gì mang bình bát đến đứng ở đây sớm thế?

Con đáp rằng: Như Lai trong người hơi có bệnh, cần phải dùng sữa, tôi đến đây hóa duyên xin sữa cho Như Lai.

Trưởng giả Duy Ma Cật nói: Thôi! Thôi! A Nan! Ngài đừng nói như vậy! Thân Như Lai là thân Kim Cang, các xấu ác đã hết, chứa nhóm tất cả công đức thiện, nào có bệnh tật, não hại gì?

Hãy im và đi đi! Ngài nói như vậy là phỉ báng Như Lai đó! Đừng để cho kẻ ngoài và những người trí họ nghe được những lời bất kính đó!

2. Thưa Ngài A Nan! Thân Như Lai là thân Kim cang hội tụ vô lượng phước đức!

Hãy đi đi, Ngài A Nan! Đừng để chúng tôi phải chịu sự xấu hổ đó! Hàng ngoại đạo Phạm Chí họ nghe

được những điều đó, họ sẽ nghĩ gì về một bậc Thầy của chúng ta!

Bản thân một vị thầy có bệnh mà không thể tự cứu thì làm sao cứu bệnh cho ai? Ngài hãy âm thầm đi nhanh đi, đừng để lộ ra cho người ngoài nghe biết!

A Nan! Ngài nên biết rằng: Thân của Như Lai là Pháp thân, không phải thân tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt ngoài Tam giới. Thân Phật vô lậu vì các hoặc lậu đã hết. Thân Phật vô vi không đối đãi với các số. Thân như thế thì còn có bệnh gì?

Bạch Thế Tôn! Thầy A Nan thưa! Lúc đó con rất là xấu hổ và nghĩ rằng:

Con được hầu bên Phật há lại nghe lầm ư? Liền đó con "nghe" có tiếng vọng trong không trung: A Nan! Lời cư sĩ như thế là đúng, nhưng vì Phật xuất hiện trong đời ngũ trược ác thế thị hiện ra việc làm như vậy nhằm hóa độ chúng sanh. A Nan! Thầy hãy đi xin sữa đừng có hổ thẹn!

Bạch Thế Tôn! Thầy A Nan thưa. Bồ tát Duy Ma Cật có sức trí tuệ biện tài vô ngại như thế, con không dám lãnh trách nhiệm đến thăm bệnh ông ấy.

... Ngoài mười vị đại đệ tử Thanh văn này, còn có năm trăm vị nữa ở trước Phật đến trình bày duyên cớ đã từng gặp Bồ tát Duy Ma Cật trước kia.

Tất cả đều xưng tán Bồ tát Duy Ma Cật và đồng thưa lên Phật, rằng không dám đi thăm bệnh.

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Sử dụng Pháp nhãn nhìn vạn pháp chỉ thấy được Pháp tướng. Sử dụng Tuệ nhãn biết suốt căn nguyên, thấy tột Pháp tánh.

Nhìn pháp chỉ thấy Pháp tướng, thì nhìn Phật chỉ thấy Phật tướng. Thấy "Phật tướng" thì rõ ràng Phật có bệnh, thầy A Nan đi xin sữa là phải. Nhưng nếu chỉ biết có Phật tướng, người tu sĩ dễ bị lạc vào tà đạo, không biết được Như Lai Phật.

2. Phải thâm ngộ Pháp tánh, mới nhận thức rõ Pháp thân.

Pháp thân Phật là "Bản thể" của Ứng thân Phật. Pháp thân biến nhất thiết xứ là thể bất sanh bất diệt vô thỉ vô chung.

Ứng thân Phật là "Tướng dụng" của Pháp thân.

Ứng hóa thân chỉ là công cụ phương tiện của Như Lai.

Nhìn bằng Tuệ nhãn sẽ thấy Pháp thân Phật không hề có bệnh. Phải hiểu Phật qua Pháp thân mới thật hiểu Phật.

Nói là: "Tiếng vọng trong không trung" người trí phải hiểu đó là "tiếng lòng" phản tỉnh của thầy A Nan qua những giây phút tiếp thu hơi ấm lửa Bồ đề. Người

khơi dậy ngọn lửa trong đống tro tàn là Bồ tát Duy Ma Cật.

Trở về với "Pháp tướng", nhớ "Phật tướng" ở tịnh xá mà thầy A Nan vẫn phải tiếp tục đi xin sữa cho Phật dùng!

*

* *

CHƯƠNG THỨ TƯ
BỒ TÁT

I. VẤN ĐỀ THỌ KÝ

Bấy giờ đức Phật gọi Bồ tát Di Lặc đến và bảo: Di Lặc! Thầy hãy đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật!

Bồ tát Di Lặc thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham nhận trách nhiệm đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật! Bởi vì trước đây trong một hôm nọ, con vì hàng nhân thiên dạy cho họ về hạnh bất thối chuyển đối với quả Vô thượng Bồ đề. Bấy giờ Ngài Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

Thưa Ngài Di Lặc! Thế Tôn thọ ký cho Ngài một đời sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Vậy Ngài định dùng đời nào khi Ngài nhận sự thọ ký ấy? Đời quá khứ? Đời hiện tại? Hay đời vị lai ư? Nếu đời quá khứ thì đã qua rồi! Đời vị lai thì chưa đến! Còn đời hiện tại? Có hiện tại nào lại không vận động biến chuyển? Có hiện tại nào hiện hữu mốc thời gian ban đầu và điểm thời gian chấm dứt?

Đức Phật đã thường dạy: Này các thầy Tỳ kheo! Ngay bây giờ các thầy vừa có sanh, vừa có lão, vừa có

diệt! Hay là Ngài định sử dụng cái vô sanh mà cho rằng được thọ ký ư? Nói đến vô sanh tức là chánh vị. Đã là chánh vị thì không có vấn đề thọ ký và cũng không có cái gọi là "được" quả Vô thượng Bồ đề.

Thế thì làm sao Ngài Di Lặc lại "được thọ ký" một đời? Hay là Ngài dựa theo đời của chân như SANH mà được thọ ký? Hay là đời của chân như DIỆT mà được thọ ký? Nếu dựa theo đời của chân như sanh không được, vì chân như thì không có sanh. Nếu dựa theo đời của chân như diệt cũng không được, vì chân như thì không có diệt. Ngài nên biết tất cả chúng sanh đều NHƯ. Tất cả pháp đều NHƯ. Chính Di Lặc Ngài cũng NHƯ.

Nếu Ngài được thọ ký thì tất cả chúng sanh lẽ ra cũng được thọ ký! Vì luận về nghĩa NHƯ thì không còn có cái hai, không có cái nào khác với cái nào.

Nếu Ngài được Vô thượng Bồ đề, lẽ ra tất cả chúng sanh cũng được quả Vô thượng Bồ đề! Vì tất cả chúng sanh đều có tánh Bồ đề.

Nếu Ngài được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải được diệt độ! Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh là tướng của thể chân như vốn vĩnh cửu tịch diệt. Cho nên chẳng còn gì để diệt nữa. Vì vậy Ngài không nên lấy pháp bất thối chuyển mà dạy cho hàng nhân thiên.

Thật ra không có người phát tâm Vô thượng Bồ đề và cũng không có người thối thất với quả Vô thượng Bồ đề. Ngài nên hướng dẫn cho các thiên tử này xả bỏ

quan niệm chấp mắc về quả Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ đề không phải được từ nơi thân, cũng không phải được từ nơi tâm.

Tịch diệt là Bồ đề vì diệt hết các tướng chấp. Bất quán là Bồ đề vì xa lìa hết các trần duyên. Bất hành là Bồ đề vì không lưu một ức niệm, một hy vọng nào. Đoạn là Bồ đề vì xa lìa tất cả kiến chấp. Ly là Bồ đề vì lìa xa tất cả vọng tưởng. Chướng là Bồ đề vì chống lại tất cả mong muốn. Bất nhập là Bồ đề vì không dính dáng vào chuyện tục lụy. Thuận là Bồ đề vì thuận theo chân như. Trụ là Bồ đề vì hằng trụ ở Pháp tánh. Bất nhị là Bồ đề vì xa rời ý căn và pháp trần. Đẳng là Bồ đề vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ đề vì không sanh, không trụ, không dị, không diệt. Tri là Bồ đề vì rõ biết hết tâm hành của chúng sanh. Bất hội là Bồ đề vì các nhập không nhóm được. Bất hiệp là Bồ đề vì dẹp tan hết các phiền não. Giả danh là Bồ đề vì biết rõ tánh của ngôn ngữ văn tự vốn không. Như hóa là Bồ đề vì không còn dính ở thủ xả hai bên. Vô loạn là Bồ đề vì tự tâm thường trụ tướng tịch tĩnh. Thiện tịch là Bồ đề vì thể tánh lúc nào cũng vắng lặng. Bất thủ là Bồ đề vì xa lìa hết các phan duyên. Bất dị là Bồ đề vì nhìn các pháp bằng cái thấy bình đẳng. Vô tỉ là Bồ đề vì các pháp không có tướng đối đãi để so sánh. Vi diệu là Bồ đề vì các pháp khó biết mà biết rõ tất cả.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát Di Lặc thưa! Khi Bồ tát Duy Ma Cật thuyết thời pháp ấy, các thiên tử được Vô

sanh pháp nhẫn. Vì vậy con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông ấy.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Kinh Phật thường gọi Di Lặc là Bồ tát Nhất Sanh Bổ Xứ, được Phật thọ ký một đời sẽ thành tựu quả Vô thượng Bồ đề.

Tự tin mình một đời sẽ chứng quả Vô thượng Bồ đề, Bồ tát Di Lặc chẳng có lỗi gì vì Phật đã thọ ký như vậy.

Đem hạnh nguyện bất thối chuyển dạy cho hàng nhân thiên, Bồ tát Di Lặc cũng chẳng có lỗi gì vì lợi tha là Bồ tát hạnh.

Điểm yếu của Bồ tát Di Lặc ở chỗ:

1. *Tin vào ngữ ngôn THỌ KÝ.*
2. *Tin ở văn tự MỘT ĐỜI.*
3. *Tin ở quả chứng BỒ ĐỀ.*

Kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy: Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật, vì tất cả chúng sanh đều có phước đức trí tuệ Phật.

Kinh Pháp Hoa, Phật dạy: Tất cả chúng sanh đã thành Phật.

Xem thế, không phải chỉ có Bồ tát Di Lặc được "thọ ký" mà tất cả chúng sanh cũng đã được Phật thọ ký từ lâu rồi.

ĐỜI, nói cách khác là THỜI GIAN. Thời gian thì không có "mốc". Chỉ dựa trên hiện tượng vật chất, người ta đánh giá "mốc thời gian".

Thời gian thọ mệnh của rùa.

Thời gian thọ mệnh của người.

Thời gian thọ mệnh của "cẩu", của "kê".

Thời gian thọ trưởng của cây tùng, cây bách.

Thời gian thọ trưởng cam, quít, lựu, lê…

Xóa bỏ vật chất ra sẽ không có ĐỜI. Dựa trên vật chất để đánh giá ĐỜI, thì ĐỜI chẳng có gì để làm tiêu chuẩn.

Tin ở ngữ ngôn văn tự, Bồ tát Di Lặc bị "hố" đối với chân lý Đệ nhất nghĩa. Trông chờ hy vọng quả Vô thượng Bồ đề. Coi chừng! Sai một ly, đi một dặm!

Cần phải khai quật Bồ đề tâm, phát huy Bồ đề tự tánh. Đó mới là con đường tiến đến Vô thượng Bồ đề.

Bồ đề đạo là đạo tỉnh thức. Bồ đề giả là người tỉnh thức. Bồ đề tòa là chỗ ngồi tỉnh thức. Bồ đề thọ là cây tỉnh thức… Luôn luôn tỉnh thức sống đúng, sống hợp chân lý là sống trong Bồ đề đạo, không cần phải

lo lắng vấn đề "thối chuyển". Ôm tâm trạng "sợ" thối chuyển là đã sụp đổ một góc lâu đài Niết bàn rồi.

Cố học và giữ gìn cái "hạnh bất thối chuyển", càng làm cho tòa Niết bàn mờ ảo xa xăm hơn. Trước mắt, Bồ đề chưa thấy mà Niết bàn của hàng nhân thiên cứ sụp đổ và mất hút dần.

Chưa thâm ngộ thật tướng, học Pháp bất liễu nghĩa, thực hành Pháp bất liễu nghĩa thường bị "kẹt", nhìn Bồ đề Niết bàn còn bị bao phủ những lớp sương mù "chấp mắc"!

*

* *

II. VẤN ĐỀ ĐẠO TRÀNG

Đức Phật gọi Quang Nghiêm Đồng Tử bảo: Quang Nghiêm! Thầy hãy đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

Quang Nghiêm Đồng Tử thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật! Trước đây vào một hôm nọ, con từ trong thành Tỳ Da Ly đi ra, Ngài Duy Ma Cật thì từ ngoài thành đi vào, con lễ phép chào và hỏi:

Thưa cư sĩ! Ngài từ đâu đến đây?

Ông Duy Ma Cật đáp: Tôi từ đạo tràng đến.

Con lấy làm lạ hỏi: Ngài nói đạo tràng, vậy đạo tràng nào? Ở đâu?

Ông Duy Ma Cật đáp:

Trực tâm là đạo tràng: Tâm hạnh thành thật, thẳng thắn không hư dối quanh co.

Phát hạnh là đạo tràng: Siêng năng tinh tấn làm tất cả việc.

Thâm tâm là đạo tràng: Luôn luôn vun bồi công đức và làm tăng trưởng công đức.

Bồ đề tâm là đạo tràng: Vận dụng trí tuệ trong sự thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết... để tránh mọi si mê lầm lạc.

Bố thí là đạo tràng: Thí tài, thí pháp và thí cả vô úy cho chúng sanh mà không hy vọng đáp đền ơn nghĩa.

Trì giới là đạo tràng: Giữ giới thanh tịnh đúng như chí nguyện mong ước lúc phát khởi sơ tâm.

Nhẫn nhục là đạo tràng: Tâm được điều thuận, nhu nhuyến đối với tất cả chúng sanh không còn bị chướng ngại.

Tinh tấn là đạo tràng: Không lúc nào giải đãi trong việc học chánh pháp, hành chánh pháp và sống trong chánh pháp.

Thiền định là đạo tràng: Tâm nhu hòa an ổn, không rong rủi ở lục dục thất tình, thấy được tự tướng hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh…

Trí tuệ là đạo tràng: Thấy rõ bản chất vô thường, vô ngã và bất tịnh của các pháp đúng như thật.

Từ là đạo tràng: Đối với tất cả chúng sanh đều thương như con một.

Bi là đạo tràng: Vận dụng mọi phương tiện cứu khổ cho chúng sanh.

Hỉ là đạo tràng: Lúc nào cũng vui mừng khi thấy người khác được vui.

Xả là đạo tràng: Đoạn hết mọi ý niệm ghét thương trong lòng.

Giải thoát là đạo tràng: Luôn luôn vận dụng pháp bội xả và sống trong pháp bội xả.

Phương tiện là đạo tràng: Giáo hóa chúng sanh bằng nhiều hình thức, tùy căn cơ đối tượng.

Tứ nhiếp là đạo tràng: Thuyết pháp độ chúng sanh bằng nhiều cách và tùy cơ duyên mà hóa độ.

Đa văn là đạo tràng: Nghe chánh pháp rồi thực hành đúng chánh pháp.

Phục tâm là đạo tràng: Vận dụng chánh quán mà quán các pháp.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng: Rời bỏ hết các pháp hữu vi.

Tứ đế là đạo tràng: Thấy đúng như thật, biết đúng như thật, nói đúng như thật các pháp thế gian.

Duyên khởi là đạo tràng: Biết rõ từ vô minh cho đến lão tử đều không có cái hết.

Các phiền não là đạo tràng: Vì nhận biết sự tác hại của phiền não một cách quyết định.

Chúng sanh là đạo tràng: Vì nhận biết sự hòa hợp, sự nương gá tạm bợ, biết rõ tánh chất vô thường, vô ngã của chúng.

Tất cả pháp là đạo tràng: Vì biết rõ tất cả pháp vốn không.

Tam giới là đạo tràng: Dù nhận có Tam giới, mà không bị ràng buộc bởi Tam giới.

Sư tử hống là đạo tràng: Vì sự thuyết pháp độ sanh đạt đến vô sở úy.

Thập lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp là đạo tràng: Vì thân, khẩu, ý đã thuần thục đạt đến chỗ tột cùng của thanh tịnh, không còn có sự sai lầm.

Tam minh là đạo tràng: Nhận thức các pháp thấu suốt tận gốc, tột nguồn.

Nhất niệm tri nhất thiết pháp là đạo tràng: Vì thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Thế đấy! Quang Nghiêm đồng tử! Bồ tát nếu ứng dụng trí tuệ Ba la mật giáo hóa chúng sanh thì mọi hành động giở chân lên, hạ chân xuống đều từ đạo tràng đến và lúc nào cũng ở trong Phật pháp vậy!

Bạch Thế Tôn! Quang Nghiêm thưa! Bồ tát Duy Ma Cật nói thời pháp ấy rồi có rất đông hàng người trời phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vì vậy con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông ấy.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

ĐẠO TRÀNG, thông thường người ta có ba cách nghĩ:

Một, chỗ đức Phật thành đạo dưới cội Bồ đề.

Hai, chỗ tụ hội của một tập thể đông đảo.

Ba, chỗ làm chay có xô giàn thí rế, cầu siêu, bạt tiến...

Trong nhận thức của Quang Nghiêm đồng tử, cũng chưa vượt ra ba ý nghĩa đó.

Bồ tát Duy Ma Cật trong dáng vẻ ung dung tự tại đi vào trong thành Tỳ Da Ly, khiến cho Quang Nghiêm đồng tử rất ngạc nhiên khi nghe Bồ tát Duy Ma Cật trả lời: Tôi từ đạo tràng đến.

Một câu trả lời bình thường như bao nhiêu ngữ ngôn bình thường. Vậy mà sức công phá hết sức lớn lao! Nó xé toạc màn vô minh cho thế hệ tương lai, vén mây ngút chỉ trời xanh cho những thức giả lúc bấy giờ rằng: ĐẠO TRÀNG không phải là chỗ Phật ngồi, cũng không phải là chỗ tụ hội của một nhóm người đông đảo, cũng không phải đám làm chay có xô giàn thí rế, tụng tán cốc keng...

Bồ tát sống trong các Ba la mật môn, giáo hóa chúng sanh khiến cho họ phát Bồ đề tâm thì nhất cử, nhất động, giở chân lên, để chân xuống đều có thể gọi là đạo tràng và ở chỗ nào cũng không ngoài Phật pháp và ở trong Phật pháp.

*

* *

III. PHÁP VUI VÔ TẬN

Đức Phật gọi Bồ tát Trì Thế bảo: Trì Thế! Thầy hãy đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

Bồ tát Trì Thế thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

Bạch Thế Tôn! Con còn nhớ một hôm nọ con đang ở nơi tịnh thất, bấy giờ có thủ lĩnh nhóm Sát giả đem theo cả một vạn hai ngàn ma nữ giả dạng làm người trời. Họ đánh trống thổi kèn, đàn nhạc, ca hát, đi đến chỗ con. Một số đông dập đầu lễ lạy dưới chân con, rồi chấp tay cung kính đứng trước con, hàng ngũ trang nghiêm trật tự. Con nghĩ họ là người trời, con bèn thuyết pháp cho họ rằng:

Quí hóa thay! Các vị có phước báu của hàng người trời, nhưng không nên buông lung. Trong khi hưởng cái nhân phước đức, phải quán ngũ dục là vô thường để trồng sâu cội phúc. Dựa trên tự thân, trên của cải vô thường mà tu tập quán chiếu, ngõ hầu được cái thân bền chắc...!

Bấy giờ trong số người đó nói với con rằng: Thưa Chánh sĩ! Chúng tôi xin hiến cho Ngài hai nghìn Thiên nữ. Ngài hãy nhận để làm người hầu hạ. Họ sẽ giúp đỡ cho Ngài công việc khi cần.

Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ con bèn nói với họ: Không nên đem hàng Thiên nữ như thế mà hiến tặng

cho Sa môn Thích tử chúng tôi, việc làm đó phi pháp. Hàng Sa môn Thích tử chúng tôi không thể nhận những người như thế để giúp việc.

Con nói chưa dứt lời thì Bồ tát Duy Ma Cật đến, bảo con rằng: Này! Ngài Trì Thế! Họ không phải là người trời, họ là ma nữ đến để trêu ghẹo thầy đấy!

Bồ tát Duy Ma Cật bèn nói với các ma nữ: Các cô gái kia ơi! Hãy hiến các cô cho tôi! Như tôi đây mới là người đáng nhận sự hầu hạ giúp đỡ của các cô.

Bấy giờ bọn ma nữ rất sợ hãi, nghĩ rằng: Có thể ông Duy Ma Cật sẽ làm bức não chúng ta!

Tất cả đều muốn trốn đi nhưng đi không được. Bỗng nhiên, trong không trung có tiếng vọng lên rằng: Thủ lĩnh Sát giả! Hãy hiến tặng các cô gái ấy đi. Bọn ma nữ kính lạy và vâng theo!

Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo các cô gái rằng: Thủ lĩnh các cô đã hiến các cô cho tôi rồi! Các cô nên phát tâm Bồ Đề đạo đi!

Sau đó tùy căn tánh của mỗi người, Bồ tát Duy Ma Cật thuyết pháp, khiến cho hàng ma nữ vui mừng phát tâm hướng về Phật đạo...

Trưởng giả Duy Ma Cật dạy tiếp: Các cô đã phát tâm theo Bồ đề đạo! Các cô sẽ có cái vui chính của các cô, không cần đến cái vui của ngũ dục nữa.

Bọn ma nữ hỏi: Cái vui đó là thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp: Vui thường tin Phật. Vui ham nghe Pháp. Vui cúng dường Tăng. Vui vĩnh ly ngũ dục. Vui quán ngũ ấm như ác tặc. Vui quán thất đại như độc xà. Vui quán nội nhập như rỗng không. Vui thuận theo ý đạo. Vui lợi ích chúng sanh. Vui kính trọng và cung dưỡng sư trưởng. Vui làm bố thí được nhiều. Vui giữ giới kiên trì và thanh tịnh. Vui nhẫn nhục nhu hòa. Vui siêng nhóm thiện căn. Vui thiền định không loạn. Vui cấu hết tuệ sanh. Vui được tâm Bồ đề rộng lớn. Vui hàng phục các ma. Vui đoạn các phiền não. Vui thấy cõi Phật thanh tịnh. Vui thành tựu tướng hảo. Vui tu các công đức lành. Vui trang nghiêm đạo tràng. Vui nghe pháp sâu xa mà không kinh sợ. Vui với Tam giải thoát môn. Vui gần bạn đồng học. Vui ở trong chỗ phi đồng học mà tâm không bị chướng. Vui chuyển hóa được những người ác tri thức. Vui tâm thường thanh tịnh. Vui tu vô lượng đạo phẩm. Đó là pháp vui của Bồ tát, các cô nên học.

Lúc bấy giờ Ma Ba tuần bảo các ma nữ rằng: Ta muốn các ngươi hãy cùng ta trở về.

Các ma nữ nói: Đã hiến chúng tôi cho cư sĩ, chúng tôi có được pháp vui, chúng tôi vui lắm rồi! Từ đây chúng tôi không thích cái vui ngũ dục nữa!

Ma Ba tuần nói: Thưa cư sĩ! Mong Ngài thả các cô ấy đi! Theo tôi biết Bồ tát hạnh là xả thí tất cả các sở hữu của mình cho người khác.

Trưởng giả Duy Ma Cật nói: Tôi đã thả rồi, các cô tự ý mà đi. Các cô hãy nhớ làm thế nào cho hàng người trời đều được học chánh pháp như các cô vậy.

Bấy giờ các cô gái hỏi Bồ tát Duy Ma Cật: Khi trở về chúng tôi phải làm gì, thưa Ngài Duy Ma Cật?

Bồ tát Duy Ma Cật bảo: Này các cô! Có pháp môn tên là Vô tận đăng, các cô hãy siêng năng tu học. Vô tận đăng có nghĩa là cây đèn vô tận. Ví như: Một ngọn đèn đem mồi thêm ra cả trăm ngọn đèn, cả trăm ngọn đèn mồi ra cả ngàn ngọn đèn, khiến cho chỗ tối được sáng, sáng rộng và sáng mãi mà ngọn đèn nguyên thủy chẳng hao mòn chút ánh sáng nào.

Cũng như vậy, thưa các cô! Bồ tát có thể dạy dỗ cho trăm ngàn chúng sanh khiến cho họ phát Bồ đề tâm, mà đạo tâm và đạo hạnh của Bồ tát chẳng có giảm sút, ví như ngọn Vô tận đăng ấy! Các cô dù ở trong ngũ dục, sử dụng pháp Vô tận đăng khiến cho hàng người trời nam nữ phát tâm Bồ đề thì chính các cô đã đền đáp thâm ân Phật.

Bấy giờ các ma nữ đầu mặt lễ dưới chân Bồ tát Duy Ma Cật. Lễ xong tất cả cùng lui đi.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát Trì Thế thưa: Bồ tát Duy Ma Cật có trí biện tài tự tại như thế. Cho nên con không dám lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh ông ấy!

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sát giả, theo Phạn âm là Thiên Ma Ba Tuần.

Thiên Ma Ba Tuần mà nhận là người trời, thế là lầm lẫn đối tượng trong khi thuyết pháp.

Pháp thuyết sai đối tượng không phát huy được công dụng của pháp. Thuốc hay trị không đúng bệnh mất đi công hiệu của thuốc. Bệnh trị không đúng thuốc uống thuốc cũng như không.

Sợ ma bị ma nhiễu loạn. Không sợ ma, ma sợ lại. Bồ tát Trì Thế không dám nhận ma nữ, lại được ép tặng ma nữ cho. Bồ tát Duy Ma Cật rất bằng lòng nhận các ma nữ, tất cả ma nữ đều kinh tâm táng đởm.

Đối với ma quân Bồ tát gặp lúc cần phải trực diện đương đầu. Từ đó thi thố khả năng điều phục...

Phật tánh tùy duyên nhi bất biến, bất biến nhi tùy duyên.

Dù là ma, khi gặp thiện tri thức khai thị Phật tri kiến cho mình, ma có khả năng quay về chánh đạo, phát tâm cầu tiến Vô thượng Bồ đề.

Vui trong ngũ dục là cái vui của người nướng mình trên hầm lửa, cái vui của con người bệnh hoạn, nhiễm nặng virus vô minh.

Người trí chọn cho mình cái vui trường cửu ở mọi hoàn cảnh, ở mọi thời gian. Như cái vui mà Bồ tát Duy

Ma Cật nói: Vui thường tin Phật. Vui ham nghe Pháp. Vui cúng dường Tăng. Vui vĩnh ly ngũ dục. Vui quán ngũ ấm như oán tặc. Vui quán thất đại như độc xà. Vui thuận theo ý đạo. Vui lợi ích chúng sanh...

Dù là Sát giả, khi phát Bồ đề tâm là đã hồi đầu thị ngạn. Ngọc trắng dù ở trong bùn bẩn, không vì vậy mà hoen ố sắc màu. Người phát Bồ đề tâm dù ở trong cảnh ô trược, không vì vậy nhiễm loạn chất thanh cao.

Để đền đáp ơn Phật, hãy mồi thêm mãi "Vô tận đăng" khiến cho chỗ tối được sáng, chỗ sáng được rực rỡ huy hoàng.

Vô tận đăng tức là ngọn đèn chánh pháp. Học Bồ tát hạnh có trách nhiệm truyền bá rộng rãi cho nhiều người, khiến cho họ phát Bồ đề tâm, được xem như đền đáp thâm ân Phật.

*

* *

IV. HỘI ĐẠI THÍ

Bấy giờ Phật gọi trưởng giả tử Thiện Đức bảo: Thiện Đức! Ông hãy đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

Thiện Đức thưa: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật. Trước đây lúc ở tại nhà của thân phụ, con có thiết lập một hội đại thí kỳ hạn bảy ngày cúng dường các Sa môn, Bà la môn và bố thí cho tất cả những người nghèo khó, cho những kẻ ăn xin. Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật đến nói với con rằng:

Thưa trưởng giả tử Thiện Đức! Hội đại thí lập như vậy chưa đúng. Ngài lập hội tài thí trong bảy ngày, những người được thọ thí đỡ khổ trong bảy ngày. Sau bảy ngày họ không còn gì nương cậy. Ngài nên lập hội Pháp thí mới đem lại lợi ích lâu dài.

Con hỏi: Hội Pháp thí là thế nào?

Ông Duy Ma Cật nói: Hội Pháp thí không phải chỉ có lợi cho thời gian trước, thời gian sau hay trong thời gian cúng dường cho tất cả chúng sanh.

Thế nghĩa là sao? Thưa cư sĩ, con hỏi.

Nghĩa là: Vì Vô thượng Bồ đề khởi từ tâm. Vì cứu độ chúng sanh khởi bi tâm. Vì hộ trì chánh pháp khởi hỉ tâm. Vì sự nghiệp trí tuệ khởi xả tâm. Vì hóa độ xan tham khởi bố thí Ba la mật. Vì hóa độ phạm giới khởi trì giới Ba la mật. Vì biết rõ tánh vô ngã của các pháp khởi nhẫn nhục Ba la mật. Vì biết rõ thân tâm như

huyễn khởi tinh tấn Ba la mật. Vì Bồ đề khởi thiền định Ba la mật. Vì Nhất thiết chủng trí khởi Bát nhã Ba la mật. Vì giáo hóa chúng sanh khởi quán vạn pháp giai không. Nhằm trực diện với các pháp hữu vi khởi quán chư tướng vô tướng. Thị hiện thọ sanh mà khởi quán không, vô tác. Nhằm truyền bá chánh pháp khởi nhiều phương tiện. Nhằm hóa độ chúng sanh thực hành pháp Tứ nhiếp. Vì cung kính tất cả khởi trừ tâm ngã mạn. Vì biết rõ thân mệnh tài như huyễn khởi ái mộ Pháp thân, Bát nhã và Giải thoát. Đối với lục niệm thường khởi tưởng niệm. Đối với pháp lục hòa khởi tâm chánh trực. Dùng tâm hoan hỉ khởi ý gần gũi bậc thượng căn. Khởi tâm điều phục không ghét người ác. Với pháp xuất gia khởi tâm kính mộ. Vì tri hành không lệch lạc khởi ý chí đa văn. Nhằm tránh mọi ràng buộc khởi ý đặt mình như ở chỗ cô tịch. Nhằm đạt đến Phật tuệ khởi tâm thiền định. Vì ái mộ cõi Phật thanh tịnh khởi tâm làm việc phước đức.

Thế đấy thiện nam tử! Nếu Bồ tát lập hội Pháp thí như thế thì vừa là đại thí chủ, vừa là phước điền cho tất cả chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả tử Thiện Đức thưa! Trưởng giả Duy Ma Cật thuyết thời pháp ấy, có hai trăm Bà la môn phát tâm Vô thượng Bồ đề. Riêng con cảm thấy tâm mình được cởi mở nhẹ nhàng thanh thoát!

Trưởng giả Duy Ma Cật nói với đại chúng rằng: Thí chủ bố thí cho người hành khất tối hạ bằng tấm

lòng bình đẳng y như cúng dường Phật. Cung dưỡng và bố thí phát xuất từ một bi tâm, không hy vọng trả ơn, không mong cầu phước báo. Đó chính là cách lập hội Pháp thí viên mãn nhất.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả tử Thiện Đức thưa: Những người hành khất tối hạ nghe Bồ tát Duy Ma Cật thuyết những pháp thậm thâm như thế, họ đều phát tâm hướng về Bồ đề Chánh giác.

Vì duyên cớ đó con không kham lãnh trách nhiệm đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

… Nhiều vị Bồ tát ở trước Phật cùng trình bày những trường hợp bị khiển trách của mình. Tất cả đều từ khước không dám đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bố thí cung dưỡng là hạnh thứ nhất trong lục độ Ba la mật.

Bố thí, cung dưỡng đúng chánh pháp lợi mình, lợi người, lợi ở hiện tại và tương lai.

Bố thí cung dưỡng không đúng chánh pháp có thể đem lại cho mình hậu quả khổ đau. Phật là người trí Chánh giác Vô thượng mới thấy biết hết điều này.

Đạo Phật lấy sự cứu khổ là chánh. Lập hội Pháp thí là cứu khổ cho tất cả mọi người trong mọi giai tầng xã hội. Lợi ích của Pháp thí không có biên giới. Tất cả mọi tầng lớp trong xã hội, giàu nghèo, sang hèn đều có khổ, chỉ khác nhau hoàn cảnh và môi trường. Khổ không có ranh giới quá khứ, hiện tại hay tương lai. Chỉ có hội Pháp thí mới có thể cúng dường cho tất cả.

Người hoàn thành Pháp thí hội vừa là đại thí chủ, vừa là phước điền cho tất cả chúng sanh.

Người hoàn thành Pháp thí hội phải là người làm được những việc sau: Vì Vô thượng Bồ đề khởi tâm TỪ. Vì cứu độ chúng sanh khởi tâm BI. Vì hộ trì chánh pháp khởi tâm HỈ. Vì sự nghiệp trí tuệ khởi tâm XẢ…

Nói tóm lại, những kinh điển Đệ nhất nghĩa khó nghe, khó hiểu, khó tin, khó hành! Mà nghe được, hiểu được, tin được và thực hành được sẽ có được an lạc giải thoát.

Mình được giác ngộ giải thoát trước, rồi mới truyền bá cho mọi người học tu để cùng được giác ngộ, giải thoát. Đó là cách cúng dường ưu việt nhất!

*

* *

CHƯƠNG THỨ NĂM
VĂN THÙ BỒ TÁT THĂM BỆNH

Bấy giờ đức Phật bảo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi: Văn Thù! Thầy hãy đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

Bồ tát Văn Thù thưa: Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó đối đáp với ông khi đàm đạo. Ông đã quán triệt sâu sắc thật tướng, thuyết pháp rất giỏi, biện tài vô ngại, trí tuệ siêu thường. Ông biết hết pháp thức của Bồ tát, thâm nhập kho tàng bí mật của chư Phật, hàng phục ma quân, thần thông du hí, trí tuệ phương tiện đáng làm thầy hàng người trời. Dù vậy vâng lời Phật con sẽ đi thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

Các Bồ tát và hàng Tỳ kheo Thanh văn cùng có ý niệm: Nay hai vị đại sĩ Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật đàm đạo, chắc sẽ nói những pháp mầu nhiệm sâu xa. Chúng hội cả mấy ngàn người đều muốn tháp tùng.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cùng đại chúng tùy tùng hàng hàng, lớp lớp trang nghiêm cung kính đi vào Tỳ Da Ly đại thành để thăm bệnh Bồ tát Duy Ma Cật.

1. Trưởng giả Duy Ma Cật biết Bồ tát Văn Thù và đại chúng sắp đến, ông cho dẹp hết các vật sở hữu chỉ

để tịnh thất trống, không có thị giả, độc nhất chỉ có một cái giường và bệnh nhân là ông Duy Ma Cật nằm choán hết.

2. Bồ tát Văn Thù vào thất thấy sự kiện có vẻ lạ thường chưa kịp nói gì, trưởng giả Duy Ma Cật cất tiếng: Quý hóa thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi đến mà không có tướng đến, thấy mà không có tướng thấy.

Bồ tát Văn Thù đáp: Đúng vậy, thưa cư sĩ! Nếu đến thì lại chẳng đến, nếu đi thì lại chẳng đi. Bởi vì đến không chỗ từ, đi không chỗ tới; gọi là thấy kỳ thật chẳng thấy gì.

Thôi chúng ta gác lại chuyện ấy. Xin hỏi bệnh của cư sĩ có được đỡ chưa? Trị liệu có bớt không? Thế Tôn ân cần thăm hỏi và lo lắng lắm đó! Do nguyên nhân gì cư sĩ phát sanh bệnh như thế? Bệnh đã bao lâu rồi và phải làm sao cho hết?

3. Ông Duy Ma Cật nói: Vì có si mê ái nhiễm mà bệnh của tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh cho nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh không bệnh thì bệnh của tôi lành.

Bồ tát vì chúng sanh nên vào trong sanh tử. Có sanh tử thì có bệnh. Nếu chúng sanh khỏi bệnh thì Bồ tát không còn bệnh nữa. Ví như con bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, bệnh của con lành thì bệnh của cha mẹ cũng lành theo. Bồ tát cũng như vậy, với chúng sanh thương như con một. Chúng sanh bệnh thì Bồ tát bệnh, chúng sanh lành bệnh thì bệnh của Bồ tát cũng lành.

4. Ngài hỏi: Do nguyên nhân gì bệnh của tôi phát sanh? Xin thưa: Bệnh của Bồ tát phát sanh do tâm đại bi.

Bồ tát Văn Thù hỏi: Vì sao thất của Ngài trống không và không có thị giả?

Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: Cõi nước của chư Phật cũng không như vậy!

- Do đâu mà biết không?

- Do trống không, cho nên biết không.

- Dùng không, để không cái gì?

- Dùng không, để không phân biệt.

- Đã không thì phân biệt được gì?

- Phân biệt cũng không.

- Tìm cái không ở đâu, dựa vào đâu để nhận biết?

- Dựa vào sáu mươi hai kiến chấp của ngoại đạo.

- Sáu mươi hai kiến chấp phải tìm ở đâu?

- Tìm trong đức Giải thoát của chư Phật.

- Đức Giải thoát của chư Phật tìm ở đâu?

- Tìm nơi tâm tánh của tất cả chúng sanh.

5. Thưa Ngài Văn Thù! Ngài hỏi vì sao tôi không có thị giả. Thưa Ngài! Tất cả ma quân và các ngoại đạo là thị giả của tôi. Bởi vì: Ma quân rất ưa sanh tử, Bồ tát

thì ở trong sanh tử không xa rời. Ngoại đạo ưa kiến chấp, Bồ tát thì ở trong kiến chấp mà không động.

6. Bồ tát Văn Thù hỏi: Bệnh của cư sĩ trạng huống ra sao?

- Bệnh của tôi không hình trạng, không thấy được.

- Bệnh của Ngài thuộc thân hay thuộc tâm?

- Không phải thuộc thân vì tôi đã ly cái tướng thân, cũng không phải thuộc tâm vì tâm như huyễn.

- Trong bảy đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, Ngài bệnh đại nào?

- Bệnh của tôi không phải Địa đại nhưng không rời Địa đại. Không phải Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức; cũng không rời Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức. Bệnh của chúng sanh phát sanh từ thất đại, chúng sanh bệnh cho nên tôi bệnh.

7. Bồ tát Văn Thù hỏi: Khi một Bồ tát nhuốm bệnh, vị Bồ tát đi thăm bệnh phải thăm hỏi thế nào, nói những gì?

Ông Duy Ma Cật đáp:

Bồ tát đi thăm bệnh nên nói: Rằng thân vô thường, nhưng không bảo phải chán bỏ thân. Rằng thân là khổ, nhưng không khuyên nhận cái vui Niết Bàn. Rằng thân là vô ngã, mà khuyến khích tích cực giáo hóa chúng sanh. Rằng thân rỗng lặng như hư không, nhưng không nói vĩnh viễn không như sừng thỏ, lông rùa. Rằng nên

ăn năn tội trước, nhưng không nên ôm ấp những lỗi đã qua. Hãy quán xét bệnh của mình mà thương xót người đang có bệnh. Phải tự thức tỉnh rằng: Ta đã từng khổ đau và đừng quên nghĩ đến việc lợi lạc cho chúng sanh. Nhớ làm phước đức, luôn nghĩ tưởng đến đời sống trong sạch. Không nên sanh tâm buồn rầu, thường khởi tâm tinh tấn. Ta phải làm vị đại y vương để trị bệnh cho chúng sanh.

Bồ tát đi thăm bệnh phải thăm hỏi như thế, an ủi như thế khiến cho Bồ tát có bệnh phát khởi hỷ tâm.

8. Văn Thù Sư Lợi hỏi: Thưa cư sĩ! Bồ tát có bệnh phải điều phục tâm mình như thế nào?

Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: Bồ tát có bệnh nên quán chiếu và tư duy rằng bệnh của ta hôm nay là do các phiền não vọng tưởng điên đảo sanh ra. Nó là pháp không thật thì ai là người thọ bệnh!

Thân này là kết quả của sự tổ hợp, nương gá thất đại mà thành. Thất đại không có chủ thể thì thân này là vật vô ngã. Bệnh sanh khởi là do chấp ngã. Vì vậy đối với bản ngã không nên sanh tâm luyến ái chấp mắc.

9. Đã biết nguồn gốc của bệnh, cần phải trừ bỏ quan niệm chấp ngã và chấp chúng sanh, chỉ lưu lại ý tưởng về pháp.

Do các pháp hợp lại mà thành thân. Sanh chỉ là pháp sanh, diệt chỉ là pháp diệt. Pháp thì chẳng biết gì nhau, khi sanh nó chẳng nói ta sanh, khi diệt chẳng nói

ta diệt. Tư duy như vậy, Bồ tát có bệnh trừ diệt quan niệm về pháp. Lại tư duy rằng, quan niệm về pháp cũng chỉ là một thứ điên đảo. Điên đảo còn thì còn khổ não, còn bệnh hoạn. Thế nên Bồ tát khởi ý tưởng LY.

- Ly là thế nào?

- Ly ngã và ngã sở hữu.

- Ly ngã, ngã sở hữu là sao?

- Ly cả hai pháp.

- Ly cả hai pháp là thế nào?

- Ly nội tâm, ly ngoại cảnh, thể hiện tánh bình đẳng.

- Bình đẳng như thế nào?

- Bình đẳng về ý niệm Ngã và bình đẳng về ý niệm Niết bàn. Nhận thức rõ rằng: Ngã vốn không, Niết bàn cũng chẳng có! Ngã và Niết bàn đều không!

- Do gì biết đó là không?

- Tư duy rằng chúng chỉ dựa trên văn tự mà giả lập. Chúng không có tính quyết định. Hiểu được tính bình đẳng đó thì không còn bệnh nào khác, chỉ có bệnh không. Cuối cùng không cũng KHÔNG.

Bấy giờ Bồ tát có bệnh sử dụng vô sở thọ, mà thọ cái thọ. Khi nào Phật pháp chưa đầy đủ, cũng không diệt thọ để nhận lấy quả sở chứng. Giả sử thân có khổ, nhớ nghĩ chúng sanh trong ác thú mà khởi lòng đại bi: Rằng ta đã điều phục và cũng sẽ điều phục cho chúng

sanh. Vì vậy chỉ trừ bỏ bệnh chấp mà không trừ bỏ pháp. Vì muốn trị dứt gốc bệnh của chúng sanh mà giáo hóa họ.

10. Thế nào là gốc bệnh?

- Gốc bệnh có vì có tâm phan duyên. Chừng nào còn có tâm phan duyên thì gốc bệnh còn.

- Đối tượng phan duyên là gì?

- Đối tượng phan duyên là Tam giới.

- Làm sao đoạn được phan duyên?

11. Muốn đoạn phan duyên phải vô sở đắc. Vô sở đắc thì hết phan duyên.

- Sao gọi là vô sở đắc?

- Vô sở đắc có nghĩa là vĩnh ly hai thứ kiến chấp.

- Hai thứ kiến chấp là gì?

- Là nội kiến và ngoại kiến. Nội kiến là chấp bản ngã của tự thân. Ngoại kiến là chấp hiện tượng vạn pháp bên ngoài.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Đấy là những điều Bồ tát có bệnh phải điều phục tâm mình, nhằm dứt trừ các khổ, lão, bệnh, tử. Đó là Bồ đề của Bồ tát. Nếu không như thế thì việc tu sửa của mình sẽ không có được trí tuệ sắc bén. Ví như có chiến thắng đối thủ ngoan cường thì mới được gọi là chàng dũng sĩ vô địch! Được vậy Bồ tát gọi đó là người chiến sĩ tiêu trừ giặc cướp: Lão, bệnh, tử!

12. Bồ tát có bệnh còn quán chiếu tư duy rằng: Bệnh của ta đây không thật có, bệnh của chúng sanh cũng không thật có. Nếu sanh khởi lòng đại bi ái kiến thì cần phải xả ly, bởi vì Bồ tát nhằm đoạn trừ khách trần phiền não mà phát khởi lòng đại bi. Nếu lòng đại bi còn có tâm ái kiến, thì ở trong sanh tử sẽ có lúc mỏi mệt mà thoái thất đạo tâm. Xa lìa đại bi ái kiến thì hóa độ chúng sanh dù ít hay nhiều bao nhiêu cũng không có chán nản mỏi mệt. Người không bị buộc ràng mới dạy cách mở cho người bị ràng buộc. Đang bị ràng buộc mà dạy cách mở buộc ràng cho người khác là chuyện không thể có. Mình không bị ràng buộc, mở ràng buộc giúp cho người khác là việc dễ dàng! Thế nên Bồ tát không nên làm những điều gì khiến cho mình bị ràng buộc.

13. Thế nào là bị ràng buộc? Thế nào là được mở ràng buộc?

Đam mê thiền vị là Bồ tát bị ràng buộc. Sử dụng các phương tiện trong sinh hoạt bình thường là Bồ tát không bị ràng buộc.

Lại nữa Bồ tát không phương tiện, không trí tuệ là bị ràng buộc. Có phương tiện, có trí tuệ là Bồ tát được mở ràng buộc.

- Thế nào là không phương tiện, không trí tuệ, Bồ tát bị ràng buộc?

- Nghĩa là Bồ tát dùng tâm ái kiến mà trang nghiêm cõi Phật hóa độ chúng sanh. Dùng KHÔNG,

VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC mà điều phục tâm mình. Đó là Bồ tát không phương tiện, không trí tuệ, Bồ tát bị ràng buộc.

Có trí tuệ, có phương tiện, Bồ tát được mở ràng buộc là thế nào?

- Nghĩa là Bồ tát lìa xa các tham dục, sân nhuế tà kiến, các phiền não mà gieo trồng phước đức, hướng thẳng Vô thượng Bồ đề. Đó là có trí tuệ, có phương tiện, Bồ tát được mở ràng buộc.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát có bệnh phải nên quán các pháp như thế!

Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó là trí tuệ. Thân dù có bệnh mà ở trong sanh tử làm lợi ích cho chúng sanh không chán nản, mỏi mệt. Đó là có phương tiện.

Lại quán về thân. Thân không rời bệnh, bệnh không rời thân. Thân ấy, bệnh ấy không phải mới, không phải cũ gọi đó là trí tuệ. Thân dù có bệnh mà không diệt thân, gọi đó là phương tiện.

14. Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm mình. Không trụ ở tâm điều phục, cũng không trụ ở tâm bất điều phục. Vì trụ tâm bất điều phục là pháp của phàm phu. Trụ ở tâm điều phục là pháp của Thanh văn. Thế nên Bồ tát không trụ ở tâm điều phục và tâm bất điều phục. Ly được cả hai pháp, thì Bồ tát làm việc ở sanh tử mà

không bị nhiễm ô. Trụ ở Niết bàn mà không diệt độ hẳn. Thế nên Bồ tát hạnh không phải là hạnh phàm phu, cũng không phải là hạnh hiền thánh. Bồ tát hạnh không phải hạnh cấu, cũng không phải hạnh tịnh.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Tịnh thất trống nhằm nói lên rằng "Nhất chân pháp giới, vạn pháp giai không", để xiển dương chân lý "Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc là không, không là sắc".

Một thân nằm trên một giường, tiêu biểu: Pháp thân và huyễn thân bất ly. Pháp thân không rời huyễn thân. Huyễn thân ở trong Pháp thân.

2. Nếu đứng bên mé sông, trên bờ biển, người ta sẽ thấy chiếc thuyền đi từ địa điểm này đến địa điểm nọ: Đi từ Thái Bình Dương sang đến Đại Tây Dương chẳng hạn... Qua sự thấy biết đó, người ta cho rằng chiếc thuyền có ĐI và có ĐẾN.

Nếu đứng ở vị trí tầm nhìn của nhà phi hành gia vũ trụ thì sự đi và đến của chiếc thuyền kia chẳng có nghĩa lý gì cả, vì nó chưa có phút giây tạm rời khỏi mặt địa cầu.

Sự di chuyển ĐẾN, ĐI của con người trong Pháp giới nhất chân cũng chẳng có nghĩa gì!

Nhìn trên phương diện bản thể, Bồ tát thấy rõ: Đến mà không có tướng đến. Đi không chỗ khởi hành. Bởi trong quá trình đi, đến không có giây phút tạm rời Pháp giới nhất chân.

Chủ thể thấy và đối tượng thấy phải học cách nhìn "PHÁP NHĨ NHƯ THỊ", người đệ tử Phật mới có cơ may nhận thức được chân lý.

PHÁP NHĨ NHƯ THỊ nghĩa là thấy mà không có tướng thấy. Thấy cũng như không thấy, không thấy cũng như thấy. Có cũng như không có. Không có cũng như có. Có là không. Không là có. Vì biết rằng: Thật tướng của các pháp là VÔ.

3. Sanh, lão, bệnh, tử đối với Bồ tát không có gì đáng nói vì đó là quy luật phổ biến, nó là chân lý của cuộc đời, có gì phải bận tâm Bồ tát!

Bồ tát Duy Ma Cật bệnh chỉ là một cái cớ được tạo ra nhằm triển khai thật tướng, chỉ bày Pháp tánh, giới thiệu Pháp thân, xiển dương Đệ nhất nghĩa của nền giáo lý Phật.

Vì gió độc si ái làm cho Bồ tát sanh bệnh. Vì chúng sanh bệnh mà Bồ tát bệnh. Chừng nào chúng sanh hết bệnh thì bệnh Bồ tát lành.

Bồ tát thương chúng sanh như cha mẹ thương con. Con bệnh cha mẹ bệnh theo. Con lành bệnh, bệnh cha

mẹ cũng lành. Bệnh của Bồ tát phát sanh do tâm Đại bi.

4. Cõi nước của chư Phật cũng trống không, thất của Bồ tát Duy Ma Cật cũng trống không nhằm khai thị đạo lý "Hành thâm Bát nhã, chiếu kiến Ngũ uẩn giai không". Tuy nhiên người đạt đạo phải tìm thấy "Cái không ngay trong cái có". Đó là cái nhìn của Tuệ nhãn: "ĐƯƠNG THỂ TỨC KHÔNG" của Bồ tát.

5. Ma quân ưa sanh tử, Bồ tát ở trong sanh tử không rời. Ngoại đạo đam mê kiến chấp, Bồ tát ở trong kiến chấp mà không động. Do vậy Bồ tát không cô đơn. Ma quân và ngoại đạo là người hầu cận, là "thị giả" rồi.

6. Bệnh của Bồ tát không thuộc thân vì Bồ tát đã ly thân tướng, cũng không phải thuộc tâm vì Bồ tát biết rõ tâm như huyễn.

7. Khi thăm bệnh, Bồ tát cần nhắc nhở người bệnh về sự VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, VÔ NGÃ, BẤT TỊNH của thân, nhưng không khuyến khích chán nản thân, bi quan yếm thế và tiêu cực vì thân.

Hãy quán xét bệnh của mình mà nghĩ đến bệnh khổ của chúng sanh. Hãy phát chí nguyện làm vị đại y vương để trị bệnh cho tất cả.

8. Bồ tát có bệnh nên tự quán chiếu rằng: Bệnh của ta do phiền não vọng tưởng điên đảo, do chấp ngã pháp mà sanh. Có điên đảo thì có bệnh khổ.

9. Muốn trừ diệt bệnh khổ, Bồ tát khởi ý tưởng LY. Ly ngã, ly ngã sở hữu. Ly nội tâm, ly ngoại cảnh. Khởi ý niệm bình đẳng rằng: Ngã vốn không và Niết bàn cũng chẳng có.

10. Gốc bệnh của chúng sanh là tâm phan duyên. Chừng nào chúng sanh còn tâm phan duyên thì gốc bệnh còn.

11. Muốn đoạn tâm phan duyên phải vô sở đắc. Muốn được vô sở đắc, phải viễn ly chấp ngã và chấp pháp.

12. Bồ tát cứu độ chúng sanh không được có lẫn tâm ái kiến. Nếu lòng đại bi mà có lẫn ái kiến thì việc độ sanh sẽ có lúc mỏi mệt nản lòng.

13. Trong việc độ sanh, thực hiện đúng chánh pháp Bồ tát tự tại trong nhiệm vụ lợi tha. Thực hiện sai chánh pháp, Bồ tát có thể bị ràng buộc, mắc mứu, chướng ngại sự giải thoát giác ngộ của mình.

Nếu Bồ tát còn mống niệm đam mê, trụ chấp thì dù là đam mê trụ chấp thiền định lục Ba la mật, Bồ đề, Niết bàn là Bồ tát đã bị ràng buộc rồi.

Bồ tát phải thường xuyên sử dụng trí tuệ, luôn luôn vận dụng phương tiện trong việc độ sanh là Bồ tát được cởi mở ràng buộc.

14. Bồ tát có bệnh điều phục tâm mình bằng cách: Không trụ ở tâm điều phục, cũng không trụ ở tâm bất điều phục.

Bồ tát hạnh không phải là hạnh phàm phu, cũng không phải là hạnh hiền thánh. Bồ tát hạnh không phải hạnh cấu nhiễm, cũng không phải hạnh thanh tịnh.

Bồ tát hạnh là "Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm".

*

* *

CHƯƠNG THỨ SÁU
BẤT TƯ NGHÌ

1. Thầy Xá Lợi Phất thấy trong tịnh thất không có giường cũng chẳng có một chiếc ghế nào. Thầy khởi ý nghĩ: Tịnh thất trống trơn như thế này, chư Bồ tát và Thanh văn chúng rồi sẽ ngồi vào đâu?

Thầm hiểu ý nghĩ của thầy Xá Lợi Phất, Bồ tát Duy Ma Cật hỏi: Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ngài vì pháp đến đây, hay vì chỗ ngồi mà đến?

Tôi vì pháp mà đến, chớ không phải vì chỗ ngồi mà đến! Thầy Xá Lợi Phất đáp.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Người thực tâm cầu pháp, thân mạng còn không đáng tiếc, hà huống phải quan tâm nghĩ đến chỗ ngồi!

Cầu pháp phải quên đi cái thân Ngũ uẩn.

Cầu pháp không cầu những pháp triền phược tương quan trong cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất!

- Người cầu pháp không phải vì ham quả vị Phật. Không phải vì đam mê giáo pháp. Không phải vì cảm tình với chúng Tăng.

- Không vì thấy khổ mà cầu pháp. Không vì đoạn tập mà cầu pháp. Không vì chứng đắc đạo Bồ đề mà cầu pháp. Không vì ham thích các nhân trợ đạo chứng đắc Niết bàn mà cầu pháp.

Vì sao? Vì pháp không phải hý luận! Nếu nói rằng: Ta vì thấy KHỔ, vì đoạn TẬP, vì chứng đạo BỒ ĐỀ, vì hành ĐẠO mà cầu pháp, thì pháp đó trở thành hý luận, không phải cầu pháp!

Thưa Ngài Xá Lợi Phất!

Pháp là tịch diệt. Nếu biểu hiện qua hành vi sanh diệt thì đó là cầu sanh diệt, không phải cầu pháp.

Pháp là vô nhiễm. Nếu nhiễm ở pháp cho đến nhiễm Niết bàn, thế là cầu nhiễm không phải cầu pháp.

Pháp không năng hành, sở hành. Nếu dụng ý hành ở nơi pháp, đó là cầu năng hành sở hành không phải cầu pháp.

Pháp không có thủ xả. Đối với pháp mà có ý thủ xả, đó là cầu thủ xả không phải cầu pháp.

Pháp không có xứ sở. Nếu chấp nê xứ sở, đó là cầu xứ sở không phải cầu pháp.

Pháp là vô tướng. Nếu dựa trên tướng để nhận biết, đó là cầu tướng không phải cầu pháp.

Pháp không được trụ. Nếu trụ ở nơi pháp, đó là cầu trụ không phải cầu pháp.

Pháp không phải thấy, nghe, hiểu biết. Nếu biểu hiện qua thấy, nghe, hiểu biết; đó là cầu thấy, nghe, hiểu biết không phải cầu pháp.

Pháp là vô vi. Nếu hiểu qua hữu vi, đó là cầu hữu vi không phải cầu pháp.

Vì vậy cho nên: Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nếu là người cầu pháp, đối với tất cả không nên khởi ý niệm cầu.

Bồ tát Duy Ma Cật nói xong những điều trên, bấy giờ có một số thành phần người tu Thập thiện nghiệp đối với các pháp có được cái nhận thức thanh tịnh và an lạc.

2. Trưởng giả Duy Ma Cật hỏi Bồ tát Văn Thù rằng: Nhân giả từng vân du các cõi nước trong mười phương, Ngài biết cõi Phật nào có tòa sư tử đẹp nhất do công đức trang nghiêm thành tựu không?

Có, thưa cư sĩ! Bồ tát Văn Thù đáp.

Có thế giới tên Tu Di Tướng, đức Phật ở cõi nước đó hiệu Tu Di Đăng Vương thân cao lớn, có các tòa sư tử cao lộng lẫy trang nghiêm bậc nhất.

Bấy giờ, Bồ tát Duy Ma Cật vận dụng sức thần phương tiện như mộng huyễn của bi tâm, dời các tòa sư tử lộng lẫy từ cõi nước Tu Di Tướng vào trong tịnh

thất của ông trong khoảnh khắc để làm chỗ ngồi cho đại chúng.

Các hàng Bồ tát thượng căn thượng trí có phước đức trí tuệ lớn lên ngồi trên tòa sư tử một cách dễ dàng.

Còn các hàng tân học Bồ tát phước đức trí tuệ bậc trung đều không thể lên ngồi trên tòa sư tử được. Ngài Duy Ma Cật liền bảo: Các vị hãy hướng tâm về cõi nước đức Tu Di Đăng Vương và vận dụng sức thần "NHIẾP TÂM THIỀN ĐỊNH": Chư pháp tương tức, Nhất đa tương dung, Quảng hiệp tự tại... Theo lời của Ngài Duy Ma Cật, các Bồ tát tân học nhiếp tâm thiền định, bỗng nhiên hàng tân học Bồ tát nhẹ nhàng ngồi lên trên tòa sư tử một cách dễ dàng.

Chư Bồ tát và toàn thể chúng hội nghĩ rằng sự việc này từ trước đến nay chưa từng có. Chu vi ngôi tịnh thất hữu hạn chừng ấy, lại dung chứa ngàn muôn tòa sư tử đồ sộ thế kia mà không chướng ngại gì nhau. Thành Tỳ Da Ly cũng có chừng mực phạm vi của nó, thế mà mọi hiện trạng đều y nguyên như cũ, không chật chội hơn chút nào!

Thầy Xá Lợi Phất nói:

Thưa cư sĩ! Diện tích của ngôi tịnh thất hữu hạn này mà có thể dung chứa hàng mấy muôn cái tòa cao rộng. Đây là việc hy hữu vô tiền khoáng hậu!

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Trưởng giả Duy Ma Cật nói: Chư Phật, Bồ tát có pháp môn giải thoát gọi là

BẤT KHẢ TƯ NGHÌ. Nếu Bồ tát trụ trong pháp môn giải thoát đó, có thể lấy núi cao, sông rộng, đất liền, biển cả để vào trong một hạt cải, mà những thứ đó vẫn y nguyên trạng, hạt cải cũng không thêm bớt chút nào. Chỉ có trí tuệ của bậc thượng căn, thượng trí mới thấy biết được những điều thậm thâm vi diệu này.

Bồ tát trụ bất tư nghì giải thoát, có thể lấy nước biển cả để vào lỗ chân lông, mà nước biển cả vẫn y nhiên. Các loài thủy tộc cá, tôm, rùa, trạnh... không bị khuấy động, chẳng bị nhiễu hại chút nào.

3. Còn nữa thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh thích sống lâu ở đời, vì hóa độ họ trong khoảng bảy ngày, Bồ tát nói với họ là một đời, khiến chúng sanh kia tin nhận là một đời.

Hoặc có chúng sanh không thích sống lâu ở đời, vì hóa độ họ Bồ tát rút ngắn một đời nói là bảy ngày, khiến chúng sanh kia tin nhận là bảy ngày.

Còn nữa thưa Ngài Xá Lợi Phất! Trụ bất tư nghì giải thoát, Bồ tát lấy những sự trang trí đẹp đẽ của tất cả cõi Phật nhóm lại ở một chỗ, chỉ bày cho chúng sanh xem thấy rõ ràng. Bồ tát lại vận dụng sức thần phương tiện như huyễn của lòng từ bi, đem tất cả chúng sanh và cõi Phật để trên bàn tay bay đến khắp mười phương, mà bổn xứ không hề động chuyển.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát vận dụng nhiều phương tiện như mộng như huyễn của lòng từ mà gom nhật nguyệt tinh tú mười phương rộng lớn về để trong

một lỗ chân lông, hớp gió hút lửa trong hư không cho vào miệng mà thân không bị tổn hại.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Trụ bất tư nghì giải thoát, Bồ tát có thể dùng nhiều phương tiện huyễn mà hóa hiện ra Bồ tát, Bích Chi Phật, Thanh văn… Và trong mười phương cõi nước có bao nhiêu thứ âm thanh thượng, trung, hạ đều có thể là âm thanh Phật, diễn nói pháp của chư Phật.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tôi lược nói về thần lực bất khả tư nghì giải thoát của Bồ tát là thế. Nếu nói rộng ra thì cũng không sao nói hết được.

4. Ngài Đại Ca Diếp sau khi nghe pháp môn Bất khả tư nghì giải thoát rất hoan hỉ tán thán và nói với thầy Xá Lợi Phất rằng: Ví như sắc tượng hiện hữu ngay trước mắt người mù, nhưng người mù không sao thấy được. Cũng vậy! Với pháp môn Bất khả tư nghì giải thoát, hàng trung căn dù có nghe nhưng cũng không thể hiểu rõ tận cùng giáo nghĩa thậm thâm bất tư nghì giải thoát được.

Còn tất cả những người đại thiện căn chủng tánh nên hoan hỉ tiếp thụ, kê đầu đội lấy pháp môn này.

Bồ tát tin và hiểu pháp môn Bất khả tư nghì giải thoát, tất cả các ma dù có thế lực bao nhiêu đi nữa cũng không làm gì động chuyển.

Ngài Đại Ca Diếp nói xong, khi bấy giờ có ba muôn hai ngàn thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ đề.

5. Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật nói với Ngài Đại Ca Diếp:

Thưa nhân giả! Trong cõi đời này những người làm ma vương phần nhiều là Bồ tát trụ bất tư nghì giải thoát. Bằng sức thần phương tiện như huyễn như hóa của lòng từ bi, muốn giáo hóa chúng sanh mà hiện làm ma vương như vậy.

Lại nữa, thưa Ngài Ca Diếp! Bồ tát trong mười phương nhiều vô số, có khi là những người theo các Ngài để xin mắt, mũi, tay, chân, máu thịt, xương tủy, đầu óc... xin quốc thành thê tử, tượng mã, kim ngân... xin cả y phục và thức ăn. Người xin như vậy phần nhiều là Bồ tát trụ bất khả tư nghì giải thoát, dùng sức thần phương tiện như mộng ảo bào ảnh để thử thách hạnh sở hành của các Ngài, giúp cho sức kiên cố càng thêm kiên cố.

Thử thách như vậy để làm gì?

Bởi vì Bồ tát trụ bất tư nghì giải thoát có nghị lực và uy đức lớn lao. Cho nên các Ngài dùng những hành động bức bách dồn ép những việc khó làm để biểu thị sức tinh tấn, chỉ bày đức nhẫn nhục... vì sự nghiệp giáo hóa chúng sanh.

Hạng phàm phu hạ liệt không có uy lực, không thể kham chịu những sự bức bách nghiệt ngã như Bồ tát được. Ví như sức lừa không thể chịu nổi sự dẫm đạp của long tượng.

Đó là phương tiện và trí tuệ của Bồ tát trụ BẤT KHẢ TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT pháp môn.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bất khả tư nghì có nghĩa là vượt ngoài khái niệm suy tư phân biệt của sự hiểu biết thường tình.

Sự kiện bất tư nghì đồng nghĩa với những gì xưa nay chưa từng có mà nay có.

Duy Ma Cật là người bất tư nghì. Ông thuyết bất tư nghì pháp, tập hợp bất tư nghì chúng, để khởi động bất tư nghì tâm, khiến cho những ai còn mơ hồ về khả năng trí tuệ của kinh điển Đệ nhất nghĩa thậm thâm bất tư nghì, nhân cơ hội này đều được nghe qua sự trình diễn bất tư nghì cảnh của vị Bồ tát tại gia là trưởng giả Duy Ma Cật.

1. Tịnh thất trống không tiêu biểu chân lý: Pháp giới nhất chân. Vạn pháp giai không.

Một thân nằm trên một giường, tiêu biểu pháp giới thân và pháp giới độ viên dung, bất ly bất tức.

Phật có Pháp thân, Báo thân và Ứng thân. Con người ai ai cũng có ba thân như vậy.

Pháp thân thì Phật và chúng sanh cùng có y nhau. Chỉ có hai thân Báo và Ứng, thì sự thọ dụng tùy phước đức và trí tuệ riêng khác của mỗi con người.

Vì vậy, một thân nằm choán trên một giường và chỉ có một giường bệnh đơn độc ở trong một tịnh thất trống, đó là một báo hiệu "mở màn" cho những thời pháp BẤT TƯ NGHÌ ở các chương sắp tới.

Đi nghe pháp cốt để học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp. Sống đúng chánh pháp, tức là sống trong Bồ đề Niết bàn rồi. Cho nên nghe pháp, học pháp không nên dụng ý khởi tâm mong cầu. Cầu chứng đắc Bồ đề Niết bàn đã là sai, huống chi cầu chỗ ngồi, nghĩ đến chỗ ngồi và khởi tâm mong cầu những điều gì khác.

Sống đúng theo chánh pháp đồng nghĩa với sống đúng Pháp tánh. Sống đúng Pháp tánh tức là mình sống với Phật tánh của mình rồi. Vì Phật tánh và Pháp tánh không hai.

Tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh vô tình trong vũ trụ vạn hữu, gọi là Pháp tánh.

Tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh hữu tình, của con người, gọi là Phật tánh.

2. Bồ tát trụ trong pháp môn BẤT TƯ NGHÌ có thể làm tất cả việc BẤT TƯ NGHÌ, do Bồ tát sử dụng "Quán trí BẤT TƯ NGHÌ".

Sử dụng quán trí BẤT TƯ NGHÌ, Bồ tát thấy và hiểu biết rõ tánh Duyên khởi huyền diệu của vạn pháp như sau:

1. ĐỒNG THỜI CỤ TÚC TƯƠNG ỨNG: Tất cả các pháp đồng thời tương ứng nhau mà thành lập, không có trước sau sai khác. Một pháp có đủ chủng tử, chất liệu của vạn pháp.

2. CHƯ TÀNG THUẦN TẠP CỤ ĐỨC: Pháp do hỗn hợp nhiều chất liệu, nhiều yếu tố mà thành gọi là tạp. Có pháp không do nhiều chất, tương đối có tính đơn thuần hỗn hợp mà vẫn được thành gọi đó là thuần. Dù thuần dù tạp pháp nào cũng có vị trí của nó và tương quan tác dụng với nhau để hình thành vạn pháp trong thế giới hiện tượng.

3. NHẤT ĐA TƯƠNG DUNG BẤT ĐỒNG: Một là một của cái nhiều. Nhiều là nhiều của cái một. Một và nhiều dung nạp quyện chặt với nhau. Trong cái nhiều có nhiều cái một. Cái một là yếu tố cấu tạo nên cái nhiều. Dù vậy tướng một và tướng nhiều không hai mà cũng không phải một.

4. CHƯ PHÁP TƯƠNG TỨC TỰ TẠI: Pháp này tức là pháp kia. Pháp kia tức là pháp này. Trong pháp này hàm chứa chủng tử của pháp kia. Trong tất cả pháp kia có chứa chất liệu chủng tử của pháp này. Chủng tử của vạn pháp trùng trùng duyên khởi cho nhau, tương tức tương nhập một cách tự tại.

5. BÍ MẬT ẨN HIỂN CÂU THÀNH: Một pháp tức là tất cả các pháp. Khi thấy biết một pháp thì một pháp

hiển, tất cả pháp ẩn. Bấy giờ, tất cả pháp tức là một pháp. Khi thấy biết tất cả pháp thì tất cả pháp hiển, một pháp ẩn. Bấy giờ, một pháp là tất cả pháp.

6. VI TẾ TƯƠNG DUNG AN LẬP: Dù vật nhỏ như một mảy may hay ở một điểm vi tế nào cũng hàm dung chất liệu của tất cả hiện tượng vạn pháp. Ví như đầu mảy lông của con sư tử vàng cùng với chất vàng của toàn thân con sư tử tương dung tương tức mà an lập hình thành ra sư tử vàng.

7. NHÂN ĐÀ LA VÕNG CẢNH GIỚI: Hiện tượng vạn pháp tương ưng, tương dung, tương tức, tương nhập tác dụng lẫn nhau mà hình thành, sự tương quan tác dụng đó trùng trùng vô tận, lớp này lớp kia, lớp lớp lặp lại cho nhau vô tận.

8. THẬP THẾ CÁCH PHÁP DỊ THÀNH: Dựa trên bảy môn trên, thiền giả quán chiếu nhận thức vạn pháp bên mặt không gian, không có pháp nào đơn độc tự nó hình thành ra nó.

Về mặt thời gian cũng thế. Khái niệm thời gian là dựa trên quá trình vận động biến chuyển vô thường của sự vật hiện tượng. Đã là biến chuyển vận động vô thường thì không thể có một phút giây dừng đứng. Cho nên, thời gian do không gian mà có, không gian do thời gian mà thành. Nói cách khác không gian làm ra thời gian, thời gian làm ra không gian. Đó là nghĩa DỊ THÀNH của vạn pháp.

Cho nên, đời chỉ là một khái niệm ước định nhận thức của con người. Chân thật mà nói, đời không có gì làm điểm tựa. Quá, hiện, vị lai gọi là ba đời. Kỳ thật

trong quá khứ đã có đủ quá, hiện, vị lai. Trong hiện tại đã có quá, hiện, vị lai; và vị lai vẫn đã có quá, hiện, vị lai. Chín đời tổng hợp thành một đời. Một đời do chín đời hợp lại. Cho nên gọi là thập thế cách pháp dị thành nghĩa là chín đời dị biệt lại có thể thành tựu một đời.

9. DUY TÂM HỒI CHUYỂN THIỆN THÀNH: Duy tâm tức là duy Như Lai tàng tâm. Tất cả vạn pháp từ Như Lai tàng tâm mà chuyển biến xoay vần, duyên khởi tác dụng vào nhau hình thành một cách mầu nhiệm. Cho nên gọi là duy tâm hồi chuyển thiện thành.

10.THÁC SỰ HIỂN PHÁP SANH GIẢI: Dựa trên sự vật cụ thể phô diễn trước mắt, người ta có thể suy luận, tư duy và nhận thức vạn pháp một cách không khó khăn về cả hai mặt: Không gian và thời gian. Người thiền giả nhận thức rõ sự tổ hợp hình thành của vạn pháp với chân lý trùng trùng duyên khởi qua THẬP HUYỀN MÔN cũng là một chân lý hiển nhiên không khó khăn gì.

Thể nhập sâu sắc chân lý của vạn pháp qua THẬP HUYỀN DUYÊN KHỞI, người học Phật mới cắt nghĩa được những BẤT TƯ NGHÌ SỰ của Bồ tát thi thố, mới hiểu đúng những BẤT TƯ NGHÌ PHÁP của Bồ tát nói, mới thật thấy mà không phải thấy thật những bất tư nghì cảnh giới mà Bồ tát trình diễn ở kinh DUY MA CẬT SỞ THUYẾT này.

Sự kiện trưởng giả Duy Ma Cật mượn tòa sư tử cao rộng ở thế giới Tu Di Tướng đem vào tịnh thất của mình. Thế mà tịnh thất vẫn dung chứa hết, thành Tỳ Da

Ly xóm làng cũng không chật chội hơn chút nào. Mở gút nghi ngờ đó, thiền giả phải sử dụng NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ nhìn vạn pháp qua tri kiến: CHƯ TÀNG THUẦN TẠP CỤ ĐỨC hay còn gọi là QUẢNG HIỆP TỰ TẠI VÔ NGẠI. Thiền giả thấy rằng: Sự rộng, hẹp, lớn, nhỏ của vạn pháp trên hiện tượng chỉ là hiện tượng. Còn bản thể của vạn pháp thì TƯƠNG ỨNG, TƯƠNG DUNG, TƯƠNG TỨC, TƯƠNG NHẬP, TƯƠNG THÀNH.

Giải đáp những sự kiện có tính hoang đường lạ lùng trong kinh Duy Ma Cật, người học Phật chỉ có một con đường duy nhất phải hành thiền, phải tư duy và quán chiếu THẬP HUYỀN DUYÊN KHỞI cho thấu triệt, thể nhập tận tường. Bấy giờ trí tuệ của thiền giả phát triển thì sự thấy nghe và nhận thức vạn pháp xuyên qua kinh điển không lầm.

Bồ tát trụ BẤT TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT, làm những việc BẤT TƯ NGHÌ... là cách vận dụng ngôn ngữ để chuyên chở "trí tuệ BẤT TƯ NGHÌ" của con người thành tựu "NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ"...

Sử dụng NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ, nhìn bất cứ một pháp nào đều thấy: ĐỒNG THỜI CỤ TÚC, CHƯ PHÁP TƯƠNG TỨC, NHẤT ĐA TƯƠNG DUNG. QUẢNG HIỆP TỰ TẠI, NHÂN ĐÀ LA VÕNG...

3. Nói về việc kéo dài thời gian ngắn ra dài, dài rút ngắn để đáp ứng nguyện vọng của chúng sanh cốt là khiến cho họ quay về với Phật pháp.

Làm được điều đó, thiền giả chỉ cần sử dụng quán trí: THẬP THẾ CÁCH PHÁP DỊ THÀNH. Thành tựu phép quán đó, thiền giả chợt thấy "thời gian" chẳng có giá trị chân thật. Khái niệm thời gian chỉ là dựa trên sự vô thường vận động chuyển biến của các pháp hữu vi vẫn luôn luôn chuyển biến vận động vô thường.

Người học Phật không tư duy sâu sắc, không thể nhập ý nghĩa THẬP HUYỀN DUYÊN KHỞI, mà đem kinh DUY MA CẬT ra giảng nói lếu láo, qua loa càng khiến cho những người Phật tử chưa có điều kiện học Phật vốn đã mê tín, sau thời gian đi nghe giảng kinh Duy Ma Cật, óc mê tín càng tăng thêm vạn bội.

Bởi vì trưởng giả Duy Ma Cật là người BẤT TƯ NGHÌ, tập hợp BẤT TƯ NGHÌ CHÚNG, thuyết BẤT TƯ NGHÌ PHÁP, làm BẤT TƯ NGHÌ SỰ, trình diễn BẤT TƯ NGHÌ CẢNH GIỚI, trụ BẤT TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT, nhưng BẤT TƯ NGHÌ không được hiểu như người có tài phép biến hóa; càng không được hiểu bất tư nghì đồng nghĩa với sự khéo tay trình diễn trước công chúng của các nhà ảo thuật thiên tài.

4. Hàng trung căn sau khi nghe BẤT TƯ NGHÌ SỰ rồi tự trách về tri kiến mình và sau đó phát tâm Vô thượng Bồ đề, đó là chân lý đương nhiên vậy.

5. Có lửa cao mới biết tuổi vàng. Có chiến đấu mới thể hiện khả năng của dũng sĩ. Bồ tát thì phải làm cho được những việc khó làm. Để trắc nghiệm mức độ thành công của Bồ tát là những sự bức bách, những

bất như ý khó khăn, Bồ tát phải vận dụng sức trí tuệ đáp ứng mọi tình huống, mọi yêu cầu để hoàn thành hạnh nguyện. Vì tất cả chủng loại chúng sanh là TỊNH ĐỘ của Bồ tát.

*

* *

CHƯƠNG THỨ BẢY
QUÁN CHÚNG SANH

1. Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi Bồ tát Duy Ma Cật rằng: Đối với chúng sanh, Bồ tát quán sát và thấy như thế nào?

Ông Duy Ma Cật nói: Bồ tát quán thấy chúng sanh như nhà huyễn thuật thấy người huyễn do ảo thuật hóa ra.

Lại ví như người trí thấy trăng trong nước, như bóng trong gương, như sóng nắng lúc trời nắng gắt của ngày hè, như vang của tiếng, như mây trong không, như bọt trên mặt nước, như bong bóng dưới cơn mưa, như sự bền chắc của cây chuối, như sự dừng lâu của tia chớp lưng trời, như đại thứ tám, như ấm thứ sáu, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín.

Bồ tát quán chúng sanh như thế đấy!

Lại nữa, Bồ tát quán thấy chúng sanh: Như sắc chất trong cõi Vô sắc, như mầm của thóc rang, như thân kiến của người được quả Tu đà hoàn, như sự nhập thai của người được quả A la hán, như tham sân si của Bồ tát chứng pháp Vô sanh nhẫn, như phiền não tập

khí của Phật, như sự thấy màu sắc của người mù, như dấu chim trong hư không, như con của thạch nữ, như phiền não của huyễn nhân, như chiêm bao lúc thức.

Bồ tát quán thấy chúng sanh như thế đấy! Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi!

2. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

Bồ tát đã khởi quán chúng sanh như vậy, thế còn hạnh từ bi Bồ tát phải thực hiện đối với chúng sanh bằng cách nào?

Ông Duy Ma Cật nói: Bồ tát khởi quán như thế rồi tự nghĩ rằng ta sẽ vì chúng sanh mà nói những pháp như thế, đó là hành chân thật từ.

Tiếp đến, Bồ tát vận dụng: Hành tịch diệt từ, biết rõ các pháp vốn không sanh. Hành bất nhiệt từ, không để cho phiền não sanh khởi trong lòng. Hành bình đẳng từ với quá khứ, hiện tại, vị lai, thời nào tâm cũng bình đẳng. Hành vô tránh từ, không khởi ý tranh cãi thị phi. Hành bất nhị từ, cắt đứt ý phân biệt ngoại cảnh nội tâm. Hành bất hoại từ, biết rõ tánh rốt ráo KHÔNG của các pháp. Hành kiên cố từ, tâm thâm tín chánh pháp không gì lay động nổi. Hành thanh tịnh từ, biết rõ tánh của vạn pháp vốn thanh tịnh. Hành vô biên từ, tâm rỗng lặng cởi mở như hư không. Hành La hán từ, đề cao cảnh giác hóa giải hết những phiền não kiết sử. Hành Bồ tát từ, sẵn sàng đem lại mọi an ổn hạnh phúc cho chúng sanh. Hành Như Lai từ, thể nhập cái tướng NHƯ của vạn pháp. Hành Phật đà từ, đem hết cuộc đời

mình truyền bá tư tưởng tỉnh thức giác ngộ cho chúng sanh. Hành tự nhiên từ, biết rõ quả sở chứng không hề có đắc. Hành Bồ đề từ, biết rõ tất cả giáo pháp Phật chỉ có một vị, đó là vị giải thoát. Hành vô đẳng từ, cắt đứt trọn vẹn các ái tưởng nhiễm tâm. Hành đại bi từ, dắt dẫn mọi người vào Bồ đề đạo. Hành vô yểm từ, tâm luôn luôn trụ trong quán trí VÔ NGÃ và KHÔNG. Hành pháp thí từ, không giấu giếm chúng sanh về sự hiểu biết chánh pháp của mình. Hành trì giới từ, sẵn sàng giúp đỡ, cảm hóa những ai phạm giới. Hành nhẫn nhục từ, giúp đỡ người khác như giúp đỡ cho chính ta. Hành tinh tấn từ, gánh vác trọng trách giáo hóa chúng sanh. Hành thiền định từ, không đam mê vị khinh an của thiền định. Hành trí tuệ từ, luôn luôn biết việc, biết thời, biết tà, biết chánh. Hành phương tiện từ, tất cả thi vi hành động đều là việc làm của "thị hiện". Hành vô ẩn từ, tâm lúc nào cũng trực và luôn luôn thanh tịnh. Hành thâm tâm từ, dù hành các hạnh mà không có tạp hạnh. Hành vô cuống từ, không làm những gì có tánh dối gạt phỉnh phờ. Hành an lạc từ, bằng mọi cách khiến cho mọi người thọ dụng được cái vui của Phật đạo.

Thưa Ngài Đại Trí Văn Thù! Thực hiện hạnh TỪ của Bồ tát là như thế đấy.

Bồ tát Văn Thù hỏi: Thưa cư sĩ! Thế nào là Bi tâm của Bồ tát?

Ông Duy Ma Cật đáp: Tất cả công đức của Bồ tát làm đều cho chúng sanh hết.

- Hỉ tâm của Bồ tát thế nào?

- Chúng sanh được những lợi lạc gì, Bồ tát đều tán thán vui mừng không có hối tiếc.

- Xả tâm của Bồ tát thế nào?

- Bồ tát làm bao nhiêu việc phước đức, cứu độ cho chúng sanh được những gì không có niệm ta là kẻ thi ân và đặt hy vọng chờ ngày đền trả.

3. Đường sanh tử rất đáng sợ, Bồ tát phải nương tựa nơi gì để được an ổn?

- Nương nơi nghị lực và công đức Như Lai.

- Bồ tát muốn nương tựa nghị lực và công đức Như Lai cần phải trụ tâm ở nơi nào?

- Trụ ở tâm độ thoát tất cả chúng sanh.

- Muốn độ thoát tất cả chúng sanh, Bồ tát phải trừ bỏ những gì?

- Phải trừ bỏ tất cả những phiền não.

- Muốn trừ bỏ phiền não, Bồ tát phải thực hành những gì?

- Phải thực hành chánh niệm.

- Thực hành chánh niệm phải làm sao?

- Muốn thực hành chánh niệm phải hành bất sanh, bất diệt.

- Pháp nào bất sanh, pháp nào bất diệt?

- Pháp bất thiện bất sanh. Pháp thiện bất diệt.

- Pháp thiện và bất thiện lấy gì làm gốc?

- Thân làm gốc.

- Thân lấy gì làm gốc?

- Dục và tham làm gốc.

- Dục và tham lấy gì làm gốc?

- Hư vọng phân biệt làm gốc.

- Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

- Tưởng điên đảo làm gốc.

- Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?

- Vô trụ làm gốc.

- Vô trụ lấy gì làm gốc?

- Vô trụ thì không có gốc.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Ông Duy Ma Cật nói: Từ chỗ vô trụ mà an lập tất cả pháp.

4. Bấy giờ trong tịnh thất của Ngài Duy Ma Cật có vị thiên nữ. Thấy hàng nhân thiên nghe pháp, thiên nữ bèn hiện thân và dùng hoa tung rải trên các hàng Bồ tát và đại đệ tử Thanh văn cúng dường. Hoa rơi đến các Bồ tát rớt xuống bình thường. Những hoa rơi nhằm các đại đệ tử thì dính trên người không rớt. Các đại đệ tử dùng hết sức phủi bỏ những hoa kia, nhưng phủi mãi mà hoa không rớt được.

Thiên nữ hỏi thầy Xá Lợi Phất: Vì sao Ngài Xá Lợi Phất lại phủi hoa như thế?

Thầy Xá Lợi Phất đáp: Vì hoa này không đúng pháp đối với một tu sĩ như chúng tôi.

Thiên nữ nói: Đừng cho rằng hoa này không đúng pháp. Vì sao? Vì hoa không có phân biệt. Tại vì Xá Lợi Phất Ngài có cái tướng phân biệt đấy thôi. Ở trong Phật pháp xuất gia mà còn có phân biệt đúng hay không đúng pháp, nếu không phân biệt mới là đúng pháp.

Xá Lợi Phất! Ngài hãy xem kia, các Bồ tát hoa không dính các Ngài, vì Bồ tát đã dứt hết tướng phân biệt. Ví như người hay sợ, thì "quỷ mị" mới có dịp khuấy phá khủng bố. Các hàng đệ tử Thanh văn sợ sanh tử cho nên sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trở thành đối tượng nhiễu loạn cõi lòng. Nếu đã LY sự sợ hãi thì ngũ dục không làm gì được. Chỉ vì tập khí kiết sử của Ngài chưa hết, cho nên hoa dính mắc vào thân. Khi nào tập khí hết hoa sẽ không còn dính nữa.

5. Thầy Xá Lợi Phất hỏi: Thiên nữ ở tại tịnh thất này đã lâu rồi chứ?

- Thiên nữ đáp: Tôi ở tại tịnh thất này như sự giải thoát của bậc kỳ cựu cao niên.

- Vậy có lâu chưa?

- Sự giải thoát của bậc kỳ cựu cao niên há cũng có lâu sao?

Thầy Xá Lợi Phất lặng thinh không biết phải nói gì.

Thiên nữ nói: Bậc kỳ cựu đại trí như Ngài Xá Lợi Phất sao lại lặng thinh?

- Sự giải thoát vượt ngoài ngôn thuyết văn tự cho nên tôi không biết phải nói gì!

- Văn tự ngôn thuyết là tướng giải thoát đấy chứ! Vì sao? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Văn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở trung gian.

Thế cho nên không rời văn tự mà nói giải thoát, thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bởi vì sao? Vì tất cả các pháp là tướng giải thoát.

- Không xa lìa dâm nộ si vẫn được giải thoát nữa sao?

- Đúng vậy! Phật vì hạng người tăng thượng mạn, nói phải xa lìa dâm nộ si để được giải thoát. Nếu không phải hạng tăng thượng mạn, Phật nói tánh của dâm nộ si là tánh giải thoát.

6. Thầy Xá Lợi Phất tán thán: Quí hóa thay! Quí hóa thay Thiên nữ! Cô đắc gì? Cô chứng được gì mà cô có được sức biện tài như thế?

- Tôi không đắc gì hết, cũng không chứng gì hết nên tôi mới có được biện tài như thế. Vì sao? Bởi vì có chứng có đắc ở trong Phật pháp là người tăng thượng mạn.

7. Thầy Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ: Ở trong ba thừa cô cầu thừa nào?

- Thiên nữ đáp: Khi cần pháp Thanh văn giáo hóa chúng sanh, tôi cầu Thanh văn thừa. Khi cần pháp Nhân duyên giáo hóa chúng sanh, tôi cầu Duyên giác thừa. Khi cần pháp Đệ nhất nghĩa giáo hóa chúng sanh, tôi cầu Phật thừa.

- Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ví như người vào rừng Chiêm Bặc chỉ ngửi hương Chiêm Bặc, không ngửi hương khác. Cũng vậy, nếu người vào tịnh thất này chỉ nghe hương công đức của chư Phật, không ưa nghe hương công đức của Bích Chi Phật, của Thanh văn.

8. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ở trong tịnh thất này thỉnh thoảng có các bậc thượng nhân thích nghe Bồ tát Duy Ma Cật thuyết chánh pháp. Tất cả đều vui ưa hương công đức Phật phát tâm rồi đi.

Ngài Xá Lợi Phất này! Tôi ở tịnh thất này đã lâu lắm rồi. Ngay từ ban đầu, tôi không bao giờ nghe thuyết pháp Thanh văn, Bích chi Phật, mà chỉ nghe pháp Đại từ, Đại bi của Bồ tát và pháp Bất tư nghì của Phật.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tịnh thất này thường hiện tám pháp chưa từng có và khó được.

Tịnh thất này thường dùng màu hoàng kim soi sáng ngày cũng như đêm, mà không cần đến ánh sáng

của nhật nguyệt. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ nhất.

Người vào tịnh thất này không bị các sự cấu uế làm não loạn thân tâm. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ hai.

Tịnh thất này thường có những bậc thượng trí, thượng căn thường đến nhóm họp. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ ba.

Ở tịnh thất này thường có thuyết giảng về lục Ba la mật và những pháp Bất thối chuyển. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ tư.

Ở tịnh thất này thường ngân vang những pháp âm vi diệu. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ năm.

Ở tịnh thất này có kho tàng ngũ uẩn, thất đại chứa đầy các báu vật, giúp cho những ai nghèo thiếu, cung cấp hoài không hết. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ sáu.

Ở tịnh thất này khi Duy Ma Cật thượng nhân khởi tưởng niệm thì Phật Thích Ca Mâu Ni đến nói pháp yếu bí tàng của chư Phật. Nói xong rồi, đức Phật trở về bản xứ. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ bảy.

Ở tịnh thất này tất cả những cõi trang nghiêm thanh tịnh đều có thể hiện hữu khi cần cho những ai tâm hồn trong sáng tịch tĩnh, bất thủ, bất động. Đó là pháp chưa từng có, khó được thứ tám.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tịnh thất này thường hiện tám pháp chưa từng có, khó được như vậy. Ai đã thấy biết những việc bất tư nghì như thế mà lại còn ưa thích những Pháp phương tiện!

9. Thầy Xá Lợi Phất hỏi: Tại sao thiên nữ không chuyển đổi nữ thân?

Thiên nữ nói: Từ lâu lắm rồi, tôi tìm cái tướng nữ thân không có. Tôi biết phải chuyển gì? Ví như huyễn sư hóa làm người nữ huyễn. Nếu có người hỏi: Vì sao không chuyển nữ thân, câu hỏi đó có đúng lý không?

Thầy Xá Lợi Phất đáp: Không đúng! Đã huyễn thì không có tướng cố định, biết chuyển cái gì.

Thiên nữ nói: Tất cả các pháp cũng như vậy, không có tướng cố định. Tất cả các pháp không ở đâu, không đâu chẳng ở, thì làm gì có tướng nam, tướng nữ mà Ngài bảo tôi phải chuyển đổi thân?

Thầy Xá Lợi Phất lại hỏi: Thiên nữ! Cô chết ở cõi này rồi sẽ sanh ở đâu?

- Đức hóa Phật sanh ở đâu, tôi sanh ở đó.

- Sự sanh của đức hóa Phật không có chết và cũng không có sanh.

- Chúng sanh cũng vậy, không có chết cũng không có sanh.

- Chừng nào cô được quả Vô thượng Bồ Đề, thưa Thiên nữ?

- Chừng nào Ngài Xá Lợi Phất trở lại làm phàm phu thì tôi mới thành Vô thượng Bồ đề.

- Tôi không bao giờ trở lại làm phàm phu.

- Thì tôi cũng không bao giờ được quả Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ đề vô sở trụ. Thế nên Bồ đề không có cái "được"!

- Chư Phật đã được, đang được và sẽ được Vô thượng Bồ đề nhiều như số cát sông Hằng. Điều đó gọi là gì?

- Đó là dựa trên văn tự và số mục của thế gian tục đế mà có ba đời, chứ không phải quả Vô thượng Bồ đề có quá khứ, hiện tại, vị lai.

- Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ngài được quả A la hán chứ?

- Không có được, mà được.

- Chư Phật và Bồ tát cũng vậy, không có được cho nên được!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Quán tức là chữ quan. Nếu đọc là quan thì có nghĩa là quan sát. Quan sát là nhìn sự vật bằng cách đưa mắt mà trông mà nhìn, nhìn đến đâu thấy đến đấy,

lệch khỏi tầm nhìn thì không thấy được. Khi đọc là QUÁN, có nghĩa là quán chiếu. Quán chiếu là soi rọi bằng trí tuệ, thấy bằng trí tuệ mà không cần phải trông, nhìn bằng mắt.

Chúng sanh, không riêng gì loài hữu tình mới gọi là chúng sanh. Với Phật pháp, tất cả vạn loại vô tình cũng là chúng sanh. Các loài hữu tình gọi là HỮU TÌNH CHÚNG SANH. Vạn loại vô tình thì gọi là VÔ TÌNH CHÚNG SANH.

QUÁN CHÚNG SANH ở chương này là quán cả hai loại chúng sanh.

Dưới Tuệ nhãn của một Đại sĩ qua sự quán chiếu của mình, Bồ tát thấy chúng sanh: Như người huyễn. Như trăng trong nước. Như sóng nắng trưa ngày hè. Như vang của tiếng. Như mây trên không trung. Như bọt trên mặt nước… Tất cả những thứ đó, ý muốn nói: Đó là những thứ không có, không hề có từ trước tới nay và từ nay về sau cũng vĩnh viễn không có.

Sắc trong cõi Vô sắc. Mầm của hạt thóc rang. Thân kiến của Tu đà hoàn. Dấu chim trong hư không. Con của người thạch nữ. Chiêm bao lúc thức… Tất cả những thứ đó là những thứ chỉ có danh, mà không hề có thật. Bồ tát quán chúng sanh như tất cả những thứ đó.

Thế thì qua Tuệ nhãn của Bồ tát, tất cả chúng sanh có, nhưng không thật có, vì nó không trường cữu,

không bền chắc. Nó là hiện tượng trong vô vàn hiện tượng vạn pháp duyên sanh như huyễn mà thôi!

Do vậy, trước nhãn quang của Đại sĩ: Vạn pháp giai không. Cho nên chúng sanh cũng không có thật.

2. Đáp câu hỏi của Đại Trí Văn Thù, Trưởng giả Duy Ma Cật nói:

Thực hiện hạnh từ có thể biểu thị nhiều cách, từ ý nghĩ đến hành động cụ thể, giúp cho chúng sanh có an vui hạnh phúc trong đời sống của họ. Tuy nhiên sự hạnh phúc an vui trong cuộc sống vật chất chưa có giá trị chân thật, nếu nguồn sáng trí tuệ của họ chưa được phát huy.

Bồ tát thực hiện hạnh từ, phải quán triệt những chân lý VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, VÔ NGÃ như thế mà khai thị, khiến cho chúng sanh tỏ ngộ thâm sâu. Chừng đó chúng sanh có được sự an vui hạnh phúc thật sự, lâu dài và nếu tinh tấn kiên trì thì vĩnh viễn sẽ có Niết bàn Vô thượng.

Đó là cách Bồ tát thực hành hạnh từ CHÂN THẬT. Và chỉ có cách đó mới được xem là CHÂN THẬT TỪ.

Triển khai rộng về lòng từ, Bồ tát vận dụng: Tịch diệt từ. Bất nhiệt từ. Bình đẳng từ. Vô tránh từ. Bất hoại từ. Kiên cố từ. Thanh tịnh từ. Vô biên từ. La hán từ. Bồ tát từ. Vô đẳng từ. Đại bi từ…

Qua bao nhiêu danh tự ấy, người đệ tử Phật thấy rằng, lòng từ trong đạo Phật có thể vận dụng trong cuộc sống ở khắp mọi nơi chốn, mọi thời gian. Lòng từ của đạo Phật không gói gọn trong ý niệm của một tiếng "làm lành" trừu tượng ấy.

Lòng bi của một Bồ tát là khi Bồ tát làm được bao nhiêu công đức lành đều cho hết chúng sanh.

Thấy chúng sanh được lợi lạc, Bồ tát vui mừng khen ngợi không hề có ý tị hiềm. Đó là hỷ tâm của Bồ tát.

Bồ tát làm tất cả việc lợi ích chúng sanh mà không thấy mình là kẻ thi ân và không có ý mong chờ hy vọng ở sự đền ơn. Xả tâm của Bồ tát là như thế.

3. Sanh tử, ưu bi, khổ não là việc đáng sợ, người trí phải tìm cho mình một con đường an ổn. Muốn được an ổn phải nương nơi nghị lực và công đức Như Lai. Phải trụ tâm ở chỗ cứu độ chúng sanh thoát khổ.

Muốn độ thoát chúng sanh phải từ bỏ phiền não.

Muốn trừ bỏ phiền não phải thực hành chánh niệm.

Muốn thực hành chánh niệm phải thực hành bất sanh bất diệt.

Muốn thực hành bất sanh bất diệt phải biết pháp bất thiện bất sanh, pháp thiện bất diệt.

Pháp thiện và bất thiện thân là gốc.

Thân thì do dục và tham lam làm gốc.

Dục và tham lam do hư vọng phân biệt làm gốc.

Hư vọng phân biệt do mộng tưởng điên đảo làm gốc.

Mộng tưởng điên đảo do vô trụ làm gốc.

Truy cứu đến cùng: Vô trụ thì không có gốc.

Không có gốc tức là đồng nghĩa với chẳng có gì mà an bài tất cả pháp.

Do vậy: Vạn pháp gốc của nó là chẳng có gì. Bản chất của vạn pháp là giai không.

4. Việc thiên nữ rải hoa cúng dường, hoa rơi đến các Bồ tát, rồi hoa rớt xuống một cách bình thường. Hoa rơi trúng các đệ tử Thanh văn, hoa dính lại trên người đến nổi phủi cũng không rớt.

Hàng Thanh văn thấy hoa vừa đẹp vừa thơm. Thưởng thức cái đẹp, cái thơm e rằng mình bị phạm giới.

Bồ tát, đối sắc đẹp, hương thơm thọ dụng xuyên qua NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ. Cho nên với Bồ tát: "Kiến sắc phi can sắc, văn hương bất nhiễm hương". Có hoa xem như không, thì cần gì phải phủi.

Sự kiện này do người bất tư nghì, dàn dựng cảnh bất tư nghì, nhằm nói PHÁP BẤT TƯ NGHÌ để dạy cho chúng sanh về TRÍ TUỆ và NGHỊ LỰC của con người, nó hoàn toàn tùy thuộc ở con người.

Ý chí bất khuất không sợ ma, không bao giờ có ma đối với "chàng dũng sĩ" kiên cường ấy.

5. Thầy Xá Lợi Phất hỏi thiên nữ ở tại tịnh thất của Ngài Duy Ma Cật lâu mau rồi? Qua Tuệ nhĩ, nghe câu hỏi đó liền sanh tâm thương hại cho thầy Xá Lợi Phất!

Lấy cái gì làm tiêu chuẩn đo đạt thời gian. Lấy sự cũ mới của ngôi nhà, hay sự cao thấp của vườn cây? Nhà cũ là cũ của nhà, cao thấp là cao thấp của vườn cây.

Thời gian không vì cũ của nhà, không vì cao thấp của vườn cây, mà cho rằng: THỜI GIAN có LÂU, có MAU!

Phải học "Thiền" và "Quán" đề tài: THẬP THẾ CÁCH PHÁP DỊ THÀNH môn, mới hiểu biết vấn đề thời gian không sai chân lý.

6. Thông thường, người ta cho rằng người có chứng đắc, mới có được biện tài. Sự hiểu biết của thầy Xá Lợi Phất cũng chưa vượt qua cái lẽ thông thường đó.

Với tri kiến của người đại căn cơ có tuệ giác lớn, dù được Bồ đề Niết bàn chỉ là sự trở về đến chỗ cũ của tự tánh mình mà thôi!

7. Người đạt đến trình độ trí tuệ của bậc thượng căn thượng trí thì lại xóa bỏ hết mọi ý tưởng câu nệ về THỪA. Có vậy mới có thể làm lợi ích cho mọi tầng lớp chúng sanh.

8. Tịnh thất của Ngài Duy Ma Cật, thỉnh thoảng có các bậc thượng nhân đến nghe Ngài Duy Ma Cật thuyết chánh pháp. Bởi vì Ngài Duy Ma Cật lúc nào cũng nhớ chánh pháp, nói chánh pháp và sống trong chánh pháp. Cũng như nhà của chúng sanh bạc địa phàm phu, ngày ngày sống trong vô minh, tam độc, trong lục dục, thất tình thì nhà này thường có súc sanh, ngạ quỷ và người địa ngục... vào ra rộn rịp, không có lúc nào tạm vắng.

9. Sử dụng NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ, qua tánh tướng thập như thị : Như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bổn mạt cứu cánh. Vạn pháp đều NHƯ. Mỗi pháp có tánh NHƯ của nó, nghĩa là tánh của nó NHƯ VẬY và NHƯ VẬY... Và chung qui NHƯ VẬY mà thành ra nó và nó là nó NHƯ VẬY.

Nhìn vạn pháp qua trí tuệ đó thì tướng nữ, tướng nam không còn là vấn đề để bình luận. Nam hay nữ chỉ là nhân duyên biến hiện NHƯ THỊ. Bản thể của cái tướng nữ, nam chung cùng không nam không nữ.

Cũng không có vấn đề chết đâu, sanh đâu. Sống chết ví như sự nổi chìm của sóng bọt trên mặt đại dương. Sự nổi chìm đó không làm cho nước biển có tăng giảm chút nào. Còn quan tâm đến vấn đề "chết từ cõi này, sanh đến cõi nào", điều đó đủ nói rõ tầm hiểu biết của người thiển trí phàm phu cạn cợt, chỉ biết nước qua sóng bọt mà chưa biết được sóng bọt còn có

nước biển tồn tại vĩnh cữu với thời gian. Dù vậy, sóng và nước đời đời vẫn bất ly mà bất tức.

Dưới nhãn quan của người sử dụng NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ không có vấn đề thành Phật hay chừng nào thành Phật, vì tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật lâu rồi. Dù hiện tại là chúng sanh, nhưng Phật tánh ở trong chúng sanh đó không hề thêm bớt. Ví như keo sơn bao bọc thỏi vàng, nhưng không vì vậy mà thỏi vàng 24k giảm đi chất lượng.

Chư Phật đã được, đang được và sẽ được Vô thượng Bồ đề nhiều như số cát sông Hằng. Đó là dựa trên ngôn ngữ văn tự, dựa theo số mục của thời gian và tùy thuận thế gian mà nói, chứ Vô thượng Bồ đề không có quá khứ, hiện tại và vị lai.

"Như Lai giả vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ", Vô thượng Bồ đề là "quả vị" vô thỉ vô chung! Vô thượng Bồ đề tức là bản thể CHÂN NHƯ của vạn pháp. Sống đúng hợp với chân lý của vạn pháp, tức là người trở về nguyên quán, về đến Bảo sở CHÂN NHƯ mà mình lưu lạc tự bấy lâu nay!

*

* *

CHƯƠNG THỨ TÁM
CON ĐƯỜNG PHẬT

1. Bấy giờ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi hỏi:

Thưa Ngài Duy Ma Cật! Bồ tát phải làm gì để con đường Phật được thông suốt?

Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát muốn con đường Phật được thông suốt, phải dựa trên con đường phản diện với phàm phu mà đi. Đi con đường phản diện với phàm phu thì con đường Phật sẽ thông suốt.

Bồ tát Văn Thù hỏi: Đi con đường phản diện với phàm phu, Bồ tát phải đi như thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp: Bồ tát đi vào ngũ vô gián mà không buồn rầu giận dữ. Vào địa ngục mà tự tâm không có tội lỗi cấu uế. Đến với súc sanh mà không có vô minh, kiêu mạn. Đến với ngạ quỷ mà đầy đủ công đức lành. Đi vào con đường tham dục mà xa lìa các sự đắm nhiễm dính mắc. Đi vào con đường sân nhuế mà đối với chúng sanh không giận dữ thù hằn. Đi vào ngu si mà thường dùng trí tuệ điều phục tâm mình. Đi vào con đường xan tham mà xả bỏ thân tâm, của cải, cho

đến thân mạng cũng không lẫn tiếc. Có lúc vào đường phạm giới mà tâm an trụ tịnh hạnh, dù tội lỗi nhỏ cũng răn sợ không cho sai phạm. Đi vào đường giải đãi mà hằng siêng tu công đức thiện. Đi vào đường loạn ý mà thường nhiếp niệm định tâm. Hiện thân ngu si mà thông hiểu hết việc thế gian và xuất thế gian, hữu vi và vô vi một cách đúng đắn. Có lúc siểm trá mà kết quả thì đúng với ý nghĩa kinh, hợp lời Phật. Đi vào con đường kiêu mạn mà thực chất là làm cầu đường chuyên chở chúng sanh. Đi vào con đường phiền não mà tâm thường thanh tịnh trong sáng. Đi vào con đường ma mà thuận theo trí tuệ Phật. Đi vào đường Thanh văn mà giáo hóa chúng sanh bằng pháp đệ nhất nghĩa. Đi vào đường Bích chi Phật mà đi truyền đạt cho chúng sanh tư tưởng Đại bi của Phật. Hòa mình vào hàng nghèo khó mà của báu công đức trong tay vô tận. Đi vào đường trau dồi trang điểm sắc diện như người thường mà đầy đủ các tướng hảo tự trang nghiêm thân. Đi vào đường hạ tiện mà thực chất sanh trong dòng Phật, bên trong có đầy đủ công đức. Đi vào con đường của hạng người quê mùa, yếu đuối mà thực chất được thân tráng kiện anh dũng, chúng sanh rất ưa nhìn. Đi vào đường lão bệnh mà dứt hẳn bệnh căn, vượt ra sự sợ sệt chết chóc. Đi vào đường kinh doanh sinh sống mà hằng quán vô thường, không để lòng tham luyến. Có thê thiếp mà thường viễn ly bùn lầy ngũ dục. Hiện như người đần độn mà biện tài vô ngại, nhớ ghi không sót. Ứng vào phe tà mà lấy chánh lý giúp hộ chúng sanh. Giả đi trong luân hồi mà đoạn hết nguyên nhân sanh tử,

ưu bi khổ não. Hiện ở Niết bàn mà không dứt hết hạt giống sanh tử.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Nếu Bồ tát đi vào con đường như thế, Bồ tát sẽ đi một cách thông suốt con đường Phật.

2. Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Xin Ngài cho biết những gì là hạt giống Như Lai?

- Văn Thù Sư Lợi đáp: Thân là hạt giống Như Lai. Vô minh, ái là hạt giống Như Lai. Tham, sân, si là hạt giống Như Lai. Tứ đảo, ngũ cái, lục nhập, thất tình, cửu não, thập bất thiện nghiệp là hạt giống Như Lai… Nói tóm lại sáu mươi hai thứ kiến chấp và tất cả các phiền não đều là hạt giống Như Lai.

- Nói thế nghĩa là gì?

- Nghĩa là những tâm và tâm sở hữu pháp có tánh chất phiền não vô minh, đó là hạt giống Như Lai Phật. Ngược lại, nếu người tỏ ngộ vô vi, chứng nhập Chánh vị thì không thể phát tâm hướng đến Vô thượng Bồ đề.

Ví như cao nguyên và đất gò, sen không thể mọc được thì còn mong gì trổ được hoa. Chỉ có đất thấp, bùn lầy, hoa sen mới sanh trưởng. Cũng như vậy, người ngộ vô vi pháp, chứng nhập Chánh vị không cần sinh hoạt ở trong Phật pháp nữa. Chỉ có chúng sanh ở trong bùn lầy phiền não, mới phát khởi lòng mong cầu

Phật pháp mà thôi. Cũng như trồng cây trong hư không, cây không thể sanh trưởng. Phải trồng ở chỗ có đất phân, cây mới tươi tốt sum suê. Cũng vậy người chứng nhập Vô vi, Chánh vị không còn điều kiện để sanh trong Phật pháp. Chỉ có kiến chấp to nặng như núi, mới là dữ kiện để họ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề, sanh trong Phật pháp.

Thế cho nên phải biết rằng: Tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Không lặn xuống biển sâu, không thể có được bảo châu vô giá. Không vào biển lớn phiền não, không thể có Nhất thiết trí vô giá Như Lai.

3. Bấy giờ trong pháp hội có Bồ tát tên Phổ Hiện Sắc Thân hỏi trưởng giả Duy Ma Cật:

Thưa cư sĩ! Cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc, bạn lành tri thức của Ngài là những ai? Nô tì, đồng bộc, ngựa, voi, xe, kiệu Ngài để ở chỗ nào?

Bấy giờ trưởng giả Duy Ma Cật đáp lời qua bài kệ:

Trí độ: Làm mẹ Bồ tát

Phương tiện: Lấy làm cha

Tất cả các đạo sư

Đều do đó mà có.

Lấy pháp hỷ: Làm vợ

Con gái: Từ bi tâm

Con trai: Chính tâm lành

Rỗng lặng: Nhà thường trú
Đệ tử: Các trần lao
Lục độ pháp: Bạn bè
Pháp tứ nhiếp: Kỷ nữ
Hoa viên là: Tổng trì.
Pháp vô lậu: Rừng cây
Giác ý: Hoa tịnh diệu
Trí tuệ giải thoát: Trái
Ao tắm: Pháp bát giải
Nước Định lóng sẵn đầy
Tắm gội người vô cấu
Dạo đi đường Bát chánh.
Đức tốt: Làm trang sức
Tàm quí: Làm xiêm áo
Thâm tâm: Làm tràng hoa
Thất tài bảo: Sự nghiệp
Tứ thiền: Làm giường ngồi
Đa văn: Tăng trí tuệ
Trí tuệ: Tiếng cõi lòng
Pháp cam lộ: Thức ăn
Vị giải thoát: Giải khát

Tịnh tâm: Là tắm gội
Giới phẩm: Làm hương xoa
Đánh tan giặc phiền não
Mạnh mẽ không ai hơn.
Chư Phật và bản thân
Không có tướng phân biệt
Dù biết cõi nước Phật
Và chúng sanh đều không.
Lực vô úy Bồ tát
Một thời đều hiện đủ
Biết rõ các ma sự
Mà giả hiện tùy thân
Dùng trí phương tiện khéo
Giáo hóa các quần sanh
Rõ biết như huyễn hóa
Việc làm không trở ngại.
Vì lợi ích chúng sanh
Các đạo pháp thế gian
Xuất gia vào trong đó
Để chỉ rõ chỗ sai
Khiến khỏi rơi tà kiến.

Đem đạo từ bi thuyết
Hóa độ các chúng sanh
Trong tất cả quốc độ
Chỗ nào có địa ngục
Liền đến vào nơi đó
Giúp họ khỏi khổ đau.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dụ những người háo sắc
Trước lấy dục trói lại
Sau kéo vào Phật trí
Hoặc làm người quốc trưởng
Hoặc làm chủ thương thuyền
Quốc sư, Đại thần tốt
Để giúp ích chúng sanh.
Với những người nghèo khó
Hiện làm kho vô tận
Nhân đó khuyến hóa người
Phát khởi Bồ đề tâm.
Với hạng người kiêu mạn
Hiện làm đại lực sĩ
Triệt tiêu các cống cao

Khiến trụ Vô thượng đạo.
Ai lâm cảnh sợ sệt
Trước họ an ủi cho
Xua tan niềm sợ hãi
Sau khiến phát đạo tâm.
Dùng phương tiện khéo léo
Cung dưỡng mọi nhu cầu
Con đường đạo vô lượng
Sở hành không bến bờ
Trí tuệ không ngằn mé
Độ vô số chúng sanh
Ai nghe pháp như thế
Đều phát tâm Bồ đề!
Trừ người mất giống Phật
Kẻ vô trí quá đần.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Để trả lời câu hỏi của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi: Bồ tát phải làm gì để đi con đường Phật được thông suốt, không bị trở ngại? Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: Muốn đi theo con đường Phật được thông suốt thì Bồ tát phải đi con đường phản diện với con đường của phàm phu.

Đường của chúng sanh là: Thuận lưu sanh tử! Xuôi theo dòng chảy của sanh tử mà đi. Thế cho nên, muốn đi con đường Phật, Bồ tát phải đi ngược dòng sanh tử ấy.

Đi ngược dòng sanh tử, nhưng không rời bỏ, tránh né hay trốn chạy. Ý niệm rời bỏ, tránh né, trốn chạy sanh tử hy vọng có được Bồ đề Niết bàn, với đạo Phật việc đó không bao giờ có được. Người nông gia sợ bùn, đất, phân, nước thấm ướt tay chân, chỉ muốn trồng cây gieo giống trong hư không để rồi chờ thời thu hoạch kết quả. Ý tưởng đó nếu có, thì đó là ý tưởng hoang đường của kẻ ngu si vô trí!

Ý tưởng rời bỏ trốn chạy sanh tử, không tu tâm sửa tánh, không cải tạo phiền não vô minh ngay trong cuộc sống sanh tử, ngồi không nằm rỗng đối với thế cuộc xem mình như kẻ ăn xổi ở thì, lơ lững thả hồn, hy vọng Bồ đề Niết bàn một ngày nào đó sẽ đến. Ý tưởng đó ở trong Phật pháp cũng là một ý tưởng hoang

đường như chàng nông gia vô trí kia không hơn không kém.

2. Những gì là hạt giống NHƯ LAI? Trả lời câu hỏi đó của trưởng giả Duy Ma Cật, Bồ tát Văn Thù nói: Thân là hạt giống Như Lai. Vô minh là hạt giống Như Lai. Tham sân si là hạt giống Như Lai…

Trước Tuệ nhãn của Đại trí Văn Thù Sư Lợi thì tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Có nghĩa là: Muốn thành Phật thì dựa trên vô minh phiền não mà cải tạo chuyển hóa vô minh phiền não. Chuyển hóa từng phần lượng, cho đến khi biến đổi hoàn toàn chất lượng vô minh. Trừ bỏ vô minh phiền não, con người không còn lý do để thành Như Lai Phật. Không xuống biển sâu không thể có được bảo châu vô giá. Không có phiền não vô minh và không có cải tạo phiền não vô minh thì sẽ không có NHẤT THIẾT TRÍ Bồ đề Vô thượng.

3. Trả lời câu hỏi của Bồ tát Phổ Hiện Sắc Thân, Ngài Duy Ma Cật nói về gia đình, sự nghiệp, quyến thuộc thân bằng, nô tì, đồng bộc, vườn rừng, ao tắm ,kỷ nữ, ngựa xe... của chính Ngài. Điều đó cho thấy rằng: Ngài không phải là một cư sĩ, mà gọi là cư sĩ vậy thôi!

Sự thật, cư sĩ Duy Ma Cật là một "hình thức" dàn dựng ra một người BẤT TƯ NGHÌ, để trình diễn PHẬT SỰ BẤT TƯ NGHÌ, nhằm giáo hóa chúng sanh về DIỆU PHÁP BẤT TƯ NGHÌ!

CHƯƠNG THỨ CHÍN
CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI

1. Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật long trọng nói với các Bồ tát rằng:

Thưa chư nhân giả! Tôi xin đề nghị chư Bồ tát trong hội này, mỗi người tự trình bày sự chứng đắc và thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI của một Bồ tát như thế nào?

Trước hết, vị Bồ tát hiệu là Pháp Tự Tại trình bày: Thưa chư nhân giả! SANH và DIỆT là hai. Vạn pháp xưa vốn không sanh, nay thì không diệt. Tỏ ngộ được Pháp nhẫn vô sanh đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Đức Thủ nói: NGÃ và NGÃ SỞ HỮU là hai. Vì có ngã cho nên có ngã sở hữu. Tôi nhận thức rằng nếu không có ngã thì không có ngã sở hữu. Do duyên cớ đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Bất Thuấn nói: THỌ và BẤT THỌ là hai. Nếu đối với các pháp mà không thọ thì không có cái được. Ví không có cái được cho nên không có lấy,

không có bỏ, không tạo tác, không hành vi. Do nhận thức ấy, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Đức Đảnh nói: CẤU và TỊNH là hai. Thấy được thật tánh của cấu thì không có tướng tịnh, đồng thời tùy thuận với tướng diệt của vạn pháp. Do tỏ ngộ chân lý đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Thiện Tú nói: ĐỘNG TÂM và NIỆM TƯỞNG là hai. Nếu không động tâm thì không có niệm tưởng. Không có niệm tưởng thì không có phân biệt. Thông suốt được chân lý ấy, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Thiện Nhẫn nói: TƯỚNG NHẤT và TƯỚNG VÔ là hai. Nếu biết rõ tướng nhất tức là tướng vô, bấy giờ thể nhập tánh bình đẳng. Do quá trình nhận thức như vậy, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Diệu Tý nói: TÂM BỒ TÁT và TÂM THANH VĂN là hai. Quán tướng của tâm rỗng không như huyễn như hóa. Cho nên tôi không còn thấy tâm Bồ tát, tâm Thanh văn. Do triệt tiêu tánh chấp, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Phất Sa nói: THIỆN và BẤT THIỆN là hai. Không khởi ý niệm thiện và ý niệm bất thiện, nhận thức thấu suốt ngằn mé vô tướng của các pháp. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Sư Tử nói: TỘI và PHƯỚC là hai. Hiểu rõ tánh của tội và tánh của phước không khác. Dùng trí tuệ kim cang quyết đoán một cách dứt khoát mọi tình huống. Cho nên không thấy có ràng buộc và cũng không thấy có giải thoát. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Sư Tử Ý nói: HỮU LẬU và VÔ LẬU là hai. Có được tâm bình đẳng với các pháp thì không khởi tướng hữu lậu và vô lậu. Không dính mắc ở Pháp tướng, cũng không trụ chấp Pháp tánh. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Tịnh Giải nói: HỮU VI và VÔ VI là hai. Xa lìa tất cả số thì tâm rỗng lặng như hư không. Dùng tuệ thanh tịnh mà nhìn vạn pháp, cho nên không còn có sự trở ngại nào. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Na La Diên nói: THẾ GIAN và XUẤT THẾ GIAN là hai. Tánh của thế gian rỗng không, cho nên thế gian cũng là xuất thế gian. Trong đó không có tướng đi vào, đi ra, không có tràn đầy, không có vơi cạn. Do nhận thức đó tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Thiện Ý nói: SANH TỬ và NIẾT BÀN là hai. Thấy được tánh của sanh tử thì không có sanh tử gì cả, cũng không có cột, không có mở, không có sanh, không có diệt. Nhận thức rõ như thế, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Thiện Kiến nói: TẬN và BẤT TẬN là hai. Vạn pháp hoặc rốt ráo tận hoặc rốt ráo bất tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là không. Không thì không có tướng tận hay vô tận. Tỏ ngộ chân lý ấy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Phổ Thủ nói: NGÃ và VÔ NGÃ là hai. Ngã hãy còn không có, vô ngã càng không thể có. Thấy được thật tướng của ngã thì không còn khởi quan niệm hai. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Điển Thiên nói: MINH và VÔ MINH là hai. Thật tánh của vô minh là minh. Minh cũng không chấp thủ. Ly tất cả số. Trụ tâm trong bình đẳng không có ý niệm hai. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Hỉ Kiến nói: SẮC và KHÔNG là hai. Sắc tức là không. Không phải sắc diệt mới không. Tánh của sắc tự không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức tức là không. Không phải thức diệt mới không. Tánh của thức tự không. Do quán triệt chân lý đó tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Minh Tướng nói: Sự sai khác của TỨ ĐẠI và sự sai khác của KHÔNG ĐẠI là hai. Tánh của tứ đại tức là tánh của không đại. Bởi vì thời gian trước và thời gian sau đều không, cho nên thời gian khoảng giữa cũng không. Hiểu biết được như thế, cũng tức là nhận thức rõ tánh của các đại. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Diệu Ý nói: NHÃN CĂN và SẮC CẢNH là hai. Biết rõ tánh của nhãn căn và tánh của sắc cảnh, ở giữa cắt đứt sự ái nhiễm. Thế là không còn tham, không còn sân, không còn si. Đó là trạng thái tịch diệt. Nhĩ đối thanh, tỷ đối hương, thiệt đối vị, thân đối xúc, ý đối với pháp cũng như vậy. Biết rõ tánh của ý căn và tánh của pháp cảnh, đoạn trừ sự ái nhiễm tham sân si, đạt đến trạng thái tịch diệt. An trụ trong tỉnh giác như vậy, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Vô Tận Ý nói: BỐ THÍ và HỒI HƯỚNG NHẤT THIẾT TRÍ là hai. Tánh của bố thí tức là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ cũng như vậy.Tánh của trí tuệ tức là tánh hồi hướng nhất thiết trí. Ở trong đó hội nhập tướng nhất. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Thâm Tuệ nói: KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác. Hiểu rõ không là vô tướng, vô tướng là vô tác, thì tâm, ý, thức bấy giờ công dụng trở thành một. Một giải thoát môn, tức ba giải thoát môn. Quán triệt chân lý đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Tịnh Căn nói: PHẬT, PHÁP và TĂNG là hai. Phật tức Pháp, Pháp tức Tăng. Tam bảo đều là tướng Vô vi, đồng như hư không. Tất cả pháp cũng vậy. Tùy thuận theo chân lý đó thi vi hành sự. Do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Tâm Vô Ngại nói: THÂN và THÂN DIỆT là hai. Thân tức là thân diệt. Thấy được thật tướng của thân thì không còn khởi chấp thân và sự hoại diệt của thân. Thân và sự hoại diệt của thân không khởi ý phân biệt là hai. Vì vậy, thân sanh tồn hay hoại diệt, không kinh hãi, không lo lắng sợ sệt. Tỏ ngộ chân lý đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Thượng Thiện nói: THÂN, KHẨU, Ý là hai. Ba nghiệp đều là tướng vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu, tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý. Tam nghiệp là tướng vô tác. Tất cả pháp cũng là tướng vô tác. Dùng tuệ vô tác nhận thức chân lý và tùy thuận chân lý ấy, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Phước Điền nói: LÀM PHƯỚC, LÀM TỘI, LÀM KHÔNG PHƯỚC KHÔNG TỘI là hai. Thật tánh của ba việc là vắng lặng rỗng không. Không thì không thấy có làm phước, không thấy có làm tội, không thấy có làm không phước không tội. Không khởi ý niệm chấp mắc ở ba việc làm, do vậy tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Hoa Nghiêm nói: Từ BẢN NGÃ khởi chấp hai là hai. Biết được thật tướng của bản ngã không khởi chấp hai. Không khởi chấp hai thì không có chủ thể biết và đối tượng bị biết. Quán triệt chân lý đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Đức Tạng nói: Có tướng SỞ ĐẮC là hai. Không sở đắc thì không có tham lấy, không chê bỏ. Do trụ trong tướng bình đẳng không lấy bỏ, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Nguyệt Thượng nói: SÁNG SUỐT và MÊ MỜ là hai. Không sáng suốt không mê mờ thì không hai. Đối với tất cả pháp tướng cũng như vậy. Hội nhập với tâm bình đẳng ấy, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Bảo Ấn Thủ nói: Hâm mộ NIẾT BÀN, nhàm chán THẾ GIAN là hai. Không hâm mộ Niết bàn, không nhàm chán thế gian thì không hai. Vì sao? Vì rằng ai có bị trói buộc mới mong cầu mở. Người không bị buộc trói còn hy vọng mở cái gì? Không bị buộc không cần mở, cũng không nhàm chán, không có hâm mộ. Thâm ngộ chân lý đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Châu Đảnh nói: CHÁNH ĐẠO và TÀ ĐẠO là hai. Trụ ở chánh đạo thì không phân biệt tà hay chánh. Do ly cái tướng hai, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Bồ tát Nhạo Thật nói: THẬT và KHÔNG THẬT là hai. Thật thấy hãy còn không thấy thật, huống hồ không phải thật. Vì sao? Vì cái thấy của nhục nhãn không thể thấy đúng chân lý, chỉ có Tuệ nhãn mới thấy đúng chân lý. Tuệ nhãn không thấy gì hết, nhưng

không có gì không thấy. Do tỏ ngộ chân lý đó, tôi thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

Các Bồ tát mỗi mỗi đều trình bày pháp môn sở ngộ của mình và kết quả cùng đến một mục đích: Thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

2. Các Bồ tát trong hội này đã nói hết rồi. Vậy xin Bồ tát Văn Thù Sư Lợi phát biểu phương pháp thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI của một Bồ tát.

Bồ tát Văn Thù nói: Theo ý tôi, tất cả pháp không nói được hết, không bàn tột được, không chỉ đúng được, không giải thích trọn vẹn được! Vì vượt ngoài những câu vấn đáp của ngữ ngôn văn tự. Khế hội chân lý đó thì đó là yếu tố thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

3. Bồ tát Văn Thù hỏi Bồ tát Duy Ma Cật: Thưa cư sĩ! Chư Bồ tát đã trình bày xong. Giờ đây, xin nhân giả cho biết cao kiến của Ngài về phương pháp thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI của một Bồ tát?

Ông Duy Ma Cật lúc bấy giờ điềm nhiên an tọa. Đại chúng cả hội trường như nín thở trông chờ...

Ông Duy Ma Cật vẫn im lặng và im lặng...

Trong dáng vẻ hân hoan, cảm thông được diệu ý, Bồ tát Đại trí Văn Thù Sư Lợi nói: Siêu tuyệt thay! Siêu tuyệt! Pháp môn không hai siêu tuyệt! Bặt cả văn tự ngữ ngôn!

Đấy mới là cách thể nhập pháp môn không hai CHÍ CHÂN, CHÍ THIỆN!

Sau khi trình bày những nguyên do và tâm đắc của mình trong quá trình THỂ NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI của ba mươi mốt Bồ tát. Trong số hội chúng có năm ngàn Bồ tát tỏ ngộ Vô sanh pháp nhẫn, đồng THỂ NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI, kinh Duy Ma Cật không nhằm dạy cho người đệ tử tu hành phải tìm về CON SỐ MỘT, hay cái MỘT nào đó. Bởi vì chữ HAI ở đây, không phải là HAI ở số lượng như: 1,2, 3... cũng không phải chữ HAI ở số thứ tự như: Thứ hai, thứ ba, thứ tư...

Tránh số "Hai" trong lượng số, hy vọng trở lùi nắm giữ số "Một" đã là vô ích.

Tránh "Thứ hai" ở thứ tự số mục, để mong cầu được số "Thứ ba, thứ tư" cũng hoài công, không có tác dụng gì trên đường tiến tu đối với sự nghiệp giác ngộ.

Người đệ tử Phật, tu theo con đường Phật phải thận trọng lưu tâm!

Bồ tát Duy Ma Cật đề nghị chư Bồ tát trình bày về phương cách, lý do, về yếu tố, dữ kiện, về hoàn cảnh, trường hợp "CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI" của mình, nhằm dạy cho người đệ tử Phật tu hành phương thức: HỒI ĐẦU THỊ NGẠN, phương cách trở về CĂN BẢN TRÍ, tức là trí VÔ PHÂN BIỆT vốn có của mọi người.

Giáo lý của đạo Phật dạy rằng con người ai ai cũng có cái trí VÔ PHÂN BIỆT đó. Vì vậy, tự tánh của mọi người vốn trong sáng thanh tịnh. Cái tự tánh trong sáng thanh tịnh đó chính là Phật tánh của mỗi người.

Con người bắt đầu có đau khổ từ khi con người sống trái CĂN BẢN TRÍ. Con người tự hủy hoại cái tánh trong sáng, thanh tịnh, hồn nhiên, thanh thoát của con người. Con người bắt đầu sử dụng cái trí PHÂN BIỆT, cái trí rất kém cõi thường bị bao phủ bởi những lớp tạp tưởng vô minh phiền não, tham sân si… hỷ nộ ái ố... Với "Phân biệt trí" khó mà nhận thức chân lý đúng đắn, nếu không có những giây phút thiền quán để tư duy phản tỉnh HỒI ĐẦU.

Muốn HỒI ĐẦU phản tỉnh cần có duyên cớ hoặc hoàn cảnh, hoặc sự nhận thức...

Ba mươi mốt Bồ tát thể nhập pháp môn KHÔNG HAI đều dựa vào sự tư duy nhận thức hoặc duyên cớ

nào đó do thấy, sự kiện nào đó do tư duy, hoặc trường hợp nào đó do tiếp xúc...

Ba mươi mốt Bồ tát thể nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI, dựa trên những duyên cớ, những sự kiện nhận thức không đồng mà kết quả cũng đến mục đích: VÔ TRÍ PHÂN BIỆT.

1. *SANH và DIỆT.*
2. *NGÃ và NGÃ SỞ HỮU.*
3. *THỌ và BẤT THỌ.*
4. *CẤU và TỊNH.*
5. *ĐỘNG TÂM và NIỆM TƯỞNG.*
6. *TƯỚNG NHẤT và TƯỚNG VÔ.*
7. *TÂM BỒ TÁT và TÂM THANH VĂN.*
8. *THIỆN và BẤT THIỆN.*
9. *TỘI và PHƯỚC.*
10. *HỮU LẬU và VÔ LẬU.*
11. *HỮU VI và VÔ VI.*
12. *THẾ GIAN và XUẤT THẾ GIAN.*
13. *SANH TỬ và NIẾT BÀN.*
14. *TẬN và BẤT TẬN.*
15. *NGÃ và VÔ NGÃ.*
16. *MINH và VÔ MINH.*
17. *SẮC và KHÔNG SẮC.*
18. *TỨ ĐẠI và KHÔNG ĐẠI.*
19. *NHÃN CĂN và SẮC TRẦN.*
20. *BỐ THÍ và HỒI HƯỚNG NHẤT THIẾT TRÍ.*
21. *KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC.*

22. *PHẬT, PHÁP và TĂNG.*
23. *THÂN và THÂN DIỆT.*
24. *THÂN, KHẨU, Ý.*
25. *LÀM PHƯỚC, LÀM TỘI, LÀM KHÔNG PHƯỚC KHÔNG TỘI.*
26. *TỪ BẢN NGÃ KHỞI CHẤP.*
27. *CÓ TƯỚNG SỞ ĐẮC.*
28. *SÁNG SUỐT và MÊ MỜ.*
29. *HÂM MỘ NIẾT BÀN, NHÀM CHÁN THẾ GIAN.*
30. *CHÁNH ĐẠO, TÀ ĐẠO.*
31. *THẬT và KHÔNG THẬT.*

Ba mươi mốt đề mục được xem là "HAI" và dựa trên tướng "HAI" đó mà tư duy quán sát rồi phản tỉnh hồi đầu, ba mươi mốt vị Bồ tát đều chứng nhập "PHÁP MÔN KHÔNG HAI".

Ba mươi mốt "cặp" phạm trù đối đãi ấy, ta thấy có đề mục chỉ có MỘT, như đề mục: CÓ TƯỚNG SỞ ĐẮC. Lại có những đề mục không phải "HAI" mà có đến BA, như đề mục: PHẬT, PHÁP, TĂNG. THÂN, KHẨU, Ý. KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC. LÀM PHƯỚC, LÀM TỘI, LÀM KHÔNG PHƯỚC KHÔNG TỘI. Ấy thế mà tất cả đều được xem là HAI!

Do vậy, ta cũng thấy rõ kinh dạy qua vấn đề chứng nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI, như trước đã nói. Chứng nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI mục đích không phải chối bỏ số hai để lùi về số một, cũng không tránh né số hai để có được số ba, bốn, năm.

2. Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi cho rằng: Đã là PHÁP MÔN KHÔNG HAI thì ngôn từ không bàn luận đến được, văn tự không mô tả được. Đến chỗ tuyệt đường đối đãi thì có diễn đạt hoa mỹ, khéo léo cách nào cũng không phải cái đó. Vì cái đó, chỗ đó, nó ở vào lãnh vực: BẤT KHẢ TƯ NGHÌ. Chỉ ai CHỨNG mới biết mà thôi! Chữ CHỨNG ở đây không có gì quá sức tưởng tượng đâu các bạn ạ!

"Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri", chỉ có người "chứng nước" mới biết được nước ấm lạnh ở độ nào... Người không chứng nước thì nghe để mà nghe, mà không bao giờ hiểu chính xác độ nóng lạnh, vị ngọt ngon của tách trà thơm ngát ấy!

3. Đến lượt Ngài Duy Ma Cật trình bày phương cách "CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI" của mình! Ngài biểu thị bằng thái độ im lặng thản nhiên. Đại chúng như hồi hộp và có ý trông chờ những gì sẽ diễn biến ra sau giây phút thản nhiên im lặng đó. Nhưng rồi không có gì nữa hết! Bồ tát Đại trí Văn Thù thông cảm sâu sắc, tận cùng ý niệm của nhau, như hai tấm gương đối diện cùng lồng bóng phản chiếu trước một cành hoa rực rỡ sắc màu.

Bồ tát Đại Trí Văn Thù chỉ tán thán trước sự biểu hiện lặng im mà không bình luận gì thêm nữa. Bồ tát Đại Trí Văn Thù tâm đắc và cảm thông hành động biểu hiện đó của Ngài Duy Ma Cật. Ngài Văn Thù cho rằng hành động đó, tự nói lên phương cách "CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI" của Ngài Duy Ma

Cật đầy đủ lắm rồi. Còn dùng ngôn ngữ văn tự để phủ nhận văn tự ngữ ngôn, Ngài Đại Trí Văn Thù đã bỏ lỡ cơ may không về đến đích.

Các pháp thế gian và xuất thế gian đối với chúng, Bồ tát Duy Ma Cật KHÔNG CÓ GÌ ĐỂ NÓI. Đó là thâm ý của sự lặng thinh, lặng thinh chỉ vì KHÔNG CÓ GÌ ĐỂ NÓI. Chỉ vì đã biết rõ VẠN PHÁP GIAI KHÔNG, cho nên nói ít thì sai chân lý ít, nói nhiều chỉ tăng thêm nhiều hý luận!

*

* *

CHƯƠNG THỨ MƯỜI
PHẬT HƯƠNG TÍCH

1. Thầy Xá Lợi Phất nghĩ rằng: Giờ ngọ trai sắp đến, rồi đây chư Bồ tát sẽ thọ thực bằng gì?

Bồ tát Duy Ma Cật biết được thâm ý của thầy Xá Lợi Phất, bèn bảo rằng:

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Đức Phật dạy tám môn giải thoát, Ngài lãnh thọ tu hành, há để xen tạp ý nghĩ về ăn trong lúc nghe pháp vậy sao? Nếu muốn ăn thì hãy đợi giây lát, Ngài sẽ được thức ăn chưa từng có.

Bồ tát Duy Ma Cật liền nhập định, vận dụng sức thần phương tiện như huyễn của lòng từ bi cho đại chúng thấy rõ cõi nước Chúng Hương, đức Phật Hương Tích là giáo chủ. Nước Chúng Hương có thứ hương thơm kỳ diệu. Các cõi nước chư Phật trong mười phương cũng không có thứ hương nào sánh được. Cõi nước đó không có Thanh văn và Bích Chi Phật, chỉ có chúng Đại Bồ tát thanh tịnh. Đức Phật Hương Tích thường truyền pháp giáo hóa cho hàng Đại Bồ tát này. Thế giới Chúng Hương thường sử dụng toàn hương. Lầu các kiến tạo bằng hương. Đi kinh hành trên đất

hương. Vườn tược hoa cảnh cũng hương. Hơi hương là thức ăn của Phật, Bồ tát ở quốc độ này. Hương này lan tỏa ngát thơm khắp cùng mười phương. Lúc ấy đức Phật và chư Bồ tát cùng ngồi thọ thực.

Tất cả đại chúng trong hải hội đều trông thấy sự kiện này.

2. Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật hỏi các chúng Bồ tát trong hải hội rằng: Thưa chư nhân giả! Trong này ai có thể qua đến cõi Phật Hương Tích để có thể thỉnh một ít cơm thơm?

Cả hải hội chư Bồ tát đều lặng im.

Bồ tát Duy Ma Cật nói: Cả đại chúng trong hải hội đều im lặng cả! Không đáng xấu hổ lắm sao?

Văn Thù Sư Lợi nói: Theo lời Phật dạy, không nên xem thường người chưa học!

Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật ngồi tại bản tòa ở trước đại chúng dùng sức thần phương tiện như huyễn của lòng từ bi hóa hiện ra một Bồ tát tướng hảo quang minh uy đức hơn hẳn mọi người và bảo: Ông hãy qua cõi nước Chúng Hương, đức Phật hiệu Hương Tích và hãy nói đúng lời của tôi rằng:

"Duy Ma Cật đê đầu đảnh lễ dưới chân đức Thế Tôn trọng kính vô vàn, gởi đến lời thăm hỏi đức Thế Tôn ít bệnh, ít não chăng? Sức khỏe bình an chăng? Mong Thế Tôn cho một ít cơm thừa đem về cõi Ta bà làm Phật sự, khiến cho những người ham ưa pháp

Phương tiện được mở mang trí tuệ, phát chí nhất tâm học đạo Bồ đề liễu nghĩa và cũng khiến cho mọi người khắp cùng ghi nhớ đức hiệu của Như Lai ".

Lãnh hội lời dặn dò của Ngài Duy Ma Cật, vị hóa thân Bồ tát đến cõi nước Chúng Hương và tác bạch trước đức Hương Tích Như Lai rằng:

"Duy Ma Cật đê đầu đảnh lễ dưới chân đức Thế Tôn trọng kính vô vàn, gởi đến lời thăm hỏi đức Thế Tôn ít bệnh, ít não? Sức khỏe bình an? Mong Thế Tôn cho một ít cơm thừa đem về cõi Ta bà làm Phật sự, khiến cho những người ham ưa pháp Phương tiện được mở mang trí tuệ, phát chí nhất tâm học đạo Bồ đề Liễu nghĩa và cũng khiến cho mọi người khắp cùng ghi nhớ đức hiệu của Như Lai ".

Các đại sĩ ở nước Chúng Hương trông thấy đức hóa thân Bồ tát đều rất kính mộ và tán thán đây là việc chưa từng có!

Bậc thượng nhân này từ đâu đến? Ta bà thế giới cách đây bao xa? Sao gọi là những người ham ưa Pháp phương tiện? Bao nhiêu nghi vấn đặt ra và đem những việc đó thưa hỏi đức Phật.

Đức Hương Tích Phật nói với chư Bồ tát rằng: Có cõi nước mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo chủ. Đức Phật Thích Ca vì những chúng sanh ham ưa Pháp phương tiện, mở mang chuyển hóa khiến cho họ phát chí đi theo con đường Nhất thừa Bồ đề đạo. Tại cõi nước này có một vị Bồ tát tên Duy Ma Cật hằng trụ

trong cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì, vì các Bồ tát nói pháp. Vì thế Ngài Duy Ma Cật vận dụng sức thần phương tiện hóa ảo ra vị Bồ tát đến cõi này nhằm xưng dương danh hiệu của ta và khen ngợi quốc độ Chúng Hương này, khiến cho Bồ tát ở cõi nước Phật Thích Ca được tăng phần công đức.

3. Các Bồ tát Chúng Hương hỏi Phật: Duy Ma Cật người thế nào mà có thể phương tiện ảo hóa ra một Bồ tát oai đức tròn đầy, có sức thần như thế kia?

Phật nói: Rất lớn! Chẳng những huyễn hóa một Bồ tát mà còn có thể hóa huyễn ra vô số Bồ tát đi đến vô số cõi nước trong mười phương để thi tác Phật sự lợi ích chúng sanh.

4. Đức Hương Tích Như Lai lấy bình bát Chúng Hương đựng đầy một bát cơm hương và ban cho vị Bồ tát hóa thân.

Lúc bấy giờ có rất đông Bồ tát đồng thanh nói:

"Chúng tôi muốn đến cõi nước của Phật Thích Ca để cúng dường và muốn hội kiến với Bồ tát Duy Ma Cật và chúng Bồ tát ở cõi Ta bà".

Đức Phật nói: Các Bồ tát có thể đi, nhưng phải thu nhiếp hương thơm từ thân các ông. Đừng để cho chúng sanh cõi Ta bà sanh tâm đam mê nhiễm ái. Lại còn phải đổi thân hình vốn có của các Bồ tát cõi này, đừng để cho chư Bồ tát cõi Ta bà có mặc cảm tự ti. Lại nữa! Khi diện kiến, các ông không nên có trong lòng ý

tưởng khinh thường mà dấy lên tư tưởng trở ngại không nên. Bởi vì sao? Vì mười phương quốc độ đều như hư không.

Bấy giờ hóa thân Bồ tát cung kính tiếp nhận bát cơm cùng rất đông các Bồ tát cõi Chúng Hương, nương sức thần phương tiện đại từ đại bi của Phật, mà trong khoảnh khắc đồng có mặt ở tịnh thất của Ngài Duy Ma Cật.

Bấy giờ, Bồ tát Duy Ma Cật vì lòng từ bi mà vận dụng sức thần phương tiện huyễn hóa ra các tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ. Chư Bồ tát trong hải hội đều ngồi lên bảo tòa...

5. Bấy giờ hóa thân Bồ tát đem bát cơm đầy ngào ngạt hương thơm dâng lên Bồ tát Duy Ma Cật. Hơi thơm của cơm xông ngát thành Tỳ Da Ly, lan tỏa khắp cả cùng mười phương.

Lúc bấy giờ các Bà la môn, cư sĩ... nghe mùi hương thân tâm thanh thoát nhẹ nhàng và đồng khen ngợi là sự kiện nhiệm mầu xưa nay chưa từng có!

Có vị trưởng giả tên Nguyệt Cái cùng với đoàn tùy tùng đi đến tịnh thất Bồ tát Duy Ma Cật. Khi đến tịnh thất trông thấy số chúng đại Bồ tát rất đông ngồi trên các tòa sư tử cao rộng trang nghiêm lộng lẫy. Tất cả mọi người hoan hỉ lễ bái chư Bồ tát chúng và các hàng đệ tử Thanh văn. Lễ xong lui ra cùng đứng sang một phía. Đồng thời có rất đông hàng trung căn,

thượng căn nghe mùi hương cũng đến tịnh thất và xin được vào nghe pháp.

Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật nói với thầy Xá Lợi Phất và các hàng đại Thanh văn rằng:

Chư nhân giả! Các vị sẽ được ăn cơm vị cam lồ của Như Lai. Cơm này do huân tập vô lượng đại bi mà có. Khi ăn không nên dùng tâm ý hạn hẹp suy lường mà làm cơm không tiêu hóa.

Trong đại chúng lúc bấy giờ có vị Thanh văn móng ý nghĩ rằng: Cơm ít mà đại chúng quá đông. Rồi đây mọi người sẽ ăn, rồi ai ăn ai nhịn?

Nhằm giải tỏa mối nghi trong lòng đại chúng, hóa thân Bồ tát tuyên bố:

Thưa chư nhân giả! Các Ngài không nên dùng trí đức hạn hẹp mà cân lường phước đức trí tuệ của Như Lai. Nước bốn biển còn có thể hết, chứ cơm này không thể hết. Giả sử mỗi người ăn một khối to như núi, ăn hoài cũng không bao giờ hết được. Vì đây là thức ăn thừa của đấng đầy đủ công đức Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến vô tận, làm sao hết được! Một bát cơm này no lòng cho bao nhiêu đại chúng trong hội này hãy còn quá dư thừa! Vả lại Bồ tát, Thanh văn, hàng nhân thiên ăn cơm này rồi thân tâm thư thái, vui vẻ an nhiên giống như Bồ tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm. Lại nữa, sau khi ăn cơm này, từng lỗ chân lông sẽ tiết ra hương thơm kỳ diệu giống như

mùi hương của các rừng cây thơm ở quốc độ Chúng Hương.

6. Bồ tát Duy Ma Cật hỏi các Bồ tát Chúng Hương rằng:

Thưa chư đại sĩ! Đức Hương Tích Như Lai ở nước Chúng Hương giáo hóa chúng Bồ tát bằng cách nào?

Hương Tích Như Lai cõi nước chúng tôi không dùng ngôn ngữ văn tự thuyết, mà chỉ lấy "Hương" khiến cho hàng nhân thiên được đi vào luật hạnh. Các Bồ tát thì ngồi dưới cội cây hương nghe mùi hương vi diệu mà được tam muội Nhất Thiết Đức Tàng. Bồ tát được tam muội ấy rồi tự có đầy đủ công đức.

Các Bồ tát Chúng Hương hỏi lại:

Thưa! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thuyết pháp bằng cách nào?

Bồ tát Duy Ma Cật đáp: Cõi Ta bà chúng sanh cang cường khó giáo hóa, cho nên đức Thích Ca Mâu Ni Phật phải thuyết những ngôn ngữ cang cường để mà điều phục. Phải nói địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Phải nói đấy là chỗ khổn nạn, đấy là chỗ những người ngu si thọ sanh. Phải nói đó là việc làm sai quấy của thân, đó là quả báo của việc làm sai quấy của thân. Đó là lời sai trái của khẩu, đó là quả báo của lời sai trái của khẩu. Đó là ý nghĩ tội lỗi của ý, đó là quả báo của ý nghĩ tội lỗi của ý. Đấy là sát sanh, đấy là quả báo của sát sanh. Đấy là không cho mà lấy, đấy là quả báo của việc

không cho mà lấy. Đó là tà dâm, đó là quả báo của tà dâm. Đó là vọng ngữ, đó là quả báo của vọng ngữ. Đó là lưỡi hai chiều, đó là quả báo của lưỡi hai chiều. Đó là ác khẩu, đó là quả báo của ác khẩu. Đó là lời vô nghĩa, đó là quả báo của lời vô nghĩa. Đó là tham lam, đó là quả báo của tham lam. Đó là sầu não, đó là quả báo của sầu não. Đó là tà kiến, đó là quả báo của tà kiến. Đó là xan lẩn, đó là quả báo của xan lẩn. Đó là hủy phạm giới, đó là quả báo của hủy phạm giới. Đó là giải đãi, đó là quả báo của giải đãi. Đó là loạn ý, đó là quả báo của loạn ý. Đó là ngu si, đó là quả báo của ngu si. Đó là trì giới. Đó là phạm giới. Đó là việc nên làm. Đó là việc không nên làm. Đó là chướng ngại. Đó là không chướng ngại. Đó là đắc tội. Đó là tiêu tội. Đó là tịnh. Đó là cấu. Đó là hữu lậu. Đó là vô lậu. Đó là tà đạo. Đó là chánh đạo. Đó là hữu vi. Đó là vô vi. Đó là thế gian. Đó là Niết bàn.

Vì những người khó giáo hóa, tâm như vượn ý như ngựa, cho nên đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn phải dùng nhiều ngôn từ phương tiện thuyết pháp để chế ngự tâm họ, sau đó mới điều phục được! Ví như ngựa bất kham, voi cuồng bạo khó huấn luyện, phải sử dụng roi dùi đánh chích thì mới điều phục được! Cũng như thế, chúng sanh cang cường nan hóa, phải dùng những lời khổ thiết như thế mới có thể đưa khép họ vào luật hạnh.

7. Các Bồ tát Chúng Hương đồng tán thán rằng: Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn làm việc khó làm, giấu

đi sức tự tại vô lượng của mình mà vui lấy pháp khó khăn độ thoát chúng sanh. Các Bồ tát ở cõi Ta bà cũng hết sức nhọc nhằn khiêm tốn, do lòng đại bi vô lượng mới sanh ở cõi Phật này.

Bồ tát Duy Ma Cật nói: Đúng như chư đại sĩ nói, Bồ tát cõi Ta bà đối với chúng sanh lòng đại bi rất kiên cố, nhưng được cái ưu việt là làm lợi ích chúng sanh trong một đời công đức nhiều hơn trăm ngàn đời làm lợi ích chúng sanh ở cõi nước của các Ngài. Vì sao? Vì thế giới Ta bà có mười việc thiện pháp mà các cõi Tịnh độ khác không có:

Một, lấy BỐ THÍ đem giúp đỡ kẻ nghèo.

Hai, lấy TRÌ GIỚI đem gương mẫu cho người phạm giới.

Ba, lấy NHẪN NHỤC đem dạy khuyên người hung bạo.

Bốn, lấy TINH TẤN đem gương mẫu cho kẻ biếng lười.

Năm, lấy THIỀN ĐỊNH đem dạy người loạn ý.

Sáu, lấy TRÍ TUỆ đem giáo hóa người ngu si.

Bảy, nói pháp trừ nạn hóa độ người bát nạn.

Tám, lấy Pháp liễu nghĩa đem hóa độ người yêu thích Pháp phương tiện bất liễu nghĩa.

Chín, lấy pháp thiện căn khuyến hóa người vô đức.

Mười, thường lấy pháp Tứ nhiếp dẫn dụ giáo hóa chúng sanh.

8. Các Bồ tát CHÚNG HƯƠNG hỏi: Bồ tát ở trong Ta bà thực hành những pháp gì không bị thương tổn, không mắc mứu để có thể sanh trong Tịnh độ?

Bồ tát Duy Ma Cật đáp: Bồ tát ở cõi này thành tựu được tám pháp thì không bị thương tổn, không bị mắc mứu có thể sanh vào Tịnh độ:

Một, làm lợi ích chúng sanh mà không cầu đền ơn đáp nghĩa.

Hai, thay tất cả chúng sanh gánh chịu những thiệt thòi khổ não.

Ba, làm tất cả công đức lành, nguyện cho chúng sanh hưởng hết.

Bốn, bình dị đơn giản đối với tất cả mọi người, nhún nhường tột thấp mà không mặc cảm tự ti.

Năm, đối với chư Bồ tát xem trọng như Phật.

Sáu, những kinh chưa được nghe thì nghe không nghi ngờ.

Bảy, không khinh chê pháp tu của hàng trung căn, không ganh tị sự thọ hưởng cúng dường của họ, không có ý thu lợi về phần mình, thường tâm niệm việc đó để điều phục tâm ý.

Tám, thường xét lỗi mình không phê cái xấu của người khác, hằng giữ nhất tâm.

Đó là tám pháp làm cho Bồ tát thế giới Ta bà không mắc mứu để có thể sanh sang Tịnh độ.

Bồ tát Duy Ma Cật và Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi ở giữa đại chúng nói thời pháp ấy rồi có vô số hàng người trời phát tâm Bồ đề Vô thượng. Các hàng Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Kinh Duy Ma Cật ba lần hiện bày TỊNH ĐỘ trong PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN. Nói nhất chân người học Phật phải hiểu là pháp giới chỉ có một, toàn thể chỉ có một!

Một là tất cả! Không còn pháp nào khác ngoài ở ngoài pháp giới nhất chân đó. Pháp giới NHẤT CHÂN là pháp giới "Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương"! Về không gian tột mé nghĩ bàn! Về thời gian hết nguồn khái niệm!

Trong "Pháp giới nhất chân" không có vấn đề TỊNH UẾ. Thấy TỊNH thấy UẾ là do người. Vì vậy trong pháp giới không TỊNH UẾ lại có ra TỊNH UẾ.

Lần thứ nhất, ở chương một, trong cõi Ta bà uế độ này đức Phật Thích Ca cho hàng đệ tử thấy và biết rằng: Cõi Ta bà cấu uế đó chính là do tội chướng của các ông, khiến cho cái thấy của các ông đối với cõi Ta bà không thanh tịnh. Ví như trước ánh nắng hòa dịu ấm áp của bầu trời Xuân, với muôn vàn màu sắc của hoa lá thắm tươi rực rỡ, vậy mà những người mù thì chẳng thưởng thức được gì! Không thấy đẹp, không phải vì không có cảnh đẹp. Không thấy TỊNH, không phải quốc độ của Phật Thích Ca không tịnh.

Đó là lần Phật cho đại chúng trong hải hội biết: Ngay nơi UẾ ĐỘ vốn đã có TỊNH ĐỘ. TỊNH ĐỘ không cần phải xuất cảnh rời bỏ UẾ ĐỘ ra đi mới có.

Ở chương này, giới thiệu quốc độ CHÚNG HƯƠNG của Phật Hương Tích.

Phật Hương Tích giáo chủ của thế giới Chúng Hương. Ở đó có thế giới TỊNH ĐỘ. Tịnh độ Chúng Hương, Phật và Bồ tát sử dụng toàn hương. Đất đai, lầu các, vườn rừng, hoa cảnh, cho đến thức ăn đều là hương tất cả. Đức Hương Tích giáo hóa cũng sử dụng hương.

Qua ý nghĩa của sự kiện trên, ta thấy:

a. Nhằm giới thiệu cho đại chúng trong hải hội biết rằng: Ngoài thế giới UẾ ĐỘ còn có thế giới thuần TỊNH ĐỘ trong "Pháp giới NHẤT CHÂN". Tuy nhiên vẫn không ngoài chân lý: TỊNH, UẾ do người!

Thế giới CHÚNG HƯƠNG thuần TỊNH, vì thế giới không có xen tạp cái nhìn của nhục nhãn vốn nhiều tội cấu của phàm phu. Thế giới đó được nhìn qua Tuệ nhãn của thuần là Bồ tát.

b. Nhằm giáo dục cho người đệ tử Phật biết: Lục trần, trần nào cũng có thể làm Phật sự. Lục căn, căn nào cũng có thể khiến cho con người học đạo, hành đạo và chứng đạo được hết.

Đức Phật Thích Ca giáo chủ cõi Ta bà sử dụng "Thanh" giáo hóa chúng sanh làm nên Phật sự.

Đức Phật Hương Tích giáo chủ thế giới Chúng Hương sử dụng "Hương" giáo hóa Bồ tát làm nên Phật sự.

Chúng sanh cõi Ta bà sử dụng "Nhĩ căn" nghe đạo, học đạo, hành đạo và chứng thành đạo quả.

Chúng Bồ tát thế giới Chúng Hương sử dụng "Tỷ căn" ngửi mùi đạo, học đạo, hành đạo và chứng thành đạo quả.

Quán triệt kinh điển Đệ nhất nghĩa, người đệ tử Phật càng thấy nền giáo lý Phật thậm thâm vi diệu.

Với chân lý CHƯ PHÁP TƯƠNG TỨC, NHẤT ĐA TƯƠNG DUNG: Thế giới này cũng là thế giới kia. Thế giới kia cùng thế giới này tuy hai mà một. Đó là ý nghĩa "Chư pháp tương tức"! Bởi vì: Dù thế giới có hai, nhưng hai thế giới vẫn chung cùng trong PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN.

2. Hành xử quán trí thâm ngộ sâu sắc ý nghĩa chư pháp tương tức, nhất đa tương dung, thiền giả sẽ lý giải không hoang đường về sự di chuyển qua lại của đức hóa thân Bồ tát. Vừa đi, đến, vừa làm lễ tác bạch, xin cơm Hương, vừa trở về tịnh thất của Ngài Duy Ma Cật mà chỉ mất trong vài khoảnh khắc!

Nhìn vạn pháp bằng Tuệ nhãn, Huyền Giác Thiền Sư nói: "Giác hậu không không vô đại thiên". Nghĩa là tâm thấy biết của những bậc Đại giác, thì các cõi nước không có ranh giới. Cho nên xa, gần không còn là vấn đề đặt ra để bình luận nữa! Mà:

"NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT THIẾT TỨC NHẤT".

3. Đức Phật Hương Tích dạy: Là Bồ tát thì uy đức tôn nghiêm. Các đặc trưng và thật nghĩa của Bồ tát là phải LÀM NHỮNG VIỆC KHÓ MÀ TẤT CẢ CHÚNG SANH KHÔNG LÀM ĐƯỢC. Chẳng những thế, vì sự nghiệp hóa độ chúng sanh, Bồ tát phục vụ chúng sanh từ cõi nước này sang các cõi nước khác trong mười phương không kể thời gian, năm, tháng...

4. Phật Hương Tích đồng ý các Bồ tát ở quốc độ Chúng Hương đi tham quan cõi Ta bà ra mắt đức Phật Thích Ca với ba điều kiện:

Một, thu nhiếp thân Hương, không nên để chúng sanh cõi Ta bà sanh tâm ái nhiễm khiến cho họ khó tu hành.

Hai, thu thân tướng vĩ đại trang nghiêm, không được để Bồ tát cõi Ta bà mặc cảm tự ti không tốt.

Ba, thấy Phật, thấy Bồ tát, thấy cõi Ta bà không thanh tịnh trang nghiêm nhưng không được khởi ý xem thường!

Đức Phật dạy tiếp:

Bồ tát các ông phải biết: "MƯỜI PHƯƠNG QUỐC ĐỘ ĐỀU NHƯ HƯ KHÔNG. CHƯ PHẬT VÌ GIÁO HÓA CHÚNG SANH HAM ƯA PHÁP NHỎ MÀ KHÔNG HIỆN TRỌN VẸN CÕI NƯỚC THANH TỊNH ĐẤY THÔI".

Qua lời dạy của đức Phật Hương Tích, một lần nữa ta có thể xác định rằng: Quốc độ TỊNH, UẾ là do chúng sanh, chứ không phải quốc độ của chư Như Lai trong mười phương có tịnh có uế.

5. Cơm Hương tượng trưng "Phước đức trí tuệ hương". Của cải vật chất hữu vi dù nhiều đến bao nhiêu, đem phân phát cho ra có ngày phải hết. Phước đức trí tuệ của bậc đầy đủ tột cùng, đem truyền đạt qua bao thời gian, năm, tháng, số người tiếp thu không cần hạn chế, phước đức trí tuệ vẫn không hao mòn giảm thiểu. Tu học theo con đường phước đức trí tuệ của Hương Tích Như Lai tức là tu học PHÁP MÔN VÔ TẬN ĐĂNG của thế giới Chúng Hương truyền đạt cho Bồ tát cõi Ta bà.

6. Đối với bậc lợi căn thượng trí, đức Phật chỉ nói với họ về phước đức, trí tuệ, khinh an, giải thoát, Bồ đề Niết bàn là người trí đã phát tâm hâm mộ...

Với bậc hạ trí độn căn, Phật không muốn dùng lời khổ thiết nặng nề: Ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục... nhưng vì muốn tránh cảnh khổ đó cho chúng sanh, đức Phật bất đắc dĩ phải đem ra sử dụng.

Thật ra, đó chỉ là một phương tiện được xem như những công cụ răn đe những ai không biết sợ tội lỗi là gì!

7. Phật và Bồ tát ở cõi Ta bà, lòng đại bi vô lượng, đức kiên cố vô cùng, ẩn giấu đi sức tự tại giải thoát của mình, làm những việc khó làm nhằm độ thoát chúng sanh cang cường nan điều nan phục. Đó là lời tán thán và kính phục tận đáy lòng của chư Bồ tát quốc độ Chúng Hương.

Bồ tát Duy Ma Cật cho biết, dù vậy nhưng Bồ tát ở cõi Ta bà trên phương diện vun bồi công đức phát huy trí huệ, rèn luyện ý chí lại có nhiều thuận lợi mà các Bồ tát ở các cõi Tịnh độ khác không có.

8. Tuy nhiên, nếu Bồ tát không muốn hành Phật sự, giáo hóa chúng sanh ở cõi Ta bà thì cũng vẫn có những điều kiện để Bồ tát tiến thân sanh sang các Tịnh độ:

Một, thi ân không cần đền trả.

Hai, nếu có điều kiện gánh vác thay cực khổ cho chúng sanh.

Ba, làm điều lợi lành ban tặng cho chúng sanh hết.

Bốn, bình dân giản dị trong cuộc sống, nhún nhường tột thấp mà không tự ti.

Năm, trọng kính Bồ tát như kính Phật.

Sáu, kinh điển Liễu nghĩa Nhất thừa nghe không khiếp sợ.

Bảy, không khinh chê pháp Thanh văn, không tỵ hiềm quyền lợi đối với họ.

Tám, thường quán xét lỗi mình không nói thị phi của người.

Độ sanh, hành đạo Bồ tát tùy ở thệ nguyện và phát tâm. Không ai có quyền ép uổng ai trong nhiệm vụ cao cả thiêng liêng đó. Thấy đủ khả năng, giàu nghị lực thi hành đạo ở cõi Ta bà. Muốn được nhẹ vơi gánh nặng thì cũng tùy nguyện mà sanh sang thế giới khác.

Tuy nhiên, muốn lập công bồi đức thành tựu Vô thượng Bồ đề đều phải có ĐIỀU KIỆN. Thành tựu tám điều kiện đó thì ngay thân này, quốc độ này mà TÂM HỒN ĐÃ GIẢI THOÁT RỖNG RANG. Chính lúc đó là đã sanh sang cõi TỊNH ĐỘ khác rồi!

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT
VIỆC LÀM CỦA BỒ TÁT

1. Đức Phật đang thuyết pháp ở trong khu rừng cổ thụ rộng lớn. Lúc bấy giờ đất bỗng nhiên trở nên rộng rãi bao la khác thường, cành lá rừng cây đổi màu mơn mởn xanh tươi, trăm hoa đua nở rực rỡ sắc màu, lả lướt đong đưa trong làn gió nhẹ, cảnh vật tựa như hân hoan chào đón… Tất cả đại chúng trong hải hội đều trở thành màu hoàng kim rạng rỡ hào quang.

Thấy hiện tượng lạ, thầy A Nan thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà cảnh vật trong rừng có hiện tượng lạ thế kia. Đất của khu rừng bỗng nhiên rộng rãi bao la, cây cối xanh tươi, trăm hoa rực rỡ sắc màu, mọi vật có vẻ như hân hoan khác lạ. Đại chúng trong hải hội đều trở thành một màu hoàng kim rực rỡ.

Đức Phật bảo thầy A Nan: Hiện giờ Bồ tát Duy Ma Cật và Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cùng đại chúng đang phát khởi ý muốn đến ra mắt ta. Họ đang cung kính đi nhiễu quanh trước khi đến đây cho nên có hiện tượng kỳ lạ này.

2. Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật nói với Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi rằng: Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn! Nhân cơ hội cúng dường đức Phật.

Đại Trí Văn Thù Sư Lợi nói: Ý kiến rất hay! Thật là đúng lúc. Vậy chúng ta nên cùng đi.

Bấy giờ Bồ tát Duy Ma Cật bèn vận dụng sức thần phương tiện như mộng như huyễn của lòng từ bi dời tất cả đại chúng, trong lúc mọi người vẫn ngồi trên tòa sư tử, để lên bàn tay phải của mình sang đến chỗ Phật. Đến nơi để xuống dưới đất. Bồ tát Duy Ma Cật đê đầu, lễ dưới chân Phật, đi hữu nhiễu bảy vòng, chấp tay cung kính đứng qua một phía.

Các Bồ tát, hàng đệ tử Thanh văn tất cả rời khỏi tòa ngồi, dập đầu lễ dưới chân đức Phật cùng đi hữu nhiễu bảy vòng và đứng sang một phía.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn tỏ lời thăm hỏi trong đạo tình thân thiết đối với toàn thể đại chúng và bảo mọi người hãy trở lại an tọa bản tòa.

Đức Phật bảo thầy Xá Lợi Phất rằng:

- Xá Lợi Phất! Thầy đã thấy sức thần phương tiện tự tại của bậc Đại sĩ Bồ tát làm rồi chứ?

- Dạ! Bạch Thế Tôn, con đã thấy. Thầy Xá Lợi Phất thưa.

- Ý thầy thế nào? Phật hỏi.

- Bạch Thế Tôn! Thầy Xá Lợi Phất thưa. Con thấy việc làm của Bồ tát khó có thể nghĩ bàn, vượt ngoài sự suy lường của tâm, sự nghĩ ngợi của ý.

3. Bấy giờ, thầy A Nan đứng lên hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Hôm nay trong bầu không khí của hải hội có mùi hương kỳ diệu mà trước đây chưa từng có, chúng con không biết đó là thứ hương chi!

Phật bảo: Đó là mùi hương phát ra từ lỗ chân lông của các Bồ tát vừa mới đến.

Thầy Xá Lợi Phất nói với thầy A Nan: Từng lỗ chân lông của tôi cũng phát ra mùi hương ấy.

- A Nan hỏi: Do đâu Ngài có được mùi hương ấy?

- Do Bồ tát Duy Ma Cật xin được cơm dư của Phật Hương Tích ở nước Chúng Hương đem về tịnh thất của ông. Những ai được ăn cơm ấy, từng lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế.

- Mùi hương ấy có thể giữ lại trong người bao lâu mới hết?

- Cho đến khi nào cơm tiêu thì mùi hương mới hết.

- Cơm ấy bao lâu mới tiêu?

- Thế lực của cơm này sau bảy ngày mới tiêu, thưa Ngài A Nan! Nếu hàng trung căn chưa chứng nhập chánh vị, ăn cơm này đến khi được nhập chánh vị cơm mới tiêu. Nếu đã nhập chánh vị, ăn cơm này đến khi

tâm được giải thoát cơm mới tiêu. Nếu chưa phát ý Vô thượng Bồ đề, ăn cơm này đến khi phát ý cơm mới tiêu. Đã phát ý Vô thượng Bồ đề, ăn cơm này đến khi được Vô sanh pháp nhẫn cơm mới tiêu.

Thầy A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, cơm này có thể làm nên Phật sự.

4. Đức Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! A Nan! Có cõi lấy ánh hào quang Phật làm Phật sự. Cõi lấy Bồ tát làm Phật sự. Cõi lấy hóa nhân Phật làm Phật sự. Cõi lấy cây Bồ đề làm Phật sự. Cõi lấy y phục ngọa cụ của Phật làm Phật sự. Cõi lấy cơm ăn làm Phật sự. Cõi lấy vườn rừng, đài quán làm Phật sự. Cõi lấy thân Phật làm Phật sự. Cõi lấy hư không làm Phật sự. Cõi lấy chiêm bao, huyễn ảo, âm vang, hình trong gương, trăng trong nước, bóng giả mả… các thí dụ như thế làm Phật sự. Cõi lấy âm thanh, ngữ ngôn, văn tự làm Phật sự. Cõi lấy quốc độ thanh tịnh bằng bặc vô ngôn, vô thuyết, vô thị, vô thức, vô tác, vô vi mà làm Phật sự.

Như thế đấy A Nan! Nhất nhất oai nghi, đi đứng tới lui, động tịnh của chư Phật không một cử chỉ nào không làm nên Phật sự.

Đức Phật dạy tiếp:

Này A Nan! Có cõi Phật dùng cả tứ ma, dùng cả tám mươi bốn ngàn phiền não trần lao! Đối với những thứ đó chúng sanh cho là những thứ phiền lụy, khổ đau, mỏi mệt. Thế mà chư Phật lại lấy đó mà làm nên Phật sự. Làm được những việc như thế, gọi đó là thể

nhập NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT PHÁP MÔN. Bồ tát thể nhập pháp môn đó, thấy tất cả cõi Phật thanh tịnh đẹp đẽ cũng không lấy làm mừng, không khởi ý tham cầu, không móng tâm cao ngạo. Thấy cõi Phật không thanh tịnh cũng không bị ám ảnh ưu tư, không ngại ngùng khởi tâm trốn tránh. Lúc nào cũng vững tâm thanh tịnh đối với chư Phật, hoan hỉ cung kính như được cái chưa từng có. Vì biết rằng: Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng. Chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà hiện cõi Phật không giống nhau.

5. A Nan! Đất đai cõi nước của chư Phật có giới hạn mà hư không thì không có giới hạn. Cũng vậy, nhìn thấy sắc thân của chư Phật có giới hạn mà trí tuệ vô ngại của chư Phật thì không có giới hạn.

A Nan! Sắc thân của chư Phật oai nghi, tướng hảo, chủng tánh Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Thập lực, Tứ vô úy, Thập bát bất cộng pháp, Đại từ, Đại bi oai nghi sở hành, thọ mạng, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ... Các phương tiện để thành tựu Phật pháp trọn vẹn thì đều bình đẳng giống nhau. Vì thế cho nên gọi là Chánh giác, gọi là Chánh biến tri giác, gọi là Vô thượng chánh biến tri giác.

A Nan! Nếu Như Lai nói rộng về ba cú nghĩa đó, thầy dù đem tuổi thọ của một đời cũng không thể nào tiếp thu hết được. Giả sử chúng sanh có khiếu đa văn đệ nhất như A Nan, được chánh niệm có sức tổng trì, những người đó dùng trọn đời thọ mạng cũng không

lãnh hội được hết. Như thế đó A Nan! Vô thượng chánh biến tri giác của chư Phật không có hạn lượng, trí tuệ biện tài không thể nghĩ bàn.

6. A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau con không còn dám nghĩ mình đa văn nữa!

Phật bảo: A Nan! Thầy đừng suy thoái ý chí như thế. Từ trước Như Lai vẫn nói thầy là đa văn đệ nhất đó chứ, nhưng đệ nhất trong hàng Thanh văn, không phải đệ nhất với hàng Bồ tát. Thầy hãy an tâm đi! Là người có trí không ai so lường trí tuệ của các hàng Bồ tát! Tất cả vực sâu, biển cả còn có thể đo lường, chứ thiền định, trí tuệ biện tài, sức tổng trì và công đức của chư Bồ tát thì không thể lường hết.

A Nan! Thầy hãy gác qua những việc làm của Bồ tát, đừng nghĩ ngợi so bì nữa! Sức thần phương tiện như huyễn của ông Duy Ma Cật chừng một giờ thôi, tất cả hàng trung căn thượng trí muốn làm được như vậy dù trải qua bao nhiêu đời cũng không làm sao bằng được.

7. Các Bồ tát từ thế giới Chúng Hương đến dự, lúc bấy giờ chấp tay bạch với đức Phật:

Bạch Thế Tôn! Khi mới đến cõi này, thoạt đầu chúng con có ý hơi xem thường. Giờ đây chúng con rất ăn năn tự trách và ý nghĩ đó không còn, vì chúng con hiểu rằng phương tiện của chư Phật không thể nghĩ bàn! Vì độ chúng sanh tùy phước đức và căn cơ của họ mà ứng hiện cõi nước Phật có khác.

Dạ! Kính bạch Thế Tôn! Chúng con mong mỏi Thế Tôn cho chúng con xin một lời dạy, để khi trở về cõi nước Chúng Hương, chúng con được nhớ Như Lai mãi mãi.

8. Phật dạy: Này các Bồ tát! Như Lai có pháp môn HỮU TẬN VÔ TẬN GIẢI THOÁT, các ông nên học.

Hữu tận tức là Hữu vi pháp.

Vô tận tức là Vô vi pháp.

Phàm là Bồ tát, phải tu học BẤT TẬN HỮU VI, BẤT TRỤ VÔ VI!

BẤT TẬN HỮU VI, nghĩa là: Bồ tát không rời tâm Đại từ. Không gián đoạn lòng Đại bi. Phát tâm cầu Nhất thiết trí sâu sắc, tâm không xao lãng. Giáo hóa chúng sanh không nài mỏi mệt. Đối với pháp Tứ nhiếp thường nhớ nghĩ làm theo. Hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng. Trồng các căn lành không biết mỏi mệt. Tâm thường an trú trong các phương tiện, ý chí hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Cầu pháp không giải đãi. Thuyết pháp không lẫn tiếc. Vào sanh tử không sợ. Được vinh quang không vui mừng kiêu hãnh. Bị khổ nhục không buồn bã nản lòng. Không khinh người chưa học. Kính người học như kính Phật. Ai sa vào phiền não khiến cho họ phát khởi chánh niệm. Viễn ly được dục lạc không lấy đó làm tự hào. Mình được vui không luyến ái đam mê. Người được vui khởi tâm vui mừng tùy hỷ. Tâm trụ thiền định mà khởi tưởng như ở địa ngục. Ở trong sanh tử, khởi tưởng như đang dạo

chốn hoa viên. Có người đến cầu pháp, khởi tưởng như vị thầy tốt. Xả bỏ hết sở hữu, khởi tưởng thành tựu Nhất thiết trí. Thấy người hủy phạm điều răn, khởi tưởng cứu hộ. Các Ba la mật, khởi tưởng như cha mẹ. Những pháp trợ đạo phẩm, khởi tưởng như quyến thuộc. Trồng các căn lành không hạn chế. Dùng những việc trang nghiêm tịnh Phật quốc độ, xây dựng Phật độ cho mình. Thực hành bố thí Ba la mật. Trừ bỏ tất cả hành vi ác để thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Dù trong sanh tử ý chí vẫn tích cực lạc quan. Dùng gươm trí tuệ đánh dẹp giặc phiền não. Hằng ở trong giải thoát. Dùng sức đại tinh tấn hàng phục ma quân. Thường trụ trong chánh niệm mong được trí tuệ thật tướng. Thực hành thiểu dục tri túc mà không rời bỏ pháp thế gian. Không sai trái oai nghi mà có thể tùy thuận việc làm thế tục. Trụ trong chánh pháp được sức tổng trì. Nghe học chân lý thường không quên sót. Khéo phân biệt căn tánh, cắt đứt mọi nghi ngờ của chúng sanh trong những điều nghi vấn. Lạc thuyết biện tài, nói pháp không mâu thuẫn trước sau. Hành Thập thiện trong sáng, hưởng thụ phước báu nhân thiên. Khuyến khích thuyết pháp, tùy hỷ mọi việc lành. Được âm thanh thánh thiện, thân khẩu ý đều lành. Được oai nghi Phật tu sâu Thiện pháp.

Thực hành tốt những điều như thế, gọi là Bồ tát BẤT TẬN HỮU VI.

9. Bồ tát BẤT TRỤ VÔ VI, nghĩa là Bồ tát tu học vạn pháp giai không mà không lấy cái KHÔNG làm mục tiêu đối tượng chứng đắc. Tu học vạn pháp vô

tướng, vô tác mà không lấy vô tướng, vô tác làm đối tượng sở chứng, sở đắc. Tu học vạn pháp vô khởi mà không lấy vô khởi làm đối tượng chứng đắc. Bồ tát quán vô thường mà làm tất cả việc lành không hề có chán ngán. Quán thế gian khổ mà không oán ghét sanh tử. Quán vô ngã mà hết sức tinh tấn trong việc giáo hóa con người. Quán bản thể của vạn pháp tịch diệt mà không mong cầu vĩnh viễn diệt như hư không. Quán viễn ly mà thân tâm luôn luôn trụ trong thiện pháp. Quán vạn pháp không có chỗ về mà quy về thiện pháp. Quán vạn pháp vô sanh mà lấy pháp sanh để gánh vác tất cả. Quán cảnh giới vô lậu mà không dứt hẳn các lậu. Quán vạn pháp vô hành mà lấy pháp hành giáo hóa chúng sanh. Quán rỗng không, không có gì, mà không rời bỏ đại bi. Quán vạn pháp hư vọng không bền chắc, không người, không chủ, không tướng; nhưng bổn nguyện chưa tròn thì đối với phước đức, thiền định, trí tuệ lại là việc bất hư.

Tu học những pháp như thế gọi là BỒ TÁT BẤT TRỤ VÔ VI.

Vì sự nghiệp phước đức đầy đủ, Bồ tát không trụ vô vi. Vì sự nghiệp trí tuệ đầy đủ, Bồ tát không rời bỏ hữu vi.

Vì đại từ bi không trụ vô vi. Vì trao truyền thuốc pháp không rời bỏ hữu vi.

Vì biết bệnh chúng sanh không trụ vô vi. Vì trừ diệt bệnh chúng sanh không rời bỏ hữu vi.

Này các chánh sĩ! Đức Phật dạy tiếp: Bồ tát thực hiện những pháp "Bất tận hữu vi, bất trụ vô vi", cũng gọi là "TẬN VÔ TẬN GIẢI THOÁT PHÁP MÔN". Các vị hãy theo đó mà tu học!

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Trong các kinh điển Phật giáo, ĐẤT thường được đem ví dụ cho TÂM chúng sanh. Vì vậy, kinh điển khi nói đến tâm hay dùng qua cái từ TÂM ĐỊA.

"Chúng sanh chi tâm du như ĐẠI ĐỊA. Ngũ cốc ngũ quả tùng ĐẠI ĐỊA sanh. Như thị, tâm pháp sanh thế xuất thế, ngũ thú thiện ác. Hữu học, Vô học, Độc giác, Bồ tát cập ư Như Lai. Dĩ thử nhân duyên, Tam giới duy tâm. Tâm danh vi địa", có nghĩa là: Tâm chúng sanh được ví như đất. Vì tâm có thể sanh ra pháp thiện, pháp ác. Có thể tạo ra trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Có thể tạo ra Hữu học, Vô học, Độc giác, Bồ tát. Thậm chí làm nên địa vị Như Lai. Do vậy ví tâm qua cái từ TÂM ĐỊA.

Trong bối cảnh khu rừng cổ thụ xuất hiện những hiện tượng kỳ lạ tươi đẹp, đức Phật dạy cho thầy A Nan và đại chúng biết: Đây là hiện tượng Bồ tát Duy

Ma Cật và các Bồ tát Định Ý đang chuẩn bị đến ra mắt vấn an TA.

Sự thật là thế đó! Vùng đất nào mà Bồ tát đã đến, đang đến, hay sẽ đến đều có hiện tượng đẹp như vậy. Ý Phật muốn dạy cho chúng sanh rằng: Tâm địa của ai vừa nghĩ lành, làm lành, nói lành như hạnh lành của Bồ tát; hoặc đã làm, đang làm, hay sẽ làm, tự khắc TÂM ĐỊA của người đó chuyển thành hiện tượng đẹp vui, thanh thoát như bối cảnh hoàng kim của khu rừng tươi đẹp ấy!

2. Bồ tát Duy Ma Cật "di chuyển" mấy muôn ngàn Bồ tát vẫn ngồi yên trên tòa sư tử, từ vị trí tịnh thất của ông sang địa điểm chỗ Phật trên một bàn tay... Thâm nghĩa của bài kinh nhằm dạy cho Thiền giả vận dụng quán trí, tư duy về vạn pháp qua mấy khía cạnh sau đây:

Phải hiểu rõ chân lý: CHƯ PHÁP TƯƠNG TỨC.

Phải tư duy sâu sắc chân lý: NHẤT ĐA TƯƠNG DUNG.

Phải nhận thức vạn pháp với dạng: QUẢNG HIỆP TỰ TẠI.

Nắm vững chân lý: NHÂN ĐÀ LA VÕNG.

Phải đứng trên lập trường quan điểm đó, người đệ tử Phật sẽ tỏ ngộ chân lý. Sự tu hành sẽ có kết quả thiết thực, đem lại sự khinh an giải thoát từng phần trong cuộc sống hiện đời. Bằng ngược lại "Y văn giải

nghĩa tam thế Phật oan", dù có khéo nói vạn ngữ thiên ngôn, thực chất chỉ là người giàu óc hoang đường, nghe chuyện hoang đường và sống để nói chuyện hoang đường!

3. Ở cõi Ta bà đức Phật Thích Ca Mâu Ni sử dụng "Thanh" làm Phật sự trong việc giáo hóa chúng sanh. Những chúng sanh "hữu duyên" được nghe chánh pháp, hành chánh pháp và truyền bá chánh pháp thì quyết định sự giải thoát giác ngộ từng bước mà tiến theo tiến trình tu học của mình. Phật chủng đó tồn tại mãi mãi trên tiến trình ấy và cứ nhân lên mãi cho đến ngày thành tựu quả Vô thượng Bồ đề.

Khác đức Phật Thích Ca, đức Phật Hương Tích sử dụng "Hương" làm Phật sự trong việc hóa độ chúng Bồ tát. Những chúng sanh nào "hữu duyên" được thọ dụng "Hương" và kết quả đem lại cũng giống nhau, nghĩa là sự giải thoát giác ngộ cũng từng bước mà tiến theo tiến trình tu học của mình. Phật chủng đó tồn tại mãi cho đến ngày thành tựu quả Vô thượng Bồ đề.

"Thanh" hay "Hương" chỉ là phương tiện mà thôi.

4. Hơn thế nữa, CĂN, TRẦN, THỨC, ĐẠI đều là dữ kiện thành tựu Vô thượng Bồ đề. Có cõi Phật cũng dùng phiền não trần lao làm Phật sự. Làm được những việc như thế gọi là người thể nhập NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT PHÁP MÔN.

5. Phật quả có thể gọi qua ba danh hiệu: CHÁNH GIÁC, CHÁNH BIẾN TRI GIÁC, VÔ THƯỢNG CHÁNH BIẾN TRI GIÁC. Ba cú nghĩa đó không thể dùng ngôn từ diễn đạt hết trí tuệ và biện tài của một đấng Như Lai Thế Tôn Vô thượng.

Sự mãn ý của con người tràn đầy hạnh phúc thế gian còn không sao tả nổi, huống hồ sự giải thoát giác ngộ Vô thượng của một đấng Như Lai!

Người nói vận dụng ngôn từ ngày này sang ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm nọ cũng không diễn tả hết, thì người nghe dù có đa văn đến cỡ nào cũng không sao nghe được trọn nghĩa của vấn đề. "Như nhân ẩm thủy, lãnh noản tự tri" là vậy!

6. Thầy A Nan đã có cơ hội đánh giá nhận xét và so sánh trí tuệ của những thành phần hạ căn, trung căn và thượng căn điều đó rất quý. Tuy nhiên thầy A Nan thoái chuyển tự ti thì lại bị Phật quở trách! Phật nói: "Từ lâu Như Lai vẫn khen thầy là "đa văn" đấy chứ! Có phải do thầy tự mãn tự thị gì đâu. Nhưng trí "đa văn" của thầy chỉ sánh với các hàng căn cơ bậc trung. Với trí tuệ và đa văn của những bậc thượng thì không nên so sánh để rồi buồn nản thoái thoát đạo tâm là việc không nên".

7. Các Bồ tát cõi nước Chúng Hương khi mới đặt chân đến cõi Ta bà, thoạt đầu có ý niệm xem thường, điều đó Như Lai không hề trách. Vì trình độ nhận thức của họ chỉ thông qua cái nhìn của Tuệ nhãn thì làm

sao bảo họ thấy biết được cõi nước thanh tịnh của chư Phật trong mười phương.

Chẳng những không trách mà còn khen, vì sau đó chư Bồ tát Chúng Hương ăn năn về sự thấy biết thiển cận của mình!

8. Đức Phật dạy chư Bồ tát Chúng Hương pháp môn HỮU TẬN VÔ TẬN GIẢI THOÁT. Ý Phật dạy rằng: Là một Bồ tát thì phải thực hiện pháp môn đó suốt tiến trình tu tập của mình.

HỮU TẬN có nghĩa là Bồ tát không được từ bỏ pháp HỮU VI. Dù biết các pháp Hữu vi như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh...

VÔ TẬN có nghĩa là Bồ tát không được bám trụ pháp VÔ VI. Dù pháp Vô vi đó là phước đức, là trí tuệ, là Niết bàn, là Bồ đề, là Chân như, là thật tướng.

9. Pháp VÔ VI được xem là đích đến của người tu hành Phật đạo. Tuy nhiên dù ĐẾN mà không được dùng tâm "bám trụ", khởi ý "đam mê"!

Nếu bám trụ đam mê thì pháp Vô vi lại trở thành điều kiện buộc ràng. Người giải thoát bấy giờ tự đánh mất tánh chất giải thoát của mình. Bởi vì cố bám trụ, cố giữ lấy là do sợ mất! Cái người ta sợ mất vì cái đó có thể mất! Có thể mất thì có ngày sẽ mất! Cho nên bám trụ đam mê cái của nợ như thế thì tự nó trở thành nguyên nhân đau khổ, tự nó không còn VÔ VI PHÁP nữa!

Vì vậy là một Bồ tát trong quá trình, cũng như trên tiến trình tu tập phải học pháp BẤT TRỤ VÔ VI!

*

* *

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

THẤY VÔ ĐỘNG NHƯ LAI VÀ THẾ GIỚI DIỆU HỶ

1. Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi Bồ tát Duy Ma Cật rằng: Muốn thấy một Như Lai, ông phải quán sát như thế nào để được thấy?

Bồ tát Duy Ma Cật đáp: Bạch Thế Tôn! Muốn thấy Như Lai con vận dụng pháp quán chiếu y như quán thật tướng của chính mình. Con quán Như Lai thời gian trước không có đến, thời gian sau không có đi, thời hiện tại không trụ. Quán Như Lai con không dựa trên sắc, cũng không dựa trên thể chân như của sắc, không dựa trên tánh của sắc. Thọ, tưởng, hành cũng vậy. Cũng không dựa trên thể chân như của thức, không dựa trên tánh của thức. Vì Như Lai không do thất đại khởi sanh. Như Lai giống như hư không, nhưng không phải hư không. Như Lai không tương quan với lục nhập và vượt ngoài nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Như Lai không ở trong Tam giới, xa lìa ba cấu, thuận theo Tam giải thoát môn. Như Lai đầy đủ tam minh, bình đẳng với vô minh. Như Lai không phải tướng một, không phải tướng khác, không phải tướng tự, không phải tướng tha, không phải tướng hữu. Như

Lai không phải bờ bên này, không phải bờ bên kia, cũng không phải giữa dòng mà vẫn thành tựu nhiệm vụ giáo hóa chúng sanh. Quán Như Lai tịch diệt mà không vĩnh viễn vắng lặng. Như Lai không kia, không đây, không lấy kia, không lấy đây. Như Lai không thể dùng trí mà nhận biết, không thể dùng thức mà phân biệt. Như Lai không phải là tối, mà cũng không phải là sáng. Như Lai không tên, không tướng, không mạnh, không yếu, không tịnh, không uế. Như Lai không ở trong phương hướng, mà cũng không rời phương hướng. Không phải hữu vi, cũng không phải vô vi. Không thể chỉ bày, không thể diễn nói. Như Lai không phải bố thí cũng không phải xan lẫn; không phải trì giới, không phải phạm giới; không phải nhẫn nhục, không phải sân nộ; không phải tinh tấn, không phải giải đãi; không phải định tâm, không phải loạn ý; không phải trí tuệ mà không phải ngu si. Như Lai không thật mà không dối, không đến cũng không đi, không ra cũng không vào. Tất cả ngữ ngôn không thể diễn đạt thấu đáo cú nghĩa Như Lai.

Như Lai không phải phước điền, không phải không phước điền. Không phải bậc nên cúng dường, không phải không cúng dường. Không phải lấy, không phải bỏ. Không phải tướng có, cũng không phải tướng không.

Quán Như Lai hòa đồng chân lý, bình đẳng như pháp tánh, không thể cân, không thể lường, vượt quá cân lường. Như Lai không lớn mà cũng không phải

nhỏ. Như Lai không thể dùng cái thấy để thấy, không thể dùng cái nghe để nghe, không thể dùng tri giác để khái niệm, không thể dùng tri thức để nhận biết. Như Lai rời ngoài các ràng buộc, đồng với các trí, bình đẳng như chúng sanh, đối với các pháp không có sự phân biệt. Như Lai đối với tất cả không lỗi, không trược cấu, không não phiền. Như Lai không có tác giả, không có mới khởi đầu, không sanh không diệt, không có sợ không có lo, không mừng không nản, không phải đã có, không phải sẽ có, không phải đang có, không thể dùng lời lẽ diễn đạt hay chỉ bày.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát Duy Ma Cật thưa: Thân Như Lai là thế đấy. Quán Như Lai phải quán như thế đấy. Do quán như thế mà con thật thấy Như Lai. Người nào quán Như Lai như thế gọi là quán đúng, nếu quán khác là quán sai không thể thấy Như Lai đích thực.

2. Bấy giờ, thầy Xá Lợi Phất hỏi Bồ tát Duy Ma Cật: Thưa Ngài Duy Ma Cật! Ngài mất ở cõi nào mà lại sanh đến thế giới Ta bà này?

Ông Duy Ma Cật hỏi lại:

- Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Pháp thân Ngài chứng đắc có mất và có lai sanh chăng?

- Pháp mà tôi chứng đắc không có lúc nào mất và cũng chẳng có lúc nào lai sanh. Thầy Xá Lợi Phất đáp.

- Nếu các pháp không có tướng mất và tướng lai sanh. Vậy cớ sao Ngài hỏi tôi rằng: Ngài mất từ cõi

nào lai sanh đến thế giới này? Xá Lợi Phất! Ngài nghĩ thế nào? Ví như huyễn thuật sư làm ra người nam hay nữ, vậy những con người đó có mất có lai sanh không?

- Không có mất và không có sanh.

- Xá Lợi Phất! Ngài há chẳng nghe Phật dạy: Các pháp, tướng của nó như huyễn chăng?

- Đúng vậy, tôi có nghe!

- Nếu tất cả pháp, tướng như huyễn, thì tại sao Ngài hỏi tôi mất ở thế giới nào lai sanh đến cõi này?

- Này! Ngài Xá Lợi Phất! Mất là cái tướng tan rã của pháp hư dối, sanh là cái tướng tương tục của các pháp hư dối. Bồ tát dù mất mà không dứt hết gốc lành, dù sanh mà không cho sanh trưởng giống ác.

3. Bấy giờ đức Phật bảo thầy Xá Lợi Phất rằng: Có cõi nước tên Diệu Hỉ, đức Phật hiệu Vô Động là giáo chủ. Bồ tát Duy Ma Cật từ cõi nước đó mất mà lai sanh đến cõi này.

Thầy Xá Lợi Phất nói: Thật là việc chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Bồ tát Duy Ma Cật lại có thể bỏ quốc độ thanh tịnh, đến cõi Ta bà để vui nhận ở nơi cảnh giới có nhiều sân nộ và ác hại này!

Ông Duy Ma Cật bảo: Xá Lợi Phất! Ngài nghĩ thế nào? Lúc mặt trời soi sáng, có cùng bóng tối hợp nhau chăng?

- Không. Khi mặt trời soi sáng thì không còn tối được nữa.

- Đúng vậy, thưa Ngài Xá Lợi Phất! Hễ ánh sáng soi thì bóng tối diệt. Bồ tát dù sanh ở cõi Phật không thanh tịnh là vì mục đích giáo hóa chúng sanh nhưng không thể hợp chung với những gì tối tăm ngu độn. Ngược lại, Bồ tát dạy cho chúng sanh diệt hết phiền não của họ mà thôi.

4. Bấy giờ đại chúng khát ngưỡng muốn thấy thế giới Diệu Hỉ và đức Vô Động Như Lai cùng chư Bồ tát, Thanh văn cõi ấy.

Đức Phật biết ý niệm của đại chúng bèn gọi ông Duy Ma Cật bảo:

- Thiện nam tử! Đại chúng trong hải hội này muốn thấy đức Vô Động Như Lai và cõi nước Diệu Hỉ cùng chư Bồ tát, Thanh văn ở thế giới kia. Ông hãy giúp cho hải hội hiện tiền đều được thấy.

Bồ tát Duy Ma Cật nghĩ bụng rằng: Ta sẽ không rời khỏi chỗ này tiếp nhập thế giới Diệu Hỉ đem về đây. Ta sẽ dời tất cả núi lớn, núi nhỏ, biển cả, sông ngòi, nguồn lạch, suối khe, mặt trời, mặt trăng, các tinh tú. Tiếp nhập các chúng Bồ tát, Thanh văn, cả thành ấp, tụ lạc, nam nữ lớn nhỏ. Tiếp thỉnh đức Vô Động Như Lai, cây Bồ đề và các Diệu Liên Hoa và những người có thể làm Phật sự trong mười phương. Tiếp nhập ba đường hành lang báu.

Ta sẽ tiếp thụ trên từ cõi Sắc cứu cánh, dưới tột mé thủy luân để lên tay mặt của ta y như người thợ gốm ngắt bớt một mẫu đất thừa. Dời tất cả những cảnh giới gần xa, đem về sáp nhập thế giới này như cầm một tràng hoa đẹp trên tay, giới thiệu chỉ bày cho toàn thể đại chúng trong hải hội.

Ông Duy Ma Cật nghĩ như thế rồi liền nhập tam muội hiện sức thần phương tiện như huyễn của bi tâm, dùng tay mặt cắt lấy thế giới Diệu Hỉ đem về sáp nhập vào cõi Ta bà.

Những hàng Bồ tát, Thanh văn, người trời đồng thanh cầu cứu: Thế Tôn! Ai lấy chúng con đem đi? Mong Phật cứu hộ!

Đức Vô Động Như Lai nói: Việc đó không phải ta làm, mà do sức thần phương tiện của Bồ tát Duy Ma Cật. Ông ấy đang làm chuyện đó để phục vụ khai ngộ và giáo hóa chúng sanh.

Thế giới Diệu Hỉ dù được đem sáp nhập cõi Ta bà mà thế giới Ta bà không bị giãn rộng ra, thế giới Diệu Hỉ không vì vậy mà bị tóp hẹp lại. Vị trí của mọi vật vẫn y nhiên không thay đổi một mảy may nào.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo toàn thể đại chúng trong hải hội:

Toàn thể đại chúng trong hải hội đã được thấy thế giới Diệu Hỉ và thấy đức Vô Động Như Lai rồi chứ? Các vị đã thấy sự trang nghiêm đẹp đẽ huy hoàng tráng

lệ của thế giới Diệu Hỉ chứ? Các vị thấy Bồ tát và Thanh văn chúng cõi kia tịnh hạnh và thanh bạch chứ?

Toàn thể đại chúng đồng thanh bạch Phật:

Dạ! Chúng con đều đã thấy.

Đức Phật dạy: Nếu Bồ tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như vậy, cần phải học theo con đường hành đạo của đức Vô Động Như Lai.

Trong lúc thế giới Diệu Hỉ hiện hữu, cõi Ta bà có rất đông người phát tâm Vô thượng Bồ đề muốn sanh sang thế giới Diệu Hỉ của đức Vô Động Như Lai.

5. Bấy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni hứa khả: "Tất cả các vị muốn sanh sang cõi nước kia đều sẽ được như nguyện".

Trong những giờ phút thế giới Diệu Hỉ hiện hữu ở cõi Ta bà, tác động vào tâm lý, kích khởi thiện căn của chúng sanh hữu duyên đem lại nhiều lợi lạc. Sự kiện ấy trôi qua, tất cả đại chúng đều thấy cảnh giới Ta bà bỗng nhiên trở về trạng thái cũ.

6. Đức Phật bảo: Xá Lợi Phất! Thầy đã thấy thế giới Diệu Hỉ và đức Vô Động Như Lai rồi chứ?

Xá Lợi Phất thưa: Dạ, con đã thấy! Bạch Thế Tôn! Con mong muốn cho tất cả chúng sanh được cõi nước thanh tịnh trang nghiêm như cõi nước của đức Vô Động Như Lai và có sức thần bất tư nghì như Bồ tát Duy Ma Cật vậy. Con cũng mong cho mọi người có đủ

duyên lành thân cận cung dưỡng để được nhiều lợi lạc. Con nghĩ rằng:

Những chúng sanh hiện tại hoặc sau Phật diệt độ được nghe kinh này sẽ được lợi ích khó nghĩ bàn. Nghe rồi tin hiểu, giảng thuyết, đúng như pháp tu hành, người đó được xem như trong tay đã cầm giữ được kho tàng pháp bảo của Như Lai. Người như thế là cúng dường pháp! Mà cúng dường pháp, tức là cúng dường Phật!

Người biên chép diễn giải kinh này, phải biết chỗ ở của họ có Phật. Ai nghe kinh này mà khởi tâm tùy hỷ, không lâu sẽ thành tựu Nhất thiết trí. Nghe kinh này tin hiểu chừng một bài kệ bốn câu, vì người khác truyền đạt ý kinh, phải biết đó là người đã được Như Lai ấn chứng thành tựu quả Vô thượng chánh biến tri giác rồi!

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Đáp câu hỏi của đức Phật, Bồ tát Duy Ma Cật nói: Muốn thấy Như Lai phải QUÁN!

Quán tức là "quán chiếu", nghĩa là: Phải dùng trí mà soi rọi vào nội tâm. Biến cái thấy trở thành cái thấy bằng trí, không sử dụng cái thấy của mắt và con ngươi. Phải sử dụng "quán trí" mới có cơ hội thấy "Như Lai thật".

Thấy Như Lai thật nghĩa phải hiểu rõ về NHƯ LAI PHÁP THÂN, mới là người thật thấy Như Lai. Vì vậy muốn thấy NHƯ LAI phải QUÁN. Quán giống như quán THẬT TƯỚNG của tự thân.

Nên biết, mọi người ai cũng có THẬT TƯỚNG như Phật, Phật nào cũng có PHÁP THÂN. Con người là "hiện tượng tùy duyên" của thật tướng. Thật tướng là "bản thể bất biến" của con người. Phật cũng vậy.

Cái tự tánh thanh tịnh bản nhiên ở giai đoạn con người chưa giác ngộ giải thoát, gọi là THẬT TƯỚNG của tự thân. Cái tự tánh thanh tịnh bản nhiên sau khi con người giác ngộ giải thoát, gọi là PHÁP THÂN.

Vì vậy thấy được THẬT TƯỚNG của tự thân, đồng nghĩa THẤY NHƯ LAI PHÁP THÂN PHẬT.

Vì vậy, NHƯ LAI không phải SẮC, không phải THỌ, TƯỞNG, HÀNH, THỨC, không phải thất đại, không phải hư không, không phải lục nhập, vượt ngoài nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Như Lai đầy đủ tam minh, bình đẳng với vô minh. Như Lai hòa đồng chân lý, bình đẳng với Pháp tánh. Như Lai "Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ", Như Lai thọ

lượng vô thỉ vô chung... Quán Như Lai như vậy là người thật thấy Như Lai!

2. Chết sống, mất còn, sanh diệt là cái tướng đối tượng thấy của "nhục nhãn" dựa trên hiện tượng vạn pháp hữu vi.

Sử dụng "Tuệ nhãn" Bồ tát thấy tột bản thể thì sự sanh diệt, sống chết, mất còn không còn là vấn đề đáng nêu ra để vấn đáp. Càng hỏi kỹ, chứng tỏ trình độ tu học, trình độ nhận thức chân lý càng non nớt nhiều.

Với "Tuệ nhãn" của Bồ tát, CHẾT chỉ là cái tướng "tan rã" của các pháp "Hữu vi hư huyễn". SANH chỉ là cái tướng "tương tục" của các pháp "Hư huyễn hữu vi". Chẳng có gì quan trọng đối với người trí trong việc sống chết, sanh diệt, mất còn.

Cũng như sự "chứng đắc", thực ra có "CHỨNG ĐẮC" gì đâu!

Sông Hương, núi Ngự cảnh nên thơ,

Chưa đến lòng ai vẫn ước mơ!

Một đến lại về như chẳng đến,

Sông Hương, núi Ngự cảnh nên thơ!...

3. Thầy Xá Lợi Phất hỏi về vấn đề SANH DIỆT của một Bồ tát, lập tức bị Ngài Duy Ma Cật nạn, vì câu hỏi đó không xứng đáng là câu hỏi của người "trí" học đạo nên hỏi.

Vấn đề được "khai thị" xong thì đức Phật ôn tồn cho biết: Bồ tát Duy Ma Cật từ thế giới Diệu Hỉ "MẤT" và "SANH" qua thế giới Ta bà này.

4. Không rời khỏi tòa ngồi, Bồ tát Duy Ma Cật tiếp nhận toàn vẹn thế giới Diệu Hỉ, gom hết thảy biển cả, sông ngòi, núi non, thành ấp, tụ lạc... Tiếp thỉnh đức Vô Động Như Lai và tất cả Bồ tát, Thanh văn để lên bàn tay như cầm một tràng hoa đem về sáp nhập cõi Ta bà. Đây cũng là cơ hội người BẤT TƯ NGHÌ trình diễn cảnh BẤT TƯ NGHÌ thêm một lần nữa.

Như lời tựa đã giới thiệu, kinh Duy Ma Cật có ba lần "HIỆN TỊNH ĐỘ" trong ba dạng khác nhau.

Lần một, ở chương thứ nhất đức Phật Thích Ca hiện TỊNH ĐỘ ngay nơi cõi Ta bà, nhằm dạy cho mọi người biết rằng: TỊNH ĐỘ không ngoài UẾ ĐỘ. "Tịnh", "Uế" do con người. "TÙY KỲ TÂM TỊNH TẮC PHẬT ĐỘ TỊNH". Tâm con người có tịnh mới có CÕI PHẬT TỊNH, tâm không tịnh không tìm có cõi Tịnh.

Lần hai, chương thứ mười, Bồ tát Duy Ma Cật sử dụng khả năng BẤT TƯ NGHÌ, biểu thị việc làm BẤT TƯ NGHÌ, trình diễn cảnh giới BẤT TƯ NGHÌ nhằm giới thiệu cõi TỊNH ĐỘ ở từ cách xa cõi Ta bà những hằng hà sa thế giới. Điều đó nhằm dạy cho mọi người biết rằng TỊNH ĐỘ không phải chỉ có ở cõi Ta bà, mà ở xa mút nguồn tưởng tượng ấy còn có nhiều TỊNH ĐỘ khác nữa...

Tuy nhiên, xa mà không có gì trở ngại bởi sự cách núi ngăn sông. Cho nên con người có thể dời TỊNH ĐỘ xa xôi ấy đem về thành gần và con đường qua lại chỉ trong thời gian khoảnh khắc.

Bồ tát Duy Ma Cật làm việc đó nhằm dạy cho đại chúng trong hải hội cái chân lý: CHƯ PHÁP TƯƠNG TỨC TỰ TẠI. NHẤT ĐA TƯƠNG DUNG BẤT ĐỒNG. CHƯ TÀNG THUẦN TẠP CỤ ĐỨC. NHÂN ĐÀ LA VÕNG CẢNH GIỚI. BÍ MẬT ẨN HIỂN CÂU THÀNH. DUY TÂM HỒI CHUYỂN THIỆN THÀNH. Là tu sĩ phải học như thế, phải hiểu như thế và sử dụng QUÁN TRÍ để nhận thức chân lý.

Lần thứ ba, hiện TỊNH ĐỘ ở chương này cũng nhằm nhắc nhở sâu đậm về chân lý: VẠN PHÁP trong PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN không có ngoại lệ. Vạn pháp tương ưng, tương tức, tương nhập, tương dung, lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

Thiền giả sử dụng QUÁN TRÍ, nhận thức rõ được chân lý "SỰ SỰ VÔ NGẠI" thì việc Bồ tát Duy Ma Cật tiếp nhận toàn bộ thế giới Diệu Hỉ đem sáp nhập cõi Ta bà không trở ngại gì nhau. Vấn đề đó không còn là vấn đề thần thoại khó hiểu nữa. Bấy giờ người trí bừng tỉnh ngộ: Thì ra KINH DUY MA CẬT lưu lại hậu thế không nhằm mục đích GHI LẠI CHUYỆN HOANG ĐƯỜNG, để sau này các nhà sư thay Phật kể chuyện hoang đường cho các cháu trẻ con nghe!

Sau khi thấy rõ toàn vẹn thế giới Diệu Hỉ và chiêm ngưỡng tôn nhan đức VÔ ĐỘNG NHƯ LAI, đại đa số trong hải hội phát nguyện muốn sanh sang thế giới Tịnh độ Diệu Hỉ của Vô Động Như Lai.

Đức Thích Ca hứa khả: "Tất cả các vị đều sẽ được như nguyện". Vì sao đức Phật lại hứa khả quá dễ dàng? Ngài cảm tình, Ngài thương xót mà nỗ lực "phù hộ" cho ư?

Không! Phật không phù hộ, "gia trì", "cứu rỗi" cho ai được hết. Sở dĩ Như Lai hứa khả dễ dàng là vì Như Lai biết rõ: Mọi người ai cũng sẵn có "CHÂN TÂM THỂ THƯỜNG TRÚ". Ai cũng có "CHÂN TÁNH THỂ TỊNH MINH". Ai cũng vốn có Như Lai VIÊN GIÁC DIỆU TÂM. Ai cũng sẵn có tri kiến Phật. Ai cũng sẵn có Phật tánh rồi. Cho nên nếu mọi người muốn sang Diệu Hỉ Tịnh độ kia, thì các vị chỉ cần thực hiện lời Như Lai đã dạy: TÙY KỲ TÂM TỊNH TẮC PHẬT ĐỘ TỊNH. DỤC TỊNH PHẬT ĐỘ TIÊN TỊNH KỲ TÂM. Khi nào tâm của các vị thanh tịnh thì các vị có cõi Phật thanh tịnh. Muốn được cõi Phật thanh tịnh trước hết các vị tự sửa đổi, tịnh cái tâm của mình.

Thế thì, công của ai làm thì người đó hưởng. Cũng giống như ai muốn hưởng vật chất dồi dào ở một nước kinh tế phồn vinh thì phải tự lo đăng ký, tự tích lũy tiền bạc, tự chạy giấy tờ xuất cảnh để mà đi. Hễ có đi thì có đến. Giống như tâm các vị có tịnh thì có cõi Tịnh vậy. Như Lai có mất gì mà chẳng hứa khả để cho tròn nghĩa là đấng ĐẠI TỪ BI Vô thượng.

6. Thầy Xá Lợi Phất sau khi nghe thấy những sự kiện BẤT TƯ NGHÌ, thâm ngộ chân lý thầy tán thán kinh nghĩa thậm thâm. Thầy cho rằng người nào được nghe, được học, được hiểu và áp dụng phương pháp "QUÁN CHIẾU" mà tu hành thì sẽ được công đức vô lượng. Người đó là người CÚNG DƯỜNG PHÁP. Mà cúng dường pháp cũng tức là cúng dường Phật một cách tròn đầy nhất. Người đó đã được Như Lai "ẤN CHỨNG" thành tựu Vô thượng chánh biến tri giác rồi.

Lời thầy Xá Lợi Phất trần tình trước Phật là một chân lý tất nhiên, không phải xuất phát từ đầu môi khách sáo!

*

* *

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA
CÚNG DƯỜNG PHÁP

1. Bấy giờ, thay mặt hàng người trời Thích Đề Hoàn Nhân trước đại chúng đứng lên bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Con dù theo Phật và Văn Thù Sư Lợi Bồ tát từ lâu, đã nghe rất nhiều kinh điển, nhưng chưa từng nghe kinh điển "Quyết định thực tướng, bất khả tư nghì tự tại" như vậy.

Theo sự hiểu biết của con, qua ý nghĩa và mục đích của Phật dạy: Nếu chúng con nghe theo kinh pháp này tin hiểu, thọ trì đọc tụng, tu hành đúng như kinh dạy thì người đó đã đóng bít cửa ác thú, khai thông đại lộ Niết bàn. Người này thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục được ngoại đạo, đánh đuổi được ma quân, tăng trưởng Bồ đề, vững ngồi nơi đạo tràng, bước theo dấu chân Phật mà đi.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người thọ trì đọc tụng đúng theo lời kinh mà tu hành, con cùng các quyến thuộc sẽ cúng dường mọi sự! Ở xóm làng thành thị, núi rừng, chỗ nào có kinh này chúng con đến đó nghe pháp và tu học. Chúng con bằng mọi phương tiện khiến cho

những ai chưa tin phát khởi lòng tin, người đã tin sẽ giữ gìn hộ pháp.

Phật dạy: Tốt lắm! Thích Đề Hoàn Nhân! Như Lai rất bằng lòng thiện ý của ông. Kinh này nói rõ về những sự kiện bất khả tư nghì Vô thượng chánh biến tri giác của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Thế cho nên, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì đọc tụng giảng thuyết cúng dường kinh, tức là cúng dường ba đời chư Phật.

Thích Đề Hoàn Nhân! Giả sử trong vũ trụ này chư Phật nhiều như số tre nứa, lau sậy, lúa bắp, cây cỏ lùm rừng… Nếu có người thiện nam, thiện nữ đem trọn đời mình tôn trọng cung kính tán thán, cung dưỡng đầy đủ mọi thứ cần dùng! Cúng dường cho đến khi chư Phật diệt độ. Rồi lấy xá lợi của toàn thân Phật xây tháp thất bảo rộng bốn lần quả địa cầu. Dùng tất cả hương hoa, anh lạc, tràng phan, kỷ nhạc hay đẹp nhất đời, hiến trọn kiếp sống để cung dưỡng phục vụ chư Phật đông nhiều như thế.

Thích Đề Hoàn Nhân! Ông nghĩ thế nào? Người vun trồng cội phúc như thế phước đức có nhiều chăng?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Phước đức đó dù đem trọn đời nói cũng không sao hết được.

Phật bảo: Thích Đề Hoàn Nhân! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh điển bất khả tư nghì giải thoát này tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu hành thì phước đức còn nhiều hơn người cúng dường vật chất cho chư

Phật. Bởi vì Bồ đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra, mà tướng Bồ đề thì vô hạn lượng, thế cho nên phước đức cũng vô hạn lượng.

2. Phật dạy tiếp: Thích Đề Hoàn Nhân! Thuở quá khứ cách nay vô lượng vô biên, có đức Phật hiệu Dược Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới của đức Phật đó tên Đại Trang Nghiêm.

Này Thích Đề Hoàn Nhân! Lúc ấy có vị Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Bảo Cái có đầy đủ thất bảo, làm chủ tứ thiên hạ. Vua có một ngàn người con đoan chính dũng kiện, có khả năng chinh phục mọi kẻ địch thù. Thuở ấy, đức vua cùng quyến thuộc hết lòng cung kính cung dưỡng đức Dược Vương Như Lai mọi thứ cần dùng một thời gian dài. Qua thời gian đó, nhà vua dạy các con: Các con hãy kế tục theo hạnh của cha đã làm. Phải đem hết thâm tâm mà cung dưỡng đức Phật. Các con của ông đều hoan hỉ vâng lãnh lời dạy của vua cha thành tâm cung dưỡng đức Dược Vương Như Lai một thời gian dài nữa.

Trong số các vương tử có một người tên Nguyệt Cái, thiền tọa tư duy: Đáng tiếc thay! Ta chưa hiểu được chẳng biết còn cách cúng dường nào khác, tôn quý hơn cách cúng dường này chăng?

Từ trong không gian có tiếng vọng: "Thiện nam tử! Cúng dường pháp ưu việt hơn tất cả mọi cúng dường".

Vương tử bèn hỏi: Cúng dường pháp là thế nào?

Tiếng vọng đáp: Ngươi nên hỏi đức Dược Vương Như Lai, ngươi sẽ được biết thế nào là cúng dường pháp.

Vương tử Nguyệt Cái đến chỗ Dược Vương Như Lai, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, đứng nép một bên thưa:

Bạch Thế Tôn! Trong tất cả sự cúng dường, cúng dường pháp ưu việt hơn hết, con chưa hiểu ý nghĩa cúng dường pháp là thế nào? Kính mong Thế Tôn vì con dạy bảo.

Đức Phật dạy: Này thiện nam tử! Ngươi hãy lắng nghe, Như Lai sẽ vì ngươi nói rộng về ý nghĩa người cúng dường pháp phải làm gì.

Người cúng dường pháp là người có khả năng nghe những kinh điển giáo lý sâu xa của chư Phật nói ra mà những người thế gian khó tin, khó hiểu, khó tiếp thọ, vì quá ư vi diệu, thanh tịnh tuyệt trần, vô nhiễm, vô vi, vượt ngoài tư duy phân biệt của người thường. Những thứ kinh đưa con người đến địa vị Bất thối chuyển, hoàn thành lục độ, thuận với pháp Bồ đề. Những kinh nghĩa dạy cho người tu hành thể nhập đại từ bi, xa lìa các ma sự và các tà kiến. Nghe kinh nghĩa

như thế không nghi ngờ sợ hãi, như thuyết tu hành gọi là cúng dường pháp. Lại nữa, người cúng dường pháp là người có khả năng nhận thức chân lý, tùy thuận pháp nhân duyên sanh, tỏ ngộ chân lý vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng. Thấu triệt nghĩa không, vô tướng, vô tác, vô khởi của vạn pháp. Có thể khiến cho chúng sanh ngồi đạo tràng mà chuyển pháp luân. Có thể khiến cho chúng sanh thể nhập kho tàng pháp bảo của Phật, nói rõ những đạo lý của Bồ tát làm, y cứ vào nghĩa thật tướng của các pháp. Tuyên rõ nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và tịch diệt để cứu hộ những chúng sanh sai phạm giới cấm, những người nặng tham, sân, si sợ sệt răn chừa. Những kinh điển chư Phật ngợi khen, trái đường sanh tử, chỉ nẻo Niết bàn, mười phương chư Phật hộ niệm và nói ra. Nghe kinh điển như thế mà tin sâu, hiểu kỹ, thọ trì, đọc tụng. Vì các chúng sanh phân biệt giải nói rõ ràng và giữ gìn kinh pháp đó. Làm được những điều như thế, gọi đó là cúng dường pháp.

Lại nữa, người cúng dường pháp là người đối với các pháp đúng như lời dạy của kinh mà tu hành. Tùy thuận pháp Nhân duyên, xa lìa tà kiến, chứng nhập Pháp nhẫn vô sanh, thể nhập sâu sắc diệu lý vô ngã, vô chúng sanh. Đối với chân lý Nhân duyên, Nhân quả không nghi ngờ chống trái, xa lìa tất cả ngã sở hữu. Trên đường học đạo tiến tu y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh, y pháp bất y nhân. Người cúng dường pháp còn là người

tùy thuận pháp tướng. Đối với các pháp không có tướng sở nhập cũng không có chỗ sở qui, vì hiểu rằng vô minh rốt ráo tịch diệt. Khởi quán như thế nhận thấy rõ rằng mười hai nhân duyên không có tướng tận chung, cũng không có tướng khởi thỉ. Học pháp như thế, hành những pháp như thế, gọi đó là người cúng dường pháp tối thượng.

Đức Phật bảo: Thích Đề Hoàn Nhân! Vương tử Nguyệt Cái theo đức Phật Dược Vương nghe học pháp như thế được nhu thuận nhẫn, bèn cởi bảo y đang mặc trên mình dâng lên cúng dường Phật và bạch rằng:

Bạch Thế Tôn! Sau Như Lai diệt độ, con sẽ thực hành cúng dường pháp để thủ hộ chánh pháp. Kính mong Thế Tôn thương xót dùng oai thần vững mạnh khiến cho con đủ nghị lực hàng phục ma quân tu Bồ tát hạnh.

Đức Dược Vương Như Lai biết ý nghĩ từ thâm tâm của Vương tử Nguyệt Cái, bèn ấn khả: Nguyệt Cái! Sau này ông sẽ truyền trì chánh pháp làm tường thành hộ pháp khiến cho Phật pháp cửu trụ thế gian.

Đức Thích Ca dạy tiếp: Thích Đề Hoàn Nhân! Liền sau đó con mắt chánh pháp Vương tử Nguyệt Cái tỏ sáng và thanh tịnh. Nghe Dược Vương Như Lai hứa khả cho, bèn đem hết tín tâm xuất gia, tinh tấn tu tập thiện pháp, đầy đủ đạo Bồ tát, có sức tổng trì biện tài vô đoạn. Sau Phật diệt độ đem sức tổng trì và biện tài

đã được, truyền bá chánh pháp tùy cơ phân bổ, tinh tấn giữ gìn.

Thích Đề Hoàn Nhân! Phải biết cúng dường pháp tối ưu việt hơn tất cả mọi cách cúng dường nào khác. Thế cho nên hãy đem pháp cúng dường mà cung dưỡng chư Phật!

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Từ lâu theo Phật và Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, từng nghe rất nhiều kinh điển nhưng chưa hề được nghe kinh BẤT TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT như vầy, lời của Thích Đề Hoàn Nhân nói.

Thật vậy, người tu học kinh này quyết định sẽ được SỰ GIẢI THOÁT BẤT TƯ NGHÌ. Sự giải thoát ngay ở cõi đời này, sự giải thoát ở trước mọi người mà mọi người không ai hay biết. Vì kinh này do con người BẤT TƯ NGHÌ, nói kinh BẤT TƯ NGHÌ, trình diễn cảnh BẤT TƯ NGHÌ, tu pháp BẤT TƯ NGHÌ, thành tựu trí tuệ BẤT TƯ NGHÌ. Cho nên đem lại kết quả GIẢI THOÁT BẤT TƯ NGHÌ VÔ THƯỢNG CHÁNH BIẾN TRI GIÁC, ngang bằng quả vị chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Thế cho nên người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết tu hành theo kinh này phước đức lớn không có ngôn từ tán thán cho cân, không có số nhiều để so sánh đong lường.

Đức Phật dạy cho Thích Đề Hoàn Nhân: Bồ đề của chư Phật ba đời đều từ kinh này mà có ra. Vì vậy người tu theo kinh này quyết định sẽ thành Phật.

2. CHƯ CÚNG DƯỜNG TRUNG, PHÁP CÚNG DƯỜNG TỐI, đó là tiếng vọng từ không trung Nguyệt Cái Vương tử được nghe trong lúc tĩnh tọa thiền tư tìm một phương cách cúng dường ưu việt nhất. Ý nghĩa của lời dạy đó báo cho Vương tử Nguyệt Cái rằng: TRONG TẤT CẢ PHƯƠNG CÁCH CÚNG DƯỜNG, CÚNG DƯỜNG PHÁP LÀ ƯU VIỆT HƠN HẾT.

Cầu học phương cách CÚNG DƯỜNG PHÁP, ĐỨC DƯỢC VƯƠNG Như Lai dạy:

Người cúng dường pháp là người có khả năng nghe những kinh điển giáo lý sâu xa mà người đời khó nghe, khó tin, khó hiểu, khó hành, vì quá thâm diệu vượt tầm hiểu biết của người thường; mà người này nghe được, tin được, hiểu được, hành được. Nghe những kinh điển sâu xa vi diệu sanh lòng hâm mộ, không có ý sợ hãi, nghi ngờ, phát chí dũng mãnh theo lời kinh dạy mà tu hành, làm được những việc như thế, gọi là người "CÚNG DƯỜNG PHÁP".

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN
CHÚC LŨY

1. Bấy giờ, Đức Phật gọi Bồ tát Di Lặc đến và bảo:

Này Di Lặc! Nay ta đem pháp Vô thượng chánh biến tri giác mà ta từng tu tập phó chúc cho ông. Những kinh điển như thế, sau Phật diệt độ, ở hậu thế các ông hãy nổ lực truyền bá rộng rãi ở chốn nhân gian đừng để cho giáo lý liễu nghĩa thậm thâm mai một.

Vì sao? Bởi trong đời vị lai vẫn có nhiều thiện nam, thiện nữ có khả năng hâm mộ pháp liễu nghĩa thậm thâm phát tâm Vô thượng giác. Giả sử mà họ không được nghe những kinh điển liễu nghĩa thậm thậm như thế thì thiệt thòi quá lớn lao. Ngược lại, họ được nghe kinh liễu nghĩa thậm thâm này, phát khởi tín tâm sâu sắc lãnh thọ hành trì. Đối với chúng sanh hữu duyên có khả năng tiếp thụ, họ quảng bá tuyên truyền làm cho nhiều người cùng được có lợi ích.

2. Di Lặc! Ông nên biết, Bồ tát có hai hạng:

Một, ham thích văn từ bóng bẩy, ngôn ngữ khách sáo chuốt trau.

Hai, không khiếp sợ những kinh nghĩa sâu xa, đúng như thật tướng mà thể nhập.

Hạng ham văn từ bóng bẩy, ngữ ngôn khách sáo phải biết đó là tân học Bồ tát.

Hạng người văn tự chuốt trau, ngôn từ khách sáo gác bỏ ngoài tai, vượt ra nghi lễ rườm rà, đối với kinh điển liễu nghĩa thậm thâm không có lòng sợ sệt, có khả năng thể nhập như thuyết tu hành, thọ trì đọc tụng, nghe rồi tâm thanh tịnh an vui… Phải biết đó là Bồ tát trau dồi đạo hạnh đã lâu đời rồi.

Di Lặc này! Lại còn có hai hạng người cũng thuộc hàng tân học.

Một, từ trước họ chưa được nghe kinh điển thậm thâm liễu nghĩa, nay nghe họ sanh tâm sợ sệt nghi ngờ, không tùy thuận nổi, lại còn hủy báng không tin, thốt lên những lời bảo thủ rằng: Hồi nào giờ tôi chưa từng nghe những giáo lý như thế. Sao nay lại nói như vậy? Kinh đó từ đâu mà có? Đó là thứ kinh gì?

Hai, có hạng người vẫn thọ trì, giải quyết thâm nghĩa của kinh, nhưng không chịu thân cận cung dưỡng, cung kính tôn trọng, có lúc lại còn phê phán chỉ trích ý kinh.

Hai hạng người như thế phải biết đó là những hàng Bồ tát tân học. Họ là những người tự hủy hoại phước đức trí tuệ của mình. Họ không thể hấp thụ được

những kinh liễu nghĩa thậm thâm để điều phục lấy tâm mình.

Lại nữa, Di Lặc! Còn có hai hạng Bồ tát dù tin hiểu sâu đối với kinh pháp này, nhưng vẫn còn tự làm tổn thương phước đức trí tuệ, không chứng được Vô sanh pháp nhẫn.

Một, khinh thường các hàng Bồ tát tân học không dạy dỗ cho họ tiến lên.

Hai, dù tự mình hiểu sâu nghĩa thú của kinh nhưng còn chấp mắc phân biệt.

3. Di Lặc Bồ tát nghe nói thế liền bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Theo lời Phật dạy, con sẽ tránh xa những khuyết điểm mà Thế Tôn đã chỉ ra. Con sẽ phụng trì pháp Vô thượng chánh biến tri giác mà Như Lai đã thực hiện và tích lũy. Đời vị lai nếu có người thiện nam, thiện nữ cầu Bồ đề đạo, con sẽ khiến cho trong tay họ cầm được những kinh điển liễu nghĩa thậm thâm như vậy và khiến cho họ thọ trì, đọc tụng, truyền bá rộng cho nhiều người cùng nghe hiểu tu hành. Phải biết đó là do sức phương tiện của tâm đại hỷ mà Di Lặc gia hộ kiến lập nên.

Phật khen: Lành thay! Di Lặc! Như ông đã phát nguyện, Như Lai rất vui lòng và sẽ hỗ trợ thiện ý của ông.

Bấy giờ tất cả chư Bồ tát đều chấp tay bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Sau Như Lai diệt độ, chúng con cũng đem hết sức mình truyền bá rộng sâu trong các cõi nước mười phương, pháp Vô thượng chánh biến tri giác của Như Lai đã dạy. Lại vận dụng mọi phương tiện và khả năng hỗ trợ cho những người thuyết pháp, truyền bá kinh này được thuận lợi thập phần viên mãn.

Hàng nhân thiên bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Nơi nơi chốn chốn, thành ấp tụ lạc, núi rừng, đồng nội, chỗ nào có người thọ trì đọc tụng, biên chép giảng giải kinh này, chúng con sẽ sai các quyến thuộc đến đó nghe pháp và để bảo hộ khiến cho các thành phần ngu trí, ngoại đạo, những kẻ cuồng tín không có cơ hội để quấy phá người truyền bá giảng thuyết kinh này.

Đức Phật bảo: An Nan! Thầy hãy thọ trì kinh này và truyền bá sâu rộng ở đời sau.

Dạ, bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời Phật. Con đã nắm vững những phần cốt lõi thâm sâu rồi.

Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là chi? A Nan hỏi.

Phật bảo: Kinh này tên là DUY MA CẬT SỞ THUYẾT. Cũng gọi là kinh BẤT KHẢ TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT PHÁP MÔN. Thầy hãy như vậy thọ trì.

Phật nói kinh này xong, Bồ tát DUY MA CẬT, Đại trí Văn Thù Sư Lợi, Xá Lợi Phất và hàng nhân

thiên cùng tất cả đại chúng nghe rồi đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

1. Chúc lũy có nghĩa là dặn dò một cách thân thiết vì tính cách quan trọng của một vấn đề.

Di Lặc Bồ tát được Phật chúc lũy phải kế thừa truyền bá, giữ gìn, tôn trọng kinh này. Đây là giáo lý tối thượng thừa lợi ích chúng sanh hậu thế rất lớn lao, không nên hời hợt lơ là.

2. Bồ tát ham thích văn tự bóng bẩy, ngôn từ khách sáo. Đó là Bồ tát tân học, trí tuệ căn lành chưa được bao nhiêu...

Bồ tát nghe kinh điển thậm thâm vi diệu hâm mộ tư duy, phấn chí tu hành không nghi ngờ, không sợ sệt. Đó là Bồ tát đã trồng sâu căn lành nhiều đời...

3. Bồ tát Di Lặc phát biểu tiếp thu nguyện đem hết sức mình động viên, cổ vũ khiến cho mọi người cùng hưởng ứng tu tập theo giáo lý Nhất thừa liễu nghĩa thậm thâm này để cùng thu hoạch tột cao trên con đường Bồ đề Vô thượng.

Nhằm xác lập vấn đề cho thật rõ ràng, nghiêm túc trước khi chấm dứt thời pháp liễu nghĩa tối thượng thừa, thầy A Nan hỏi Phật về tên gọi của kinh này.

Đức Phật dạy: Kinh này tên gọi là "DUY MA CẬT SỞ THUYẾT" cũng gọi là "BẤT KHẢ TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT PHÁP MÔN KINH".

*

* *

MỤC LỤC

LỜI TỰA ……..……... 7
PHÀM LỆ ……..10
CHƯƠNG 1:
Cõi Nước Phật ……11
CHƯƠNG 2:
Phương Tiện…….. 23
CHƯƠNG 3:
1.- Vấn đề thiền…… 29
2.- Vấn đề thuyết pháp ……... 33
3.- Vấn đề khất thực…… 37
4.- Lại vấn đề khất thực……. 41
5.- Lại vấn đề thuyết pháp…….. 45
6.- Thuyết pháp yếu. ……... 48
7.- Vấn đề thiên nhãn. …… 51
8.- Giảng luật…… 54
9.- Vấn đề xuất gia …….. 58
10.- Như Lai bệnh. …… 61
CHƯƠNG 4
1.- Vấn đề thọ ký…….. 65
2.- Vấn đề đạo tràng……. 71
3.- Pháp vui vô tận…… 76

4.- Hội đại thí…… 82
CHƯƠNG 5:
Văn Thù Bồ tát thăm bệnh…… 86
CHƯƠNG 6:
Bất tư nghì. …… 100
CHƯƠNG 7:
Quán chúng sanh. …….. 115
CHƯƠNG 8:
Con đường Phật. ……. 133
CHƯƠNG 9:
Chứng nhập pháp môn không hai……... 143
CHƯƠNG 10:
Phật Hương Tích……. 157
CHƯƠNG 11:
Việc làm của Bồ tát. ……. 174
CHƯƠNG 12:
Thấy Vô Động Như Lai, thế giới Diệu Hỷ... 189
CHƯƠNG 13:
Cúng dường pháp…… 203
CHƯƠNG 14:
Chúc lũy ……. 211

GIÁO TRÌNH HƯỚNG DẪN TU HỌC TỪ XA

THƠ

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Do Hòa Thượng **TỪ THÔNG -** Hiệu. **NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ**

Biên soạn

ĐÃ XUẤT BẢN :

1) NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ THI TẬP
   Trực chỉ đề cương

2) NGÓN TAY CHỈ TRĂNG
   Trực chỉ đề cương (12 tập)

3) NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY

4) HỒI KÝ NHỚ ƠN THẦY

5) NHẬP PHẬT TRI KIẾN

KINH LUẬN DO

HÒA THƯỢNG TỪ THÔNG Biên Dịch

ĐÃ XUẤT BẢN :

1) PHÁP HOA KINH
Thâm Nghĩa Đề Cương

2) BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương

3) KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương

4) DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH
Tuyển Trạch Tân Tu

5) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
Tuyển Trạch Tân Tu

6) NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH
Trực Chỉ Đề Cương

7) CHỨNG ĐẠO CA
Trực Chỉ Đề Cương

8) DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN
Trực Chỉ Đề Cương

9) ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH (2 quyển)
Trực Chỉ Đề Cương